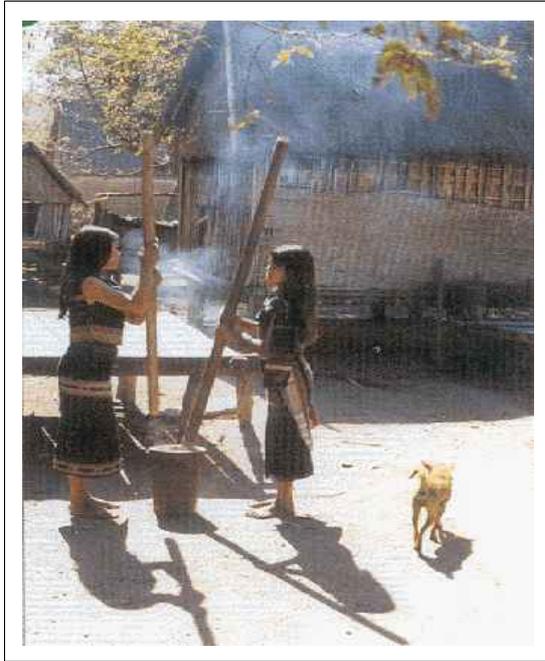


F O R U M



Tây Nguyên trước hiểm họa di dân ở ạt, vô tổ chức: một nền văn hoá làng-rừng đang bị phá vỡ.

Việt Nam và Công ước Berne : Ý nghĩa của sự tham gia

Đỗ Tuyết Khanh

Ngày 26.10 vừa qua, Việt Nam đã chính thức trở thành nước thứ 156 ký kết và tham gia Công ước về bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật (*Berne Convention for the Protection of Literary and Artistic Works*), thường gọi tắt là Công ước Berne (*Berne Convention*), là văn kiện quốc tế về luật bản quyền. Đây là một sự kiện quan trọng và, vì ảnh hưởng trực tiếp lên đời sống văn hoá hàng ngày, đã gây nhiều chú ý trong dư luận và báo chí VN. Song, các tác động không chỉ dừng ở vấn đề sách báo và đĩa nhạc mà còn mang nhiều ý nghĩa sâu rộng hơn, liên quan đến các quan hệ kinh tế đối ngoại và hình ảnh của VN nói chung đối với thế giới.

Bản quyền và sở hữu trí thức

Bản quyền, hay tác quyền, hay quyền tác giả (*copyright*) là các qui định cho phép một tác giả bảo vệ các quyền lợi liên quan đến việc phổ biến hay sử dụng tác phẩm của mình, và ngăn ngừa sự sao chép lậu hay sử dụng trái phép. Bản quyền là một trong hai lĩnh vực của sở hữu trí thức, bên cạnh sở hữu công nghiệp (*industrial property*), được chi phối bởi Công ước bảo vệ sở hữu công nghiệp (*Convention for the protection of industrial property*), thường gọi tắt là Công ước Paris.

Khái niệm bản quyền thật ra đã có từ rất lâu. Các học giả thời Cổ Hy Lạp và Đế quốc La Mã đã quan tâm đến việc chính thức xác định ai là tác giả của các sản phẩm trí tuệ. Nhưng lúc ấy chưa ai nghĩ đến quyền lợi kinh tế vì việc sao chép nhiều khê (khắc trên đá, gỗ hay ghi chép lại trên giấy bồi đều rất vất vả !) và đại đa số dân chúng mù chữ, các tác phẩm văn học chỉ lưu truyền trong giai cấp thượng lưu. Mãi đến thế kỷ thứ 15, với phát minh của Gutenberg và sự ra đời của ngành in ấn, cho phép phổ biến rộng rãi sách vở và nâng cao trình độ học vấn trong dân chúng, thì việc sao chép lậu mới trở thành vấn đề.

(xem tiếp trang 11)

Mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự, những vấn đề

1 Việt Nam và Công ước Berne Đỗ Tuyết Khanh

4 Tin tức

8 Thời sự đặc biệt : Hồ sơ Lê Đức Anh

14 Nhìn lại vụ tôm Trần Hữu Dũng

16 Hai vấn đề văn hoá
ở Tây Nguyên Nguyễn Ngọc

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

20 Huy Cận trong tôi Đặng Tiến

21 Cảm thông, Xuân hành (thơ) Huy Cận

24 Hai cái đối Ất Dậu Phạm Toàn

26 Quan Âm chỉ lộ Nguyễn Huy Thiệp

31 Xem phim Mùa len trâu Phan Tam Khê

Phim MÊ THẢO tiếp tục chiếu ở Pháp

Khi chúng tôi lên khuôn số này, cuốn phim **MÊ THẢO Thời vang bóng** của đạo diễn Việt Linh được chiếu liên tiếp 12 tuần lễ ở Paris, đồng thời lưu chiếu ở Pháp. Vì địa điểm và giờ chiếu phim thay đổi từng tuần, chúng tôi không thể cập nhật hoá trên bản in hàng tháng. Bạn đọc có thể vào mục số tay của Diễn Đàn trên mạng, hoặc vào allocine.com để theo dõi lịch chiếu phim ở các nơi.

MÙA LEN TRÁU bắt đầu chiếu ở Pháp

Cuốn phim của đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh sẽ được chiếu tại 15 rạp ở Pháp bắt đầu từ ngày 23.3.2005. Xin xem bài giới thiệu trong số này.

Karlsruhe : Kultur - Frauenperspektiven 2005

Trong khuôn khổ liên hoan Viễn tượng Phụ nữ & Văn hoá 2005 từ ngày 4 đến 20 tháng 3-2005 của thành phố Karlsruhe, dưới chủ đề **Viễn Đông – Cận Tây ? (Ferner Osten - Naher Westen ?)**, khán giả sẽ có dịp gặp những văn nghệ sĩ Việt Nam (trong nước và ngoài nước) và tiếp cận tác phẩm của họ : **Phạm Thị Hoài, Đào Droste, Phan Thị Minh Khai, Kim Lefevre, Hương Thanh & Nguyễn Lê, Đoàn Cẩm Thi, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Phương Linh, Trịnh Thị Minh Hà...**

Xem chương trình đầy đủ :

www.karlsruhe.de/frauenperspektiven

Lịch trình tour của NGUYỄN LÊ

Tháng 3 : phát hành CD mới **Walking on the Tiger's Tail**, ngày 16, trình diễn tại Hamm (Đức), Kurhaus : *Hendrix* ; 17 Gaggenau, Klag Buhne : *Hương Thanh* ; 18 Karlsruhe, Jubeez : *Hương Thanh* ; 19 Conflans St Honorine : *Hendrix* ; 31 Aucamville : *Paolo Fresu*

Tháng 4 : 2 Brno : *Hungary trio* hay *Hendrix ?*, 6, 7 Moscow : *Hendrix*, 16 Gand : *Dhafer Youssef*, 19 to 31: **Tiger's Tail** tour (Art Lande, Paul McCandless, Patrice Heral), 19 > 20 Sunset, Paris, 21 Munich Gaertnerplatz Theater, 23 Schiltigheim, Cheval Blanc, 25 Luxembourg Melusina, 26 Mannheim Alte Feuerwache, 27 Mainz Frankfurter Hof, 28 Freiburg Jazzhaus, 29 Singen Gems, 30 Lausanne.

Sở tay sinh hoạt văn hoá được cập nhật thường xuyên trên mạng internet : www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lý, kỹ thuật :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiên Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Bạn đọc & Diễn Đàn

Đính chính...

Một bạn đọc đã lưu ý chúng tôi : từ nhiều số liên tiếp, số trưng mục bưu điện của Diễn Đàn (nơi trang 3) in sai. Thật vậy, trưng mục chính xác là CCP 4 416 14 W PARIS-DIENDAN, 6 con số đó cũng nằm trong chuỗi số IBAN cũng đăng trong phiếu mua báo dài hạn :

FR 90 30041 00001 0441614W02076

Trong những số báo vừa qua, số 4 ở cuối và số 6 đã đổi chỗ, gây ra phiền hà cho những bạn đọc trả tiền qua chuyển khoản trực tiếp qua CCP. Chúng tôi xin thành thực cáo lỗi. Nhân đây, cũng xin nhắc lại : nếu chuyển khoản trực tiếp (*virement postal*), xin độc giả vui lòng viết thư cho biết (bằng không, bưu điện không chỉ cho biết số CCP mà không cho biết danh tính và địa chỉ người gửi).

...đính chính và đính chính

Đó không phải là sai lầm duy nhất trong số Xuân Ất Dậu vừa qua. Thêm 20 trang, lại thiếu một người (đi công tác xa), nên đã có nhiều sơ suất :

* tr 18, bài *Chuyện gà năm Dậu*, câu hát ru bát "*Chiều chiều con quạ lợp nhà*" mất đi một chữ "*chiều*". Vì là câu lục bát, chắc nhiều bạn đọc đã thấy ngay sự sai sót và sửa giùm.

* tr 35, bài *Hội trí thức Meirokusha...*, trong chú thích số (1), dòng thứ nhì, thay vì "*quý hữu*", xin đọc là "*uy hữu*". Quý hữu (*bạn quý*) dùng trong xưng danh đối thoại, *uy hữu* là người bạn đáng nể trọng. Người đánh máy không biết danh từ *uy hữu*, nên đã nhanh nhẩu đoảng, tự tiện thêm con chữ *q* vào bài của tác giả, chứng minh một lần nữa phương trình toán học nổi tiếng : *dốt nát + nhiệt tình = tội ác* !

* tr 8, khung *Sóng thần / Tsunami*, ở cuối đoạn đầu, thiếu hẳn một đoạn câu : "*Hawai là nơi có nhiều người Mỹ gốc Nhật cư trú*".

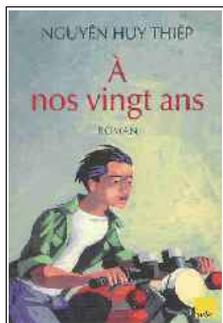
* trang 52, *Thư bạn đọc*, câu cuối đoạn 2, thiếu chữ lạnh cuối câu : "*Một mặc khải ngâm trong nước lạnh*".

Phần lớn những sai sót trên báo là do làm việc cật rập mà thiếu tổ chức, không theo đúng quy trình, trong khi thời gian tiếp tục trôi nhanh, số báo xuân Ất Dậu vừa qua là tờ báo tết năm Con Gà thứ nhì của Diễn Đàn, đôi mắt và những ngón tay nhiều khi "*bát tông tâm*". Chúng tôi thành thực xin lỗi độc giả và các tác giả bằng cách cố gắng rà lại cách làm việc để ngăn ngừa tối đa những sai lầm này.

Một nguyên nhân ngoài tầm tay của ban biên tập là đôi khi, có tác giả chưa sử dụng bộ chữ Unicode, mà còn dùng những bộ chữ bất cập như VNI, VPS, TCVN..., khi chúng tôi chuyển mã sang Unicode, khó tránh khỏi những sai lầm, sơ sót. Rất mong các cộng tác viên chú ý cho điều này.

Cuối cùng, vẫn còn một sai sót, nghiêm trọng, mà nhiều bạn đọc đã lưu ý. Chúng tôi càng vui vì được kết thúc mấy dòng đính chính này bằng câu : **Chúc bạn đọc và gia quyến một năm Ất Dậu sức khoẻ, an lạc.**

Giới thiệu sách mới



Nguyễn Huy Thiệp
A Nos Vingt Ans
roman, traduit en français
par Sean James Rose
Editions de l'Aube, 2005,
222 p, 18,80 Euros

Lại một cuốn tiểu thuyết Việt Nam, viết ở Việt Nam, tác giả là hội viên Hội nhà văn Việt Nam, mà chúng ta

không được đọc nguyên tác trên giấy in : **Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu**.

Đây là cuốn tiểu thuyết đầu tiên của tác giả *Tướng về hưu*, *Những ngọn gió Hua Tát*, *Con gái thủy thần*... những truyện ngắn đánh dấu văn học Việt Nam thời « đổi mới », và những vở kịch (mới có độc giả, chưa có khán giả). Từ một nhà văn lớn như Thiệp, độc giả hồi hộp đón đọc tác phẩm đầu tay này. Trong khi chờ đợi ấn bản nguyên tác bằng tiếng Việt, đây là bản dịch tiếng Pháp của Sean James ROSE (một người Việt Nam mang dòng họ của gia đình nuôi, cựu sinh viên INALCO, nguyên tổng biên tập tạp chí Cyclo).

Trong một chừng mực nào đó, cuốn tiểu thuyết này có phần tự truyện. Ít nhất, nó gợi hứng từ chuyện thực, xảy đến cho tác giả, và con trai. Con trai nghiện ma túy, nhà văn đã đưa con ra đảo Cát Bà sống liền mấy tháng. Nhưng đây là tiểu thuyết, nghĩa là hư cấu. Người kể chuyện là Khuê, một thanh niên 20 tuổi, con một nhà văn... Xã hội Việt Nam, gia đình Việt Nam, thế giới mà Việt Nam đang « hội nhập », tuổi trẻ Việt Nam... nhìn từ con mắt của một thanh niên 20 tuổi. Tuổi hai mươi yêu dấu, do đó, cũng là cuộc phiêu lưu, thử lửa mới của Nguyễn Huy Thiệp.

Chỉ thế thôi, nó đáng được trân trọng. Đánh giá nó như thế nào, xin để độc giả quyết định. Người giới thiệu chưa dám, vì chưa đọc kĩ, và không muốn, ngày nào tác phẩm chưa được xuất bản ở Việt Nam. Mà đã có những tiếng xì xào vô tình hay cố ý giảm nhẹ giá trị một tác phẩm mà người ta không muốn nó tới tay độc giả.

Trong khi chờ đợi bản in, trước hay sau khi đọc bản dịch, bạn đọc nóng ruột có thể vào mạng, ở địa chỉ <http://nguyenhuythiep.free.fr/tuoi20/index.html> để đọc toàn văn nguyên tác.

Kiến Văn

Tin buồn

Được tin

Ông Nguyễn Viết Đoàn

đã từ trần ngày 2 tháng 2-2005 tại Bruxelles, thọ 85 tuổi. Lễ an táng đã cử hành ngày 8-2 tại Uccle Bruxelles.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Cúc, anh Dư và toàn thể gia đình.

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4 416 14 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Địa chỉ mạng : www.diendan.org

Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức

Chuyện những ngư dân bị Trung Quốc bắt... và chính sách thông tin của nhà nước Việt Nam

Ngày 14.2, báo Tuổi Trẻ trên mạng đã đăng một bài phóng sự của phóng viên Hà Đồng, tường thuật chuyến trở về hai xã Hoà Lộc, Hoàng Trường, tỉnh Thanh Hoá, thăm những gia đình ngư dân nạn nhân của cuộc bắn giết dã man ngày 8.1, mà thủ phạm là cảnh sát biển Trung Quốc (xem Diễn Đàn số trước). Bài báo cũng cho biết 8 ngư dân bị cảnh sát TQ bắt giữ sau vụ tấn công này cũng đã được trả tự do ngày 7.2 và về đến nhà ngày 8.2, tức mùng 5 Tết.

Sau khi thăm những gia đình có người tử nạn (tro cốt của 4 trên 9 nạn nhân, sau khi hoá thiêu tại Hải Nam, đã được đưa về chiều 26 Tết), phóng viên Tuổi Trẻ đã tìm gặp những người sống sót trở về. Dưới đây là một phần của bài báo, mang tiêu tựa « *Tiếng nói của những người trở về* »:

« Rời nhà anh Trần Văn Hào, tôi tìm đến nhà ông Nguyễn Phi Phường, ở thôn Hòa Hải, xã Hòa Lộc. Ông Phường là chủ nhiệm HTX đánh cá Hùng Cường và cũng là chủ con tàu hiện đang bị chính quyền tỉnh Hải Nam bắt giữ từ ngày 8-1 đến nay. Sau sự kiện Hòa Lộc hơn một tháng, ông Phường gầy sút, suy nhược cơ thể mạnh.

« Ngồi trao đổi với tôi mà giọng ông yếu ớt, khác với giọng ăn sóng nói gió của những ngư dân : “ *Vốn liếng của gia đình tôi đổ vào hết con tàu. Trị giá con tàu là 1,5 tỉ đồng, trong đó tôi phải vay của dự án đánh bắt xa bờ 1,1 tỉ, còn lại là tiền vốn của gia đình. Con tàu 165CV của gia đình tôi là phương tiện kiếm sống của 16 ngư dân ở hai xã Hòa Lộc, Hoàng Trường trong suốt hơn bốn năm qua. Vậy mà giờ đây đã bị cảnh sát biển Trung Quốc bắn tan tành. Tôi mong Chính phủ Trung Quốc có chính sách đền bù tàu cho gia đình tôi* ”.

« Nghe bố kể về con tàu bị bắn dã man, tan tành, anh Nguyễn Mạnh Hùng (28 tuổi), con trai ông Phường và cũng là một trong tám ngư dân trên tàu còn sống sót vừa trở về từ tỉnh Hải Nam hôm 29 tết, ngồi ôm vết thương bức xúc : “ *Tôi bị thương nặng ở cánh tay phải do sáu viên đạn găm vào, nhưng mười ngày đầu chính quyền tỉnh Hải Nam đối xử với chúng tôi không được tốt và nhân đạo cho lắm. Sau khi tổng lãnh sự quán nước ta tại tỉnh Quảng Đông đến thăm hỏi chúng tôi thì tình hình mới được cải thiện. Sáng 6-2-2005, Tòa án tỉnh Hải Nam đã chính thức đưa chúng tôi ra xét xử với tội danh được gọi là “ cướp biển* ”.

« Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, các cơ quan điều tra phía Hải Nam nói tàu của chúng tôi là tàu sắt, nhưng thực tế là tàu gỗ. Họ còn khép cho tàu của chúng tôi

có vũ khí, súng đạn, nhưng trên tàu của chúng tôi làm gì có loại vũ khí nào đâu. Chúng tôi là ngư dân, chúng tôi chỉ có ngư cụ thôi. Sau ba tiếng đồng hồ tranh tụng và các luật sư bảo vệ nói bằng tiếng Trung Quốc, sau đó phiên dịch cho chúng tôi nghe câu được câu không, phiên tòa đã xử cho chúng tôi trắng án. Chúng tôi khẳng định : “ Chúng tôi chỉ là ngư dân ”. Sau khi phiên tòa xét xử xong, chính quyền tỉnh Hải Nam ra ngay quyết định trục xuất chúng tôi rời khỏi địa phương. Sáng 7-2 chúng tôi rời khỏi Hải Nam về Quảng Tây, sau đó đi ô tô từ Quảng Tây về đến cầu Bắc Luân - Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh). Vừa về đến Móng Cái, chúng tôi được đại diện lãnh đạo hai huyện Hậu Lộc, Hoàng Hóa đón tiếp thân tình, chu đáo và đưa chúng tôi về quê ngay trong ngày hôm đó ”.

« Vừa nói xong, anh Hùng nhìn ra phía biển Đông trước mặt - nơi đã nuôi anh từ thuở lọt lòng - ngậm ngùi, nuốt nước mắt : “ *Thế là mùa biển năm nay đời rồi anh ạ ! Còn tàu là mồng 8 tết năm nào chúng tôi cũng ra khơi chuyển mở hàng đầu năm để lấy may mắn. Mất tàu rồi chỉ còn nước đi làm thuê cho các tàu khác thôi.* ” (...) »

Khi bạn đọc những dòng chữ này, rất tiếc là bài báo của Tuổi Trẻ không còn trên địa chỉ mạng của tờ báo : <http://www2.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=66649&ChannelID=89>. Đơn giản là nó đã được rút đi (may là Diễn Đàn đã kịp chép nguyên văn trước đó), cũng như một số (ít) bài đưa lại tin này trên các báo mạng khác ở trong nước. Không một bài, tin khác nào được đưa tiếp vụ việc này.

Một lần nữa, ban Tư tưởng và Văn hoá đã ngăn chặn không cho người dân được biết những thông tin mà họ quan tâm. Hiển nhiên, những ngư dân bị bắn giết ngày 8.1 là nạn nhân thật sự, không phải « cướp biển » như phía TQ vu cáo (nếu không, chẳng dễ gì mà họ được trắng án trở về !). Nhưng chính quyền đã và sẽ có những hành xử ngoại giao nào để phía TQ trừng trị những kẻ tội phạm và bồi thường cho các nạn nhân ? Có phải bịt miệng dư luận là cách tốt nhất để tiến hành những bước đi ngoại giao đó ? Dư luận VN không trẻ con tới mức dễ bị kích động vào những hành động sô vanh chống Trung Quốc một cách mù quáng. Song, việc đề phòng, ngăn chặn những hành động đó khác xa việc cấm cản mọi bài báo dám nêu lên những vấn đề thực chất. Và nếu muốn, chính quyền hoàn toàn có thể tìm ra được những giải pháp trung gian hợp lý, thể hiện sự tôn trọng người dân. Để họ làm hậu thuẫn cho những hoạt động đối ngoại hữu hiệu.

Báo chí thế giới đang đưa nhiều tin tức về những ý đồ chiến lược của TQ (tăng ngân sách quân sự hơn 10 %/năm) trong đó nổi bật là những ý đồ bá chủ trong vùng biển. Việt Nam dĩ nhiên không thể không biết đến những ý đồ đó, và không thể không suy tính những bước đi chiến lược của chính mình, để bảo vệ được độc lập, chủ quyền trong thế giới phức tạp ngày nay. Người ta có thể hiểu, những bàn bạc giữa những nhà hữu trách về các vấn đề này không thể công khai hoá hết. Song, có thể nào vì thế mà bịt kín những nguồn thông tin và ngăn cản người dân có ý kiến của mình về những vấn đề trọng đại này ? Có thể nào những lựa chọn chiến lược của nhà nước không dựa

vào nhân dân ? (H.V. soạn tin và bình luận)

Đặc xá Tết : tham nhũng và mafia sớm ra tù hơn người đòi dân chủ

Sáng 31/1, văn phòng Chủ tịch nước đã công bố quyết định đặc xá, tha tù trước thời hạn cho hơn 8.300 phạm nhân, đặc xá tha tù 103 người đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù. Trong số này có 13 phạm nhân của vụ án Năm Cam, 33 người nước ngoài và 6 đối tượng « vi phạm an ninh quốc gia ».

Trong 6 phạm nhân « vi phạm an ninh quốc gia », người ta được biết, có các ông Nguyễn Đan Quế, linh mục Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Đình Huy và tu sỹ Phật giáo Thích Thiện Minh. Người bị giam cầm lâu nhất là ông Nguyễn Đình Huy, năm nay 72 tuổi, bị bắt năm 1993 cùng với 11 người khác thuộc một nhóm chính trị đòi dân chủ. Năm 1995, ông Huy bị xử án 15 năm tù. Linh mục Nguyễn Văn Lý cũng bị xử án 15 năm tù vào năm 2001, sau khi gửi một bức thư cho hạ nghị viện Mỹ yêu cầu Mỹ không ký hiệp định thương mại song phương với VN vì lý do nhà cầm quyền đàn áp tôn giáo, theo ông. Còn bác sĩ Nguyễn Đan Quế bị bắt lần cuối cùng vào năm 2003 khi ông gửi lên internet nhiều bức thư phản đối nhà cầm quyền không tôn trọng tự do báo chí. Ông bị đưa ra toà về tội « lợi dụng tự do dân chủ, xâm phạm lợi ích quốc gia », và bị lên án 30 tháng tù giam. Ngoài những nhân vật trên đây, một số tù nhân chính trị khác, như các ông Nguyễn Khánh Toàn, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn...vẫn chưa được trả tự do.

Trong các tội nhân của vụ án Năm Cam, 13 người có mức án thấp, gia đình có công với cách mạng, bản thân nhận nhiều huân huy chương... đã được hưởng chính sách khoan hồng. Trong số này có nguyên thứ trưởng bộ Công an Bùi Quốc Huy, nguyên trưởng phòng cảnh sát hình sự công an TP HCM Dương Minh Ngọc. Tại phiên phúc thẩm, bị cáo Huy và Ngọc bị tuyên phạt 4 và 6 năm tù.

Điểm mới năm nay là chính sách khuyến khích người phạm các tội kinh tế, tham nhũng bồi thường tiền chiếm đoạt hoặc làm thất thoát ; động viên các phạm nhân khác hoàn thành bồi thường thiệt hại dân sự cho người bị hại để được hưởng tiêu chuẩn đặc xá. Một số người trong vụ tham ô ở công ty Dệt Nam Định và Tân Trường Sanh cũng được xem xét sau khi chấp hành hình phạt bổ sung về tiền và có nhiều tiến bộ trong cải tạo. Gia đình một phạm nhân vụ Tân Trường Sanh đã bán tài sản nộp lại 10 tỷ đồng khắc phục hậu quả trong số 11 tỷ đồng gây thiệt hại. Theo thứ trưởng bộ Công an Lê Thế Tiệm, hơn 160 người phạm tội kinh tế đã hoàn trả trên 18 trong 81 tỷ đồng bồi thường. Tại nhóm tội tham nhũng, 90 trường hợp nộp hơn 7 tỷ đồng... Tổng cộng, phạm nhân được đặc xá đã nộp hơn 65 tỷ đồng bồi thường cho cá nhân, cơ quan tổ chức theo phán quyết của tòa án. (theo tin VnExpress 31.1, AFP, Amnesty International 1.2.2005)

WHO cảnh báo về đại dịch cúm

Một hội nghị quốc tế về cúm gia cầm đã được Tổ chức Lương nông thế giới (FAO), Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Tổ chức Thú y thế giới (OIE) phối hợp tổ chức tại TP Hồ Chí

Minh trong 3 ngày 23-25.2 vừa qua.

Tham gia hội nghị có khoảng 160 đại biểu và quan sát viên đến từ 30 quốc gia, gồm các nước châu Á, Mỹ, Australia, Hong Kong và một số quốc gia châu Âu như Anh, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Italy, Đan Mạch. Có khoảng gần 60 phóng viên các báo và hãng thông tấn nước ngoài đưa tin.

Kết thúc hội nghị, đại diện ngành thú y của các quốc gia tham dự đã kêu gọi chính phủ trong vùng và cộng đồng quốc tế ưu tiên hàng đầu cho việc chống lại loại virus chết người, đồng thời tăng cường ngân sách hơn nữa cho chiến dịch chống lại H5N1.

WHO khẳng định : Hành tinh này đang đứng trước nguy cơ rất hiểm nghèo về đại dịch. Không chặn được dịch cúm gia cầm, virus càng tồn tại trong gia cầm lâu chừng nào thì khả năng biến đổi gen lớn chừng ấy, đại dịch sẽ khủng khiếp hơn. Theo TS John Oxford, sự hiện diện của virus ở hàng chục quốc gia Đông Nam Á là điều chưa từng xảy ra, ngoại trừ VN có ý thức cảnh giác đáng khen, các quốc gia trong vùng còn rất coi thường nguy cơ đại dịch.

Theo TS Shigeru Omi, Giám đốc khu vực Tây Thái Bình Dương của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), cần tạo ra nhiều chiến dịch quy mô để cảnh báo người tiêu thụ và người chăn nuôi về nguy cơ liên quan đến cúm gia cầm. Các đại biểu tham dự đã kêu gọi cộng đồng quốc tế giúp đỡ tài chính cho cuộc đấu tranh chống lại cúm gia cầm. Ước tính cần đến hơn 100 triệu USD để củng cố lập tức ngành thú y và hoạt động xét nghiệm để tìm một phương thức phát hiện sớm virus và loại bỏ chúng vĩnh viễn.

Ngoài ra cũng cần hàng trăm triệu USD cấu trúc lại ngành chăn nuôi. Theo các chuyên gia của FAO, các trại chăn nuôi ở những nước Đông Nam Á cần chấm dứt tình trạng nuôi gà vịt thả rong, tiếp xúc với những loại thú khác và với người, mà phải làm như các nước châu Âu, thiết lập một hàng rào chia cách gia cầm với người và các loài thú.

Về thuốc chủng ngừa, TS Samuel Jutzi, Giám đốc Cơ quan Thú y của Tổ chức Lương Nông Thế giới (FAO), cho biết đây là vũ khí mạnh mẽ để chống lại bệnh cúm ở gia cầm. Ngoài ra cần xem xét đến khả năng chủng ngừa loài vịt. Hội nghị nhấn mạnh : virus cúm gia cầm không kiêng nể biên giới, vì thế cần đến sự hợp tác chặt chẽ quốc tế, nhưng nếu không có sự hỗ trợ tài chính đúng mức thì sự hợp tác này sẽ ngưng hoạt động trong vòng 6 tháng tới. FAO ước lượng nhu cầu ít nhất là 80 triệu euro để giúp các nước ĐNA thiết lập một hệ thống thú y dự phòng hữu hiệu, trong khi hiện nay các nước giàu mới chỉ trợ giúp khoảng 14 triệu euro.

Trong khi đó, tình hình cúm gia cầm tại VN vẫn diễn biến phức tạp. Giám sát dịch tế trên đàn gia cầm của Viện Thú y quốc gia tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh phía Bắc cho thấy, tỷ lệ dương tính với H5 trên vịt áp đảo so với gà và so với chủng H khác. Trẻ em trong môi trường gà và vịt sống chung có nguy cơ lây nhiễm tăng 8 lần. Các yếu tố nguy cơ, theo đại diện Viện Thú y, chủ yếu do mật độ gà và vịt cao; điều kiện lưu hành, vận chuyển không đảm bảo; quản lý gia cầm chưa chặt chẽ; xét nghiệm có âm tính giả, trong khi

quy trình giám sát thực hiện bị gián đoạn, trung bình 6 ngày.

Theo bộ trưởng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Cao Đức Phát, Việt Nam sẽ nhập 2 triệu liều vắc xin từ Trung Quốc và Hà Lan để sử dụng trên đàn gia cầm. Trước mắt, theo một quyết định ngày 4.2 của thủ tướng chính phủ, cả nước sẽ tạm ngừng chăn nuôi mới đến hết tháng 5/2005. Đây là biện pháp Việt Nam đang trông chờ để chủ động đẩy lùi dịch bệnh.

Tổng kết về tổn thất trên người, báo cáo đại diện WHO Việt Nam, bác sĩ Peter Horby, chuyên gia dịch tễ chỉ rõ, từ tháng 12/2003 đến nay, tại 3 nước Việt Nam, Campuchia, Thái Lan đã có 62 trường hợp dương tính virus cúm, 45 ca tử vong, chiếm tỷ lệ 73 %. Riêng đợt dịch gần đây nhất, từ tháng 12/2004 có 13/18 ca tử vong.

Trong ngày khai mạc hội nghị người ta lại được biết thêm một trường hợp nhiễm H5N1 vừa được phát hiện ở miền bắc. Đó là anh Nguyễn Sỹ Tuấn, 21 tuổi, ở huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình, nhập Viện Y học lâm sàng các bệnh nhiệt đới, Hà Nội ngày 21-2 trong tình trạng sốt và khó thở. Xét nghiệm mẫu bệnh phẩm của bệnh nhân Tuấn cho kết quả dương tính với virus cúm A H5N1. Hiện bệnh nhân đang trong tình trạng suy hô hấp, phải thở máy. Ngày 25-2, em trai bệnh nhân Tuấn ở Vũ Thư, Thái Bình là Nguyễn Thành Chung cũng nhập viện với chẩn đoán ban đầu là viêm phổi. Hiện các điều tra dịch tễ về hai bệnh nhân này đang được tiến hành. (theo Người Lao Động 25.2, Tuổi Trẻ 23-24.2, Libération 26.2.2005)

Chuyến bay định mệnh ?

Ngày 26.1.2005, một chiếc máy bay trực thăng chở đoàn cán bộ quân khu (QK) 4 và bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ An đi kiểm tra sẵn sàng chiến đấu tại đảo Mê (địa phận tỉnh Thanh Hoá) bị tai nạn, toàn bộ 16 sĩ quan trên máy bay tử nạn. Theo một cán bộ QK4 thì tai nạn do « *Máy bay gặp thời tiết xấu, trời mù* ».

Những người tử nạn gồm có trung tướng Trương Đình Thanh, – tư lệnh QK4, thiếu tướng Nguyễn Bá Tuấn – phó tư lệnh kiêm tham mưu trưởng, các đại tá Lê Hữu Phúc – chủ nhiệm chính trị, Trần Quang Lộc – chủ nhiệm hậu cần, Nguyễn Đức Minh – phó chủ nhiệm kỹ thuật, Trần Hữu Kiều – trưởng phòng tác chiến QK4, Nguyễn Duy Hùng – đại biểu QH khoá XI, phó chỉ huy trưởng chính trị bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ An, và nhiều sĩ quan khác (3 thượng tá, 3 trung tá, 1 thiếu tá v.v.)

Nguyên nhân tai nạn « *đang được các cơ quan chức năng làm rõ* ».

Người ta còn nhớ, năm 1998, cũng trong một tai nạn máy bay (ở Lào), trung tướng Đào Trọng Lịch, tham mưu trưởng quân đội nhân dân VN và nhiều tướng lĩnh cùng đi đã tử nạn, và có thể đặt câu hỏi tại sao có sự kiện quá nhiều tướng lĩnh cùng đi chung trên một chiếc máy bay – nhất là toàn bộ bộ chỉ huy của một quân khu ! Nguyên tắc cần trọng trong chiến tranh hình như đã bị quên lãng ? (tin các báo 28-29.1.2005)

Xuất khẩu tàu biển "Made in Vietnam"

Cách nay tròn 1 năm, chiếc tàu Vinashin Sun trọng tải 12.600 tấn do Việt Nam đóng đã cập bến TP.HCM an toàn sau chuyến hải hành 131 ngày vòng quanh thế giới, với quãng đường dài 26.211 hải lý (khoảng 48.500 km). Sau đó, tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin) đã ký hợp đồng đóng mới cho công ty GRAIG INVESTMENTS Ltd. của Anh 17 chiếc tàu vận tải ; trọng tải mỗi chiếc lên đến 53.000 tấn ; tổng giá trị hợp đồng gần 400 triệu USD. Hợp đồng này đã đánh dấu bước trưởng thành thực sự của ngành công nghiệp đóng tàu Việt Nam. Sự kiện trên cũng cho thấy ngành công nghiệp đóng tàu của Việt Nam đã được thế giới nhìn nhận.

Vinashin Sun là con tàu biển lớn đầu tiên được đóng tại Việt Nam, theo thiết kế của Viện Khoa học công nghệ tàu thủy Việt Nam và Công ty Thiết kế tàu thủy Kitada (Nhật Bản), được cơ quan đăng kiểm Nhật Bản phê duyệt và được đóng tại nhà máy đóng tàu Bạch Đằng. Ông Phan Thanh Bình - chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm tổng giám đốc Vinashin cho biết : từ sau chuyến đi năm ngoái, các nước Nhật Bản, Ba Lan, Thụy Điển, Đan Mạch, Đức... đã ký hợp đồng nguyên tắc đặt Việt Nam đóng hàng loạt tàu, từ tàu nhỏ cỡ 3-4 ngàn tấn, đến tàu lớn tới 150 ngàn tấn, thực hiện từ nay đến năm 2010.

Chiếc tàu biển đầu tiên của Việt Nam được đóng xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản là tàu chở hàng khô trọng tải 6.300 tấn, trị giá 120 tỉ đồng, được thi công tại nhà máy đóng tàu Bạch Đằng. Đây là con tàu đầu tiên trong chiến lược đóng tàu xuất khẩu sang Nhật Bản, nước được coi là cường quốc đóng tàu số 1 trên thế giới. Hiện có đến 20 chủ tàu Nhật đang tìm hiểu đặt hàng đóng mới hàng chục con tàu vận tải cỡ từ 6.500 - 10.000 tấn. Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ và một số chủ tàu ở Bắc Phi cũng đặt vấn đề đặt hàng đóng những con tàu vận tải cỡ từ 6.500 tấn đến 50.000 tấn... Vinashin đang có rất nhiều đối tác đến đặt hàng đóng những con tàu nhỏ cỡ dưới 10.000 tấn. Các bạn hàng từ những cường quốc đóng tàu trong khu vực như Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc cũng đã, đang tìm đến Vinashin. Ngoài ra, Vinashin đang xúc tiến đàm phán chuẩn bị để ký hợp đồng xuất khẩu tàu chở container loại 200 - 350 TEU sang thị trường các nước Tây Âu và một số loại tàu chở hàng rời, tàu công trình sang các nước Đông Nam Á...

Hiện nay, các nhà máy đóng tàu của Vinashin ở miền Bắc đang chuẩn bị đóng một loạt tàu 53.000 tấn xuất khẩu, và một chiếc tàu 100.000 tấn phục vụ việc vận chuyển dầu thô cho khu công nghiệp Dung Quất và tiến tới sẽ đóng những chiếc tàu hàng có trọng tải lớn hơn, đến 150.000 tấn. Trong khi đó ở phía Nam, cuối năm 2004, công ty Công nghiệp tàu thủy Sài Gòn (cũng thuộc Vinashin) đã hạ thủy con tàu đầu tiên trọng tải 4.000 tấn và đồng thời làm lễ “đặt ky” cho con tàu lớn hơn với trọng tải 6.500 tấn theo thiết kế của Nhật Bản và quy trình công nghệ tiên tiến nhất hiện nay. Theo ông Phan Thanh Bình, Vinashin sẽ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và công nghệ cho ngành đóng tàu phía Nam để đạt được mục tiêu đóng tàu xuất khẩu vào năm 2005. Ông Bình khẳng định, với đà này, đến năm 2010, Việt Nam có thể tự hào trở thành quốc gia có nền công nghiệp đóng tàu ngang bằng với các

nước tiên tiến khác trong khu vực. (theo Thanh Niên, 30.1.2005)

Phát hiện vị trí cung Trường Lạc

GS.TS Tổng Trung Tín, viện phó viện Khảo cổ vừa cho biết, từ các mảnh gốm cổ tìm thấy trong quá trình khai quật tại khu A - 18 Hoàng Diệu, giới khảo cổ khẳng định đây là nơi cung Trường Lạc an tọa.

Ngay khi tiến hành khảo cổ, giới khoa học đã tìm thấy nhiều đồ gốm mang tên Trường Lạc khô, nghĩa là kho tàng tại cung Trường Lạc. Trong tháng 12, khi chỉnh lý lại các di vật được khai quật đã phát hiện thêm một số bát sứ cổ có ghi chữ Trường Lạc cung.

Giới khảo cổ còn phát hiện những bình vôi, lọ, nhiều loại bát có chữ “quan” có sóng nước, bát vẽ rồng 5 móng, loại chỉ dùng cho vua chúa ghi chữ Trường Lạc, có lẽ chỉ dùng riêng ở cung điện này. Điều đó chứng tỏ vào thời thế kỷ 15, đã có lò gốm sứ dành riêng sản xuất cho nhà vua và hoàng tộc ở ngay trong hoàng thành.

Cung Trường Lạc vốn là cung lớn và đẹp nhất thời Lê, đây là nơi ở của bà Nguyễn Thị Hằng, vợ vua Lê Thánh Tông. Theo giới khảo cổ, diện tích cung Trường Lạc không giới hạn tại khu vực đã khai quật mà mở rộng tới đường Hoàng Diệu.

Trao đổi với VnExpress, giáo sư Tổng Trung Tín cho hay, những bằng chứng mới phát hiện đã khẳng định khu vực khai quật 18 Hoàng Diệu là trung tâm của Cẩm thành Thăng Long xưa. Do vậy, công tác bảo tồn di tích càng trở nên cấp thiết. Giới khảo cổ đang nóng lòng chờ một quyết định bảo tồn tổng thể tại khu vực đã khai quật. (VnExpress 25.1.2005)

Nguyên tổng giám đốc cụm cảng miền Trung tự thiêu

Khoảng 16 giờ chiều 26/2, ông Nguyễn Lai, nguyên tổng giám đốc Cụm Cảng hàng không miền Trung, được bộ phận y tế sân bay quốc tế Đà Nẵng đưa từ văn phòng Cụm Cảng hàng không miền Trung vào cấp cứu tại bệnh viện C trong tình trạng hết sức nguy kịch.

Theo các bác sĩ điều trị bệnh viện C, ông Lai bị bỏng nặng trên diện tích hơn 60 %, với phân độ bỏng 2 - 3/4. Đặc biệt, toàn bộ 2 chân, 2 tay và phần đầu, cổ bị bỏng chín gần như hoàn toàn. Nguyên nhân ban đầu được chẩn đoán là bỏng do xăng. Bệnh viện C cho biết ông Lai sẽ được chuyển ra Viện bỏng Trung ương (Hà Nội) trong sáng 27/2. Vụ việc đang được cơ quan công an điều tra làm rõ.

VnExpress cho biết, trước khi sự việc xảy ra ông Lai có dự một cuộc họp nội bộ của cơ quan, sau đó ông trở về phòng riêng (ở tầng 2 của toà nhà điều hành Cụm cảng hàng không - Đà Nẵng) chốt cửa phía trong. Khoảng vài phút sau, một số người thấy trong phòng ông Lai có những biểu hiện bất bình thường sau tiếng nổ nhỏ phát ra từ phía trong. Một cán bộ hành chính của cơ quan dùng chìa khoá riêng mở cửa thì thấy ông Lai đang trong tình trạng bỏng nặng.

Ông Nguyễn Lai làm tổng giám đốc Cụm Cảng hàng

không miền trung được khoảng 2 năm. Ngày 4/2, ông bị bộ Giao thông vận tải kỷ luật tạm đình chỉ vì có liên quan đến việc mua sắm 2 chiếc xe (BMW và Mercedes) cao cấp trị giá hơn 125.000 USD, vượt tiêu chuẩn. Ngoài ra, với tư cách là tổng giám đốc, ông Lai cũng đang bị truy xét trách nhiệm trong việc để một đơn vị trực thuộc sử dụng gần 24 tỷ đồng kinh doanh đất trái chức năng. Tiếp theo ông Lai, bộ Giao thông Vận tải cũng quyết định kỷ luật đình chỉ công tác đối với ông Đồng Hữu Nghiêm (phó tổng giám đốc Cụm cảng) và một cán bộ khác. (theo VnExpress 27.2, Tuổi Trẻ 22.2.2005)

Trắc hay hồng trắc ?

Tháng 12/2004, bộ trưởng GD&ĐT chính thức quyết định sử dụng phương pháp thi trắc nghiệm môn ngoại ngữ trong hai kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ 2005. Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục được giao trách nhiệm triển khai thực hiện, hướng dẫn chi tiết cùng thực hiện một số bài thi mẫu gửi về các sở GD&ĐT ĐT trước ngày 30/12. Theo những quan chức của bộ, phương pháp thi này sẽ được áp dụng cho các môn khác

Chưa bàn về cơ sở sâu xa của quyết định này, điều hiển rõ qua *Hội nghị tuyển sinh toàn quốc*, được bộ tổ chức lần đầu tiên qua cầu truyền hình ngày 2.2, là lại một lần nữa các quan chức của bộ đã lấy một quyết định hoàn toàn chủ quan, bất kể tình hình học và chuẩn bị thi ở cả nước ra sao, các giáo viên và học sinh có thể, trong vòng vài tháng, làm quen với phương pháp thi mới này không... Chủ quan tới mức chính mình cũng không chuẩn bị kịp cho quyết định của mình : Theo *VnExpress*, một thành viên Ban chỉ đạo thi cho biết, cho đến cận ngày *Hội nghị* nói trên, cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục chưa có bất cứ văn bản nào gửi các sở GD&ĐT hướng dẫn về phương pháp thi trắc nghiệm !

Việc đẩy lùi thời gian thi trắc nghiệm là không tránh khỏi, và « *sau hơn 4 giờ thảo luận căng thẳng* », chiều 2/2, bộ trưởng Nguyễn Minh Hiền đã phải chính thức thông báo quyết định hoãn trắc nghiệm Ngoại ngữ, « *nhằm tránh gây sốc cho thầy cô, thí sinh* » !

Theo ông Hiền, việc lùi thời gian thi trắc nghiệm sẽ giúp các trường chuẩn bị kỹ hơn về mặt kỹ thuật, chuyên môn, đặc biệt là khâu tập huấn cán bộ. Về phía thí sinh, các em cũng có thời gian chuẩn bị, làm quen với phương pháp mới.

Tán đồng với chủ trương lùi thời gian thi trắc nghiệm, nhưng giám đốc sở GD&ĐT Thái Bình Mạc Kim Tôn cho rằng, bộ nên rút kinh nghiệm về công tác chuẩn bị, tránh tình trạng đưa ra chủ trương mới nhưng không thực hiện được, gây hoang mang cho thí sinh. Theo ông Tôn, nếu quyết định năm 2006 thi trắc nghiệm thì phải chuẩn bị ngay từ bây giờ cho các em học sinh lớp 11. Phó giám đốc ĐH Huế Nguyễn Đức Hưng thận trọng hơn, đề xuất lùi thời gian thi trắc nghiệm đến năm 2007.

Dù thế nào, người ta thấy rõ rằng câu hỏi về trách nhiệm của những quan chức cứ năm qua năm khác, tiếp tục làm khổ cả xã hội về các quyết định thay đổi cách học và thi của mình, vẫn chưa bao giờ được đặt ra ráo riết. Phải chăng vì,

Tài liệu đặc biệt

BA CÁN BỘ LÃO THÀNH TỔ CÁO TƯỚNG LÊ ĐỨC ANH

LTS. Ngày 3-2 vừa qua (kỉ niệm 75 năm ngày thành lập Đảng cộng sản), 3 cán bộ lão thành đã gửi thư cho lãnh đạo ĐCSVN yêu cầu phải xử lí nghiêm khắc trường hợp Lê Đức Anh, nguyên uỷ viên Bộ chính trị, nguyên chủ tịch nước. Ba đảng viên đó là ông **Phạm Văn Xô (Hai Xô)**, 95 tuổi, 75 tuổi đảng, nguyên uỷ viên Thường vụ xí uỷ Nam Bộ (thời Kháng chiến), nguyên uỷ viên Trung ương, **Đông Văn Cống (Bảy Cống)**, 87 tuổi, trung tướng, nguyên tư lệnh Quân khu 9, Phó tư lệnh Quân giải phóng, tư lệnh Quân khu 7, **Nguyễn Văn Thi (Năm Thi)**, 85 tuổi, nguyên tư lệnh Đặc khu Sài Gòn Chợ Lớn, chủ nhiệm hậu cần Bộ chỉ huy Miền Nam. Chúng tôi xin đăng dưới đây toàn văn lá thư này :

* Thời gian qua, nhiều cán bộ lão thành cách mạng và cựu chiến binh cao tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam bộ đến gặp chúng tôi hỏi tình hình nội bộ Đảng. Họ đưa chúng tôi xem nhiều tài liệu mà con cháu họ truy cập được từ Internet. Trong các tài liệu đó, có thư của nhiều tướng lĩnh và lão thành cách mạng gửi Bộ Chính trị và Trung ương khóa 9, đặc biệt là thư ngày 3/1/2004 của Đại tướng Võ Nguyên Giáp ; các thư của Thượng tướng Nguyễn Nam Khánh, nguyên Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐNDVN, nguyên uỷ viên trung ương Đảng các khóa 5, 6, 7 ; của đồng chí Nguyễn Trọng Vĩnh, 65 tuổi Đảng, nguyên Cục trưởng cục tổ chức Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp, uỷ viên trung ương Đảng khoá 3 ; của đồng chí Nguyễn Tài, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên Thứ trưởng Bộ công an, Phó chủ nhiệm ủy ban Pháp luật của Quốc hội khóa 8.

* Các bức thư tâm huyết đó đều kiến nghị Bộ Chính trị phải sớm đưa ra Hội nghị Trung ương Đảng xem xét và xử lý một loạt các vụ việc nghiêm trọng liên tiếp xảy ra trong Đảng hàng chục năm qua, trong đó có vụ T4, từng được Bộ Chính trị khóa 8 bàn giao lại cho Bộ Chính trị khóa 9 và được coi là “**một vụ án chính trị siêu nghiêm trọng**” nhưng đến nay vẫn chưa vạch mặt những kẻ cầm đầu để xử lý một cách triệt để.

Những vụ việc trên, chúng tôi ít nhiều đều có nghe, có biết. Qua các thư trên, chúng tôi càng hiểu rõ hơn. Nhưng do phải chờ kết luận của Trung ương, chúng tôi không thể giải thích cho những người đến hỏi.

Nay xin báo cáo và cung cấp một số tư liệu để Trung ương có thêm căn cứ xem xét nguồn gốc các vụ việc nói trên.

Theo chúng tôi thì những vụ việc nghiêm trọng xảy ra

trong hơn hai chục năm qua, từ vụ Xiêm Riệp (1983), Sáu Sứ (1991), vụ nâng Cục 2 lên thành Tổng cục 2 với quyền hạn siêu đảng, siêu Nhà nước, được hợp pháp hoá bằng Pháp lệnh tình báo của Quốc hội và Nghị định 96CP của Chính phủ, vụ T4 (1997 – 1999), đến vụ nói xấu, vu khống nhằm lật đổ Tổng bí thư Lê Khả Phiêu trước Đại hội 9 v.v... đều có bàn tay của một nhân vật từng hoạt động cách mạng và kháng chiến ở Nam bộ mà chúng tôi đều biết rõ. Đó là nguyên cai đồn điền cao su, nguyên Chủ tịch nước, nguyên Cố vấn Lê Đức Anh.

Vì sự trong sạch và vững mạnh của Đảng, với ý thức trách nhiệm của những người Cộng sản từng gắn bó với Đảng và hoạt động ở Nam bộ hơn sáu bảy chục năm qua, chúng tôi xin báo cáo với Đảng một số hiểu biết về Lê Đức Anh như sau :

1- **Lê Đức Anh không phải là công nhân cao su như tự khai trong lý lịch** mà là người phụ trách việc chế biến thực phẩm cho chủ đồn điền và các quan chức Pháp ở Lộc Ninh (*chef des coopératives*) từ đầu thập kỷ 40 của thế kỷ 20 được anh chị em công nhân cao su đặt cho biệt danh là “cai lé” do chột mắt vì bệnh đậu mùa. Lê Đức Anh là người giúp việc thân cận của chủ đồn điền De Lalant một sĩ quan phòng nhì của Pháp. Lương của y cao như lương của *Chef de camp*.

Năm 1955, sau khi bộ đội Nam bộ tập kết ra miền Bắc, đồng chí Trần Văn Trà là Tư lệnh kiêm Chính uỷ, đồng chí Nguyễn Văn Vịnh là Phó chính uỷ, đồng chí Đông Văn Cống làm tham mưu trưởng, Lê Đức Anh làm tham mưu phó. Thấy Lê Đức Anh không được vào Đảng ủy, đ/c Đông Văn Cống hỏi thì đồng chí Vịnh trả lời “**qua lớp chính Đảng ở Việt Bắc, lý lịch của Lê Đức Anh không rõ, nên không giới thiệu**”.

Trong một lần tâm sự với Lê Đức Anh, đ/c Đông Văn Cống hỏi : “Nghe người ta nói cậu là surveillant ?”, Lê Đức Anh không trả lời. Đ/c Đông Văn Cống hỏi tiếp : “Hay cậu là 2è bureau (phòng nhì) ?”. Lúc ấy Lê Đức Anh mới nói : “Tôi làm công chức cho đồn điền”.

Đến Đại hội Đảng lần 4 năm 1976, đ/c Đông Văn Cống, Lê Đức Anh và Nguyễn Chánh Nam cùng dự đại hội, sinh hoạt trong Đoàn quân sự. Khi xem danh sách giới thiệu vào Trung ương khóa 4, thấy ghi Lê Đức Anh là công nhân cao su, đ/c Đông Văn Cống hỏi : “Sao cậu khai là công nhân ?”. Lê Đức Anh áp úng trả lời : “Họ ghi sai, tôi là công chức !”.

2. **Lê Đức Anh không phải là đảng viên từ năm 1938 mà từ tháng 4 năm 1945**, khi Ban cán sự Đảng Thủ Dầu Một tuyên bố tổ chức y vào Đảng và giao nhiệm vụ cho y về gây dựng cơ sở cách mạng ở đồn điền cao su Lộc Ninh trong một cuộc họp có 8 người, trong đó có đồng chí Năm Thi tham dự, vì thấy y tỏ ra hăng hái trong phong trào công nhân cao su ở Lộc Ninh sau ngày Nhật đảo chánh Pháp. Cuộc họp đó do bí thư Văn Công Khai chủ trì bàn việc phối hợp với phe đồng minh chống phát xít Nhật theo chủ trương chung của Mặt trận Việt Minh.

Do man khai là đảng viên từ năm 1938, nên năm 1998, Lê Đức Anh được tặng huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, được báo chí, truyền hình rầm rộ đưa tin trên cả nước !

Đầu năm 2002, để tiếp tục “hợp thức hoá” đảng tịch của mình, Lê Đức Anh cho công chiếu trên đài truyền hình trung ương bộ phim tài liệu nhan đề “Đồng chí Lê Đức Anh” vào

tôi mừng 4 Tết. Không tìm được “ nhân chứng lịch sử ” nào sáng giá hơn, người ta cho xuất hiện một ông anh trong gia đình để xác nhận “ Lê Đức Anh từng đậu Đíp-lôm (Thành Chung) và vào đảng năm 1938 ! ”

3. Lê Đức Anh đã 2 lần để sống toàn quyền Decoux, thống đốc Nam kỳ Hoffen và chủ đồn điền De Lalant, sĩ quan phòng nhì của Pháp.

Trong cuộc đảo chánh Nhật – Pháp ngày 9/3/1945, quân Nhật bắt được toàn quyền Pháp ở Đông Dương Decoux và thống đốc Nam kỳ Hoffen tại Saigon, sau đó giải về giam ở nhà De Lalant, chủ đồn điền cao su ở Lộc Ninh. Đ/c Năm Thi được giao nhiệm vụ dẫn một đội vũ trang lên Lộc Ninh tìm cách bắt sống hoặc tiêu diệt tiêu đội bảo vệ của Nhật, rồi tổ chức dẫn độ Decoux và đồng bọn lên Buôn Mê Thuật để đưa ra Bắc chuyển giao cho Trung ương. Đ/c Năm Thi đã bàn bạc với Lê Đức Anh và nhất trí lên kế hoạch phối hợp hành động. Nhưng đêm hôm sau, y bất ngờ hủy bỏ kế hoạch, viện cớ sẽ bị quân Nhật kéo lên khủng bố, phá vỡ cơ sở cách mạng của y !

Tháng 9/1945, khi chỉ huy quân Anh vào Nam vĩ tuyến 16 tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật, tướng Gracey đòi Nhật trao Decoux và đồng bọn cho quân đội Anh. Để ngăn cản việc đó, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương cắt đường giao thông từ Lộc Ninh về Saigon, bằng cách đốn cây cản đường từ Lộc Ninh về Hớn Quản rồi phục kích tiêu diệt lực lượng áp giải để bắt bọn Decoux, đơn vị của Lê Đức Anh đã được bổ sung thêm vũ khí để thực hiện nhiệm vụ này. Y nhận lệnh nhưng đã tránh né, cử người khác làm thay. Tên này đã lệnh cho tự vệ dỡ cây và mở đường cho bọn Nhật đưa Decoux, Hoffen và De Lalant về Saigon an toàn !

4. Trong thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ, Lê Đức Anh đã bỏ chạy, không tổ chức cho lực lượng vũ trang đánh trả quân Pháp tập kích vào Thuận Lợi, phá hủy một khối lượng lớn cơ sở vật chất dự trữ của miền Đông.

Để chuẩn bị cơ sở vật chất cho cuộc kháng chiến, ta chủ trương di chuyển máy móc, thiết bị vật tư lương thực của các đồn điền cao su và các địa phương miền Đông Nam bộ về khu vực Thuận Lợi (Phú Riềng cũ) thuộc công ty cao su Dầu Tiếng là địa bàn ở sâu trong hậu phương ta. Trong khi quân Pháp tập kích Thuận Lợi, Lê Đức Anh và lực lượng vũ trang thuộc quyền của y đang đóng trên đất Thuận Lợi nhưng đã không tổ chức chiến đấu đánh trả quân địch mà bỏ chạy dài về Công Xanh, chiến khu Đ. Do đó Thuận Lợi bị quân Pháp đốt cháy toàn bộ kho tàng, nhà cửa trong 3 ngày đêm liền. Nghe tin tư lệnh Nguyễn Bình sẽ xử tử mình vì tội đó, Lê Đức Anh bèn lánh mặt, đưa quân về vùng Bắc Bến Cát. (Lúc ấy, đ/c Năm Thi là ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Chi đội phó, kiêm tham mưu trưởng Chi đội 1 Thủ Dầu Một nên biết rõ việc này).

5. Từ năm 1979 đến 1989, lãnh đạo và chỉ huy quân tình nguyện Việt Nam chiến đấu và giúp bạn ở Campuchia, Lê Đức Anh đã phạm nhiều sai lầm về chính trị và quân sự.

- Về chính trị, ngoài vụ Xiêm Riệp bắt nguồn từ chủ trương “ đánh địch ngầm ” do Lê Đức Thọ và Lê Đức Anh đề ra, Lê Đức Anh đã có nhiều biểu hiện và hành vi coi thường bạn, cho kiểm tra nhà ở của một số ủy viên Bộ Chính trị Đảng nhân dân cách mạng CPC, bao biện làm thay, can thiệp vào công việc nội bộ, bắt bớ đảng viên của bạn khiến bạn phản

ứng và nghi ngờ tình cảm quốc tế trong sáng của Đảng, Nhà nước và quân đội ta.

- Về quân sự, đã đánh giá quá thấp kẻ địch, chủ trương “ trong năm 1980, quét sạch quân địch ngoài địa hình mà trọng điểm là vùng rừng Ô Ran, đồng thời hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ phá tan âm mưu địch dùng phần tử hai mặt lưng đoạn đảng và chính quyền của bạn ” (!). Đã chỉ đạo chiến tranh theo kiểu “ ăn đông ”, năm này chưa xong thì năm sau, kéo dài đến mười năm mà vẫn chưa diệt được đối thủ mà Lê Đức Anh gọi là “ tàn quân ” Pol Pot !

Từ cuối năm 1979, Lê Đức Anh đề ra chủ trương “ khoá chặt biên giới ”, “ xây dựng tuyến phòng thủ biên giới ” với mật danh K5 bằng cách huy động đông đảo nhân dân các địa phương nước bạn, từ rừng núi đến đồng bằng lên biên giới cùng quân tình nguyện Việt Nam và bộ đội bạn chặt cây, đào hào, rải chông và căng dây thép gai nhằm ngăn chặn quân Pol Pot từ Thái Lan vào đất Campuchia (!). Mặc dù ta và bạn đã bỏ ra nhiều công sức và tiền của trong nhiều năm, nhưng biên giới vẫn không “ khoá chặt ” được, địch vẫn mở được hành lang qua biên giới vào nội địa, xây dựng được nhiều căn cứ dọc biên giới, có nơi vào sâu đến 30, 40 kilômét !

Do chủ trương sai lầm của Lê Đức Anh mà hàng chục vạn cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam cũng như bộ đội và nhân dân bạn đã bỏ xác trên tuyến biên giới dài 1 200 km cũng như trong nội địa do bị địch đánh úp, do mìn và sốt rét ác tính !

Mặc dù vậy, đến năm 1983, Lê Đức Anh vẫn cho rằng ở Campuchia chưa có chiến tranh, chỉ mới là những “ hoạt động du kích ” của bọn “ tàn quân ” Pol Pot. Chúng sẽ bị tàn lụi vào năm 1985 như Nghị quyết của Ban cán sự và Bộ tư lệnh 719 ! Khi bộ phận tiền phương của Cục khoa học quân sự Bộ tổng tham mưu tại Campuchia đề nghị nên có sự đánh giá khách quan hơn, có sự chỉ huy chiến tranh bài bản hơn trên cơ sở nghiên cứu tính chất và đặc điểm của cuộc chiến tranh ở Campuchia để tìm ra quy luật đặc thù của nó, thì Lê Đức Anh nổi giận, ra lệnh cho cơ quan tiền phương Cục khoa học quân sự gồm 10 đại tá phải rút ngay về nước, trả lại cho Bộ Tổng tham mưu với lý do “ tình hình biên chế ở chiến trường ! ”

Có những sai lầm khuyết điểm như trên, nhưng Lê Đức Anh vẫn thăng tiến rất nhanh, từ Ủy viên trung ương khóa 4 lọt vào Bộ Chính trị khóa 5 rồi tiến lên nắm chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch nước !

6. Trong quan hệ gia đình, Lê Đức Anh là người chồng phản bội : Ra Bắc được mấy năm, Lê Đức Anh nói với đ/c Đồng Văn Cống là sẽ xin lấy vợ khác, vì bà Bảy Anh trong Nam đã lấy chồng, lại thuộc thành phần gia đình phản động làm tay sai cho địch ! Đ/c Đồng Văn Cống nói : “ Hôm ở Cao Lãnh tôi thấy chị Bảy khóc lóc rất dữ khi tiễn anh đi tập kết, nghe nói sau đó chị về công tác ở miền Đông, căn cứ vào đâu mà anh nói chị đi lấy chồng và theo địch ? Tôi không tán thành ” !

Nhưng rồi nhờ sự ủng hộ của Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh vẫn bỏ được vợ cũ, lấy được vợ mới. Trong lúc đó thì trong hoàn cảnh đấu tranh khốc liệt và gian khổ ở miền Nam, chị Bảy vẫn một lòng kiên trung chờ đợi và tiếp tục hoạt động cách mạng, làm Ủy viên tỉnh ủy Bình Dương cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng !

Khi biết chuyện này, các đồng chí Phạm Hùng, NguyễnThị Định và đồng đội cán bộ miền Nam đều rất bất bình, cho Lê Đức Anh là một tên vô đạo đức !

Thưa Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng !

Đây không phải là lần đầu tiên các đảng viên Nam bộ báo cáo với Đảng những hiểu biết nói trên về Lê Đức Anh :

Từ năm 1982, khi được tin Lê Đức Anh vào Bộ Chính trị khóa 5, đồng chí Thiếu tướng Tô Ký và hai đồng chí Bảy Cống và Năm Thi bàn nhau và đã làm báo cáo gửi Ủy ban kiểm tra Trung ương Đảng và Thường vụ Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không có hồi âm !

Cuối năm 1986 đầu năm 1987, khi thấy Lê Đức Anh được bầu vào Bộ Chính trị rồi làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sau hai cái chết bất ngờ của hai đại tướng Hoàng Văn Thái và Lê Trọng Tấn, đ/c Nguyễn Văn Thi lại viết thư tay gửi trực tiếp đến các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Đức Tâm, Lê Đức Thọ nói rõ lai lịch và những hành động đáng ngờ của Lê Đức Anh trước và sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhưng 18 năm qua các khóa Trung ương vẫn chưa có trả lời !

Đến Hội nghị Trung ương 11B khóa 8 tháng 2 năm 2001, trước thủ đoạn nói xấu, vu khống quá lộ liễu của Lê Đức Anh nhằm lật đổ Tổng bí thư Lê Khả Phiêu, đồng chí Hai Xô đang làm việc ở Hà Nội biết đ/c Năm Thi từng có đơn tố giác, bèn gọi Năm Thi ra gặp các đồng chí Hai Xô, Nguyễn Đức Tâm, Mười Hương và Ủy ban kiểm tra Trung ương để làm rõ quá khứ của Lê Đức Anh (đ/c Đồng Văn Cống không ra Hà Nội trực tiếp báo cáo, đã phát biểu vào băng ghi âm gửi ra Ủy ban kiểm tra Trung ương vào đầu tháng 3 năm 2001). Trong cuộc họp đó, đồng chí Nguyễn Đức Tâm xác nhận : khi làm Trưởng ban tổ chức Trung ương, có nhận được thư tố giác của đ/c Năm Thi đã báo cáo với Lê Đức Thọ nhưng được trả lời là gác lại, giải quyết sau. Thấy Lê Đức Anh được Lê Đức Thọ bảo vệ, đồng chí Nguyễn Văn Linh đành phải gác qua. Cũng trong cuộc họp đó, đồng chí Hai Xô phát biểu : “ Nếu không chặn đứng được mưu đồ của Lê Đức Anh và đồng bọn, thì tình hình nội bộ Đảng sẽ ngày càng nghiêm trọng ! ”

Như vậy là hơn hai chục năm qua, qua nhiều lần Đại hội Đảng và nhiều khóa Trung ương, chúng tôi đã nhiều lần nói rõ về Lê Đức Anh, nhưng mãi cho đến nay lai lịch, và các hành vi sai trái của nhân vật này vẫn chưa được xác minh và xử lý, gây tác hại nghiêm trọng đến sự trong sạch và vững mạnh, sự đoàn kết và thống nhất của Đảng.

Chúng tôi nhất trí với ý kiến của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là “ Ban Chấp hành Trung ương khóa 9 cần xử lý kiên quyết, dứt điểm, nghiêm minh những vụ việc tồn đọng nói trên theo đúng Điều lệ của Đảng, pháp luật của Nhà nước, và kỷ luật của Quân đội, dù người đó là ai, ở bất kỳ cương vị nào ! ”.

Chúng tôi tán thành ý kiến của các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Nam Khánh, Nguyễn Tài v.v... là “ *không cho phép duy trì mãi một tổ chức siêu đảng, siêu chính phủ, không thể để Tổng cục 2 tồn tại với quyền hạn quá rộng như Nghị định 96/CP cho phép, mà chỉ tập trung vào nhiệm vụ tình báo quân sự trực thuộc Bộ Tổng tham mưu như trước đây* ”.

Không cho phép tái diễn những hành vi hãm hại người

trung thực, như người ta từng vu khống, tước quân hàm và định bắt giam Thượng tướng Trần Văn Trà, sau đó phải trả lại quân hàm mà không công bố; từng vu khống với ý đồ hãm hại Đại tướng khai quốc công thần Võ Nguyên Giáp !

Chúng tôi cho rằng : không chỉ riêng vụ T4, mà toàn bộ những vụ việc xảy ra mấy chục năm qua là những mất tích của một vụ án chính trị nghiêm trọng nhất trong lịch sử 75 năm của Đảng, có quan hệ đến sự tồn vong của Đảng và đất nước.

Đây không phải là “ chuyện ngày xưa ” của mấy vị cách mạng lão thành mà các khóa Bộ Chính trị và Trung ương sau này không thể làm rõ được ! Không ! Đây là những vấn đề lịch sử quan trọng cần xác minh để soi sáng những vụ việc ngày nay. Mảnh đất Lộc Ninh và không ít nhân chứng cùng thời vẫn còn sống. Chi cần có trách nhiệm, có dũng khí và quyết tâm là làm được ! Chúng tôi sẵn sàng có một cuộc đối chất trực diện nếu Bộ Chính trị yêu cầu !

Không thể vin vào lý do “ ổn định nội bộ ” mà bỏ qua và che giấu việc này, vì nhiều tài liệu đã được công bố trên internet, nên trong Đảng cũng như ngoài Đảng, trong nước cũng như ngoài nước, nhiều người đã biết các vụ việc xảy ra. Hồ Chủ tịch nói : “ Một đảng che giấu khuyết điểm sai lầm của mình là một đảng hỏng ! ”. Bộ Chính trị càng bưng bít thì càng mất uy tín, càng làm giảm lòng tin của đảng viên và quần chúng đối với Trung ương.

Đúng như đồng chí Nguyễn Trọng Vĩnh đã cảnh báo : “ Đảng có những làn sóng bất bình ngầm ngày càng lan rộng. **Sự yên lặng hiện nay là sự yên lặng của những quả bom nổ chậm chưa đến giờ hẹn** ”. Tình hình trong Nam cũng vậy.

Kính mong Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương lắng nghe tiếng nói đầy tâm huyết của các tướng lĩnh, các cán bộ lão thành cách mạng mà quá trình hoạt động và sự đóng góp cho cách mạng đã chứng minh sự trung thành của họ.

Giải quyết dứt điểm và thành công vụ án chính trị siêu nghiêm trọng này, kiên quyết loại trừ những phần tử cơ hội ra khỏi các cơ quan quyền lực của Đảng và Nhà nước, chấm dứt các hiện tượng cá nhân lũng đoạn là việc làm cấp thiết và cực kỳ quan trọng để chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc lần thứ 10 của Đảng.

Đây cũng là việc làm thiết thực để kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Đảng ta !

Xin gửi đến các đồng chí Bộ Chính trị và Trung ương lời chào trân trọng và rất mong được sớm trả lời !

Xin cảm ơn.

Phạm Văn Xô

Địa chỉ : 225/18 – Xô Viết Nghệ Tĩnh - quận Bình Thạnh- Tp.HCM – ĐT : 899 1300

Đồng Văn Cống

Địa chỉ : 774/2 Nguyễn Kiệm - quận Phú Nhuận – Tp.HCM – ĐT: 844 7328

Nguyễn Văn Thi

Địa chỉ : 20B88 Cư xá Nguyễn Trung Trực, đường 3/2 - quận 10 – Tp.HCM – ĐT : 865 5878

Việt Nam và Công ước Berne

(tiếp theo trang 1)

Nước Anh là nước đầu tiên đặt ra luật lệ để kiểm soát việc in ấn và phát hành sách, với các đạo luật *Licensing Act* năm 1662 và nhất là *Statute of Anne* năm 1710, được coi là luật bản quyền đầu tiên trên thế giới, đưa ra hai khái niệm cơ bản : tác giả có độc quyền trên tác phẩm của mình và độc quyền đó được bảo vệ trong một thời gian nhất định.

Từ đó các nước phương Tây lần lượt ban hành các đạo luật về bản quyền - Đan Mạch năm 1741, Mỹ (1790), Pháp (1791), v.v. cũng như một số nước châu Mỹ la tinh sau khi dành được độc lập : Chile (1834), Peru (1849), Argentina (1869) và Mexico (1871). Các luật quốc gia này chỉ bảo vệ bản quyền trong giới hạn lãnh thổ mỗi nước, nên cho các tác phẩm được lưu hành ở nước ngoài, phải có hiệp ước song phương. Vì các hiệp ước này không toàn diện và khác biệt nhau nên cần phải tiến đến một hệ thống quốc tế, thống nhất. Mặt khác, Cách mạng Pháp (1789 -1799) trước đó đã đóng vai trò then chốt trong sự hình thành và phát triển của các khái niệm nhân quyền, dân chủ và giao lưu văn hoá. Sau Voltaire và Jean-Jacques Rousseau, cả một thế hệ văn hào và thi sĩ Pháp tiếp tục triển khai các quan điểm về cải cách xã hội và chính trị, đặc biệt đòi hỏi một đạo luật quốc tế về bản quyền. Từ 1839 trở đi, đề tài này ngày càng sôi nổi ở các hội nghị châu Âu qui tụ các nhà văn, luật gia và đại diện chính quyền, với cao điểm là sự ra đời năm 1878 của *Association Littéraire et Artistique* (ALAI) do đại văn hào Victor Hugo sáng lập và làm chủ tịch danh dự. Từ đó, ALAI hàng năm triệu tập hội nghị về một dự án công ước quốc tế và bản dự thảo cuối cùng được thông qua ở hội nghị Berne (Thụy Sĩ) tháng 9.1886. Bảy nước châu Âu - Anh, Bỉ, Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ và Ý - và hai nước lúc ấy thuộc quyền bảo hộ của Pháp là Haiti và Tunisia, đồng ý ký và phê chuẩn Công ước Berne, thành lập Liên hiệp Berne và một văn phòng để quản lý Công ước. Mỹ và Nhật tham dự hội nghị với tư cách tư vấn và không tham gia Công ước.

Song song với bản quyền, sự phát triển của các kỹ nghệ cũng đặt ra vấn đề sở hữu trí thức trong công nghiệp. Những tài liệu lịch sử về việc bảo vệ sáng chế trong công nghệ đã có từ thời Phục Hưng ở Venice (1474), sau đó ở Anh Quốc (luật về bằng sáng chế 1623) và hiến pháp đầu tiên của Hoa Kỳ (1787). Nhưng có thể nói khái niệm bảo vệ sở hữu công nghiệp ở phạm vi quốc tế xuất hiện năm 1873, khi một số người từ chối lời mời tham dự Hội chợ quốc tế triển lãm sáng chế tại Vienna (Áo) vì sợ các phát minh của mình bị kẻ khác ăn cắp để khai thác trong nước khác. Năm 1883, 14 nước họp tại Paris ký kết Công ước Paris, văn kiện quốc tế đầu tiên cho phép người dân một nước bảo vệ những sáng chế của mình trong một hoặc nhiều nước khác. Cũng như cho Công ước Berne, Liên

Hiệp Paris và một văn phòng được thành lập để quản lý Công ước Paris.

Hai văn phòng quốc tế quản lý hai Công ước Paris và Công ước Berne sát nhập năm 1893 dưới tên là *Bureaux internationaux réunis pour la protection de la propriété intellectuelle* (BIRPI), đặt tại Berne trước khi dời xuống Genève để sát gần hơn với Liên Hiệp Quốc và các tổ chức quốc tế khác. BIRPI, thời ấy chỉ có 7 nhân viên làm việc cho một số ít quốc gia, là tiền thân của Tổ chức sở hữu trí thức thế giới (*World Intellectual Property Organization - WIPO*) ngày nay, được thành lập năm 1970, hiện qui tụ 181 nước thành viên và một đội ngũ 938 nhân viên. WIPO có nhiệm vụ quản lý toàn bộ lĩnh vực sở hữu trí thức thông qua 21 hiệp ước và công ước quốc tế bên cạnh hai Công ước Berne và Paris, chi phối đủ mọi vấn đề liên quan như bằng sáng chế (*patent*), thương hiệu (*trademark, servicemark*), v.v.

Vấn đề bản quyền cũng được chi phối bởi một công ước khác, *Universal Copyright Convention*, hay Công ước UCC, thông qua tại Genève năm 1952 trong khuôn khổ của tổ chức Unesco thuộc Liên Hiệp Quốc. Công ước UCC dành cho các nước tuy không đồng ý với một số qui định của Công ước Berne nhưng vẫn muốn tham gia vào một thể chế pháp lý đa phương để bảo vệ bản quyền. Tham gia UCC lúc ấy là một số nước nghèo và Liên Xô (trách Công ước Berne là chủ yếu bảo vệ quyền lợi các nước "tư bản"), Mỹ và một số nước châu Mỹ La tinh (không muốn thay đổi luật quốc gia của họ cho phù hợp với Công ước Berne). Tuy thế, với thời gian, các nước này đều lần lượt tham gia Công ước Berne, được tu chỉnh và bổ sung 8 lần, lần cuối vào năm 1979. Ngày nay, hầu hết các nước trên thế giới hoặc đã là thành viên hoặc đang xin gia nhập Tổ chức Thương Mại Thế giới (WTO) và do đó phải tham gia Công ước Berne, theo qui định của Hiệp định TRIPs của WTO, nên có thể nói Công ước UCC đã đi vào lịch sử. Công ước Berne vì thế là văn kiện đầu tiên và quan trọng nhất cho vấn đề bản quyền.

*

Những điểm chính của Công ước Berne

Công ước Berne bao gồm ba nguyên tắc cơ bản :

1. *Quy chế quốc gia và đối xử bình đẳng* : các tác phẩm xuất phát từ mọi nước thành viên đều được bảo vệ ngang nhau trong tất cả các nước thành viên. Chính quyền có bốn phận đảm bảo mức bảo hộ tối thiểu theo các qui định của Công ước.

2. *Bảo hộ đương nhiên* : bản quyền được bảo vệ, vô điều kiện và không cần phải thông qua thủ tục đăng ký nào.

3. *Bảo hộ độc lập* : các quyền qui định theo Công ước được thực thi và hưởng độc lập với mọi quyền khác đang được hưởng tại nước xuất xứ tác phẩm.

Những lĩnh vực được bảo hộ :

1. Tất cả các sản phẩm văn học, khoa học và nghệ

thuật, được biểu hiện dưới bất kỳ hình thức nào và theo phương thức nào. Tức là : sách và mọi bài viết, diễn văn, phát biểu ; các kịch bản, biên đạo múa và mọi hình thức trình diễn văn nghệ ; nhạc có lời và không lời ; phim ảnh, nhiếp ảnh; các tác phẩm hội họa, điêu khắc, kiến trúc ; các sơ đồ, minh họa, phác thảo liên quan đến địa lý, địa hình, kiến trúc và khoa học, v.v. Nói tóm lại, mọi sản phẩm của trí tuệ dưới mọi hình thức.

2. Các tác phẩm dịch, mô phỏng, chuyển thể từ một tác phẩm gốc đều được bảo vệ như tác phẩm gốc, miễn là không phương hại đến quyền tác giả của tác phẩm gốc.

3. Công ước không bảo hộ các tin tức thời sự hay sự việc vụn vặt chỉ mang tính chất thông tin báo chí. Ngoài ra các quốc gia có thể lập qui định riêng hay giới hạn chế độ bảo hộ đối với các văn kiện hành chính luật pháp, các tác phẩm mỹ thuật ứng dụng hay các mô hình thiết kế công nghiệp.

Các quyền được bảo vệ

Công ước qui định hai loại quyền, quyền kinh tế và quyền tinh thần.

Quyền kinh tế. Tác giả có toàn quyền cho phép hay ngăn cấm người khác sử dụng hay phổ biến tác phẩm của mình và giữ độc quyền cho mọi hình thức khai thác: dịch thuật, sao chép, trình diễn và truyền thông công cộng, phát sóng, cải biên, chuyển thể, phân phối, thuê mướn, và xuất khẩu sang nước khác. Tất cả những hoạt động ấy, nếu không được tác giả cho phép bằng văn kiện, đều vi phạm bản quyền. Ngoài ra tác giả cũng hưởng quyền lợi ích khi bán lại tác phẩm gốc đã chuyển nhượng.

Quyền tinh thần. Tác giả có quyền đứng tên tác phẩm của mình kể cả khi đã chuyển nhượng, và phản đối mọi sự xuyên tạc, cắt xén, sửa đổi hay bất cứ hành vi nào có thể tổn hại đến danh dự hoặc uy tín của mình. Các quyền tinh thần vĩnh viễn thuộc về tác giả, dẫu là các quyền kinh tế đã được chuyển nhượng hay không.

Thời gian bảo hộ

Những tác phẩm đích danh được bảo hộ trong suốt cuộc đời của tác giả cộng thêm 50 năm sau khi tác giả qua đời. Trong trường hợp đồng tác giả, thời gian bảo hộ là 50 năm sau cái chết của tác giả cuối cùng. Các tác phẩm khuyết danh hay bút danh (*anonymous or pseudonymous*) được bảo hộ 50 năm kể từ ngày phổ biến hợp pháp ra công chúng. Nếu tên thật của tác giả được biết chính xác bên cạnh bút danh hoặc nếu tác giả của tác phẩm khuyết danh lộ diện trong thời gian 50 năm nói trên thì tác phẩm được bảo hộ như đích danh. Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh và mỹ thuật ứng dụng, thời gian bảo hộ có thể ngắn hơn nhưng ít nhất phải là 25 năm.

Đó là qui định tối thiểu theo Công ước. Các nước thành viên có thể ấn định thời gian dài hơn, như khuynh hướng hiện nay. Liên Hiệp Châu Âu, chẳng hạn, qui định là kể từ 1.7.1995, thời gian bảo vệ bản quyền là 70 năm sau khi tác giả qua đời.

Những điều lệ giới hạn sự bảo hộ

Sự bảo hộ tuy nhiên không tuyệt đối. Để dung hoà quyền lợi của tác giả và nhu cầu chính đáng của người dùng, Công ước dự trù hai biệt lệ chính giới hạn sự bảo hộ :

1. Một tác phẩm có thể được khai thác tự do (*free use*), không cần xin phép người giữ bản quyền và không phải phí tác quyền, để trích dẫn hay minh họa (nhưng phải ghi rõ tên tác giả, xuất xứ), sử dụng cho việc nghiên cứu, giảng dạy hoặc thông tin công chúng, miễn là một cách công minh chính trực (*fair use*) và theo một số điều kiện nhất định.

2. Để tránh việc không cho phép sử dụng có thể cản trở sự phát triển của một công nghệ mới, cơ quan hữu trách có thể áp dụng biện pháp giấy phép phi tự nguyện (*non-voluntary licence*), qua đó một tác phẩm có thể được khai thác mà không cần đến sự ưng thuận của người giữ bản quyền, nhưng phải trả phí tác quyền. Điều lệ này nhằm bảo vệ sự phát triển lúc đó của các kỹ thuật ghi âm, phát thanh và truyền sóng, nhưng hiện nay được bàn cãi lại vì đã có những phương tiện hiện đại kết hợp việc bảo vệ tác quyền và nhu cầu phổ biến rộng rãi các tác phẩm.

Ngoài ra, theo Điều II và III của Phụ lục của Công ước, công dân các nước đang phát triển có thể được đương nhiên cấp giấy phép để dịch hoặc sao chép các tác phẩm được bảo hộ trong mục đích nghiên cứu, giáo dục. Theo thủ tục qui định, văn kiện ký Công ước của VN có kèm theo bản tuyên bố yêu cầu được áp dụng hai điều lệ này.

Vấn đề thực thi

Mọi vi phạm các quyền lợi kinh tế và tinh thần đều có thể bị truy tố và xử phạt, kèm theo bồi thường cho tác giả. Công ước Berne không qui định chi tiết việc thực thi bảo vệ các quyền lợi, nhưng với sự phát triển của các luồng thương mại hàng hoá và dịch vụ có nội dung tri thức cao cần phải được bảo vệ, song song với sự tiến triển rất nhanh của các kỹ thuật điện toán cho phép sao chép và chuyển đổi qua Internet mọi sản phẩm trí tuệ, vấn đề thực thi bản quyền trở thành mối quan tâm lớn. Các luật lệ quốc gia và khung pháp lý quốc tế do đó được củng cố bằng nhiều tiêu chuẩn và biện pháp mới nhằm phòng ngừa và xử phạt gắt gao hơn các hình thức vi phạm. Đáng kể nhất là hai hiệp ước *WIPO Copyright Treaty* (WCT) và *WIPO Performances and Phonograms Treaty* (WPPT), ký tháng 12.1996, còn gọi là "*Internet Treaties*" vì qui định các biện pháp bảo vệ sở hữu tri thức trước các phương tiện sao chép tối tân qua kỹ thuật điện tử. Ngoài ra, hiệp định *TRIPs* (*Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights*) của tổ chức WTO sát nhập Công ước Berne vào khung pháp lý của WTO và bổ sung các qui định về thực thi, đặt vấn đề bảo vệ bản quyền và sở hữu tri thức nói chung dưới sự chi phối của bộ máy giải quyết tranh chấp của WTO. Các vi phạm bản quyền do đó có thể bị xét xử trong khuôn khổ đa phương và dẫn đến những biện pháp trả đũa hay trừng phạt cụ thể qua quan hệ thương mại.

Việt Nam tham gia Công ước Berne : thử thách và cơ hội

Bất kỳ sự tham gia nào cũng có hai mặt : quyền lợi và nghĩa vụ. Các tác phẩm Việt Nam từ nay sẽ được bảo vệ ở VN và trong 156 nước thành viên khác (nước thứ 157 là Bhutan, tham gia sau VN một tháng). Ngược lại, VN có bốn phận phải bảo vệ các tác phẩm các nước này ở VN. Ở mức phát triển hiện nay, dĩ nhiên là đối với VN, nghĩa vụ nặng hơn quyền lợi rất nhiều. Cụ thể nhất là từ ngày 26.10.2004 trở đi, giới văn nghệ sĩ VN không còn được vô tư sao chép, sử dụng các tác phẩm văn học nghệ thuật nước ngoài, mà bắt buộc phải xin phép tác giả và trả phí bản quyền. Chính vì tình trạng sao chép lậu và sử dụng trái phép tràn lan ở VN đã đến mức báo động, và sẽ phải chấm dứt từ nay, các báo chí trong nước đã có nhiều bài giải thích Công ước Berne, phân tích lợi hại của sự tham gia, cảnh báo các hậu quả đối với các nhà phát hành sách, nhạc, các văn nghệ sĩ trong nước, và phản ánh các âu lo của các giới liên can.

Một hậu quả rõ rệt nhất và hay được nhắc đến là sách dịch ở VN sẽ đắt hơn, trong khi giá mọi sách vở nói chung đã tương đối cao so với sức mua của người đọc. Theo Công ty phát hành sách FAHASA thì sách dịch hiện chiếm 40-50 % tổng lượng sách phát hành ở TP Hồ Chí Minh, trong đó sách khoa học, kỹ thuật, tin học và sinh ngữ có tỷ lệ lớn nhất với 70-80 %. Các nhà xuất bản sẽ phải tính toán lại lượng sách dịch cho phù hợp, hạn chế và chọn lọc theo chất lượng. Ngoài ra họ cũng phải học hỏi cách thương lượng, giao dịch với nước ngoài và lập những bộ phận chuyên trách về việc này. Họ cũng lo âu là nếu phí bản quyền quá cao thì số tiền thu vào không đủ để trả chi phí vì ở VN mỗi đầu sách chỉ phát hành khoảng 1000 đến 2000 bản và giá bán không thể định quá cao.

Nhưng lo lắng và kêu ca nhất là các ca sĩ và nhà sản xuất băng đĩa nhạc. Thị trường âm nhạc VN hiện đang tràn lan ca khúc ngoại lời Việt. Theo thống kê của Phòng quản lý nghệ thuật, Sở Văn hoá-Thông tin TP HCM, tỷ lệ nhạc ngoại lời Việt là hơn một nửa cho nhạc trẻ và hơn một phần ba cho tất cả các băng đĩa và ca khúc biểu diễn. Báo Nhân Dân điện tử, ngày 3.11.2004, viết : "*Không chỉ "cầm nhâm" tác phẩm của nhau, một số nhạc sĩ VN dù đã được công chúng biết đến, lại muốn đi "con đường tắt" đến với thị trường nhạc trẻ, đã sử dụng ngay những ca khúc đang "ăn khách" của nhạc sĩ nước ngoài, đặt lời mới hoặc sao chép từng đoạn rồi ký tên tác giả. Những ca khúc đó thường rất dễ thu hút sự chú ý của công chúng, được các bạn trẻ yêu thích. Chính điều đó đã tạo nên thói quen "ăn sẵn", lười biếng của một số nhạc sĩ trẻ mới bước vào nghề, làm thui chột năng lực sáng tạo của họ.*" Khi việc ăn cắp sáng tác của người khác đã thành thói quen và phổ biến như thế, tuân thủ Công ước Berne là không còn được xài của chùa một cách vô tội vạ, mất đi một nguồn lợi lớn, một số ca sĩ, nhạc sĩ VN bán lên là điều dễ hiểu.

Nhưng VN đã thật sự bắt đầu tuân thủ chưa ? Theo báo Nhân dân điện tử, "*nhiều ngày sau khi Công ước có hiệu*

lực, sách lậu và băng, đĩa lậu vẫn được bày bán tràn lan mà chưa thấy cơ quan nào xử lý". Và theo một bản tin khác trên hcmc.netnam.vn, "*Dường như không có gì thay đổi ... thị trường băng đĩa nhạc trong nước dường như vẫn 'bình chân như vại'. Sự chuyển đổi này rất khó thấy bởi, một mặt, thị trường VN chưa phải là lớn và, mặt khác, môi trường xã hội VN vẫn chưa quen nhạy cảm với pháp luật quốc tế, một quan chức ở Bộ Văn hoá-Thông tin nói*".

Có thể nói vấn đề thực thi các qui định của Công ước là thử thách lớn nhất đối với VN. Không phải chỉ vì trình độ dân trí còn thấp, ít có tinh thần tự giác, kỷ luật và tôn trọng pháp luật, mà còn vì chính bộ máy chính quyền yếu kém và không làm đúng chức năng thông tin, hướng dẫn công chúng. Theo tintucvietnam.com, "*Ngày 26.10 Công ước có hiệu lực, thì mãi đến đầu tháng mười Cục NTBD [nghệ thuật biểu diễn] mới thông báo điều này khiến các nhà sản xuất trở tay không kịp*". Nhiều bản tin khác nêu rõ các thiếu sót, chậm chạp của các cơ quan thẩm quyền trong vấn đề thông tin đến các nhà xuất bản, các cửa hàng, các văn nghệ sĩ. Những rườm rà nặng nề của bộ máy quan liêu VN cũng là một cản trở lớn và đáng lo khi biết rằng theo Công ước Berne, việc thực thi là trách nhiệm và bốn phận của chính quyền. Khi VN gia nhập WTO, thì trách nhiệm này lại càng to tát vì bất cứ vi phạm từ một cá nhân hay tổ chức tư nhân nào ở VN cũng có thể cho phép tác giả nước ngoài yêu cầu chính quyền của họ kiện chính quyền VN trước WTO, với mọi tổn kém cho vụ kiện và hậu quả tai hại lên quan hệ ngoại thương của VN.

Đây không phải là viễn tượng xa xôi mà là vấn đề cụ thể ngay trước mắt : hiện nay các công ty, tổ chức môi giới kinh doanh bản quyền, của một số nước như Mỹ, Australia, Canada, đã có mặt ở VN và lập quan hệ với các văn phòng luật sư của VN. Ngoài việc môi giới mua và bán bản quyền họ sẽ giám sát việc thực thi bản quyền của các cá nhân, tổ chức VN đối với các tác phẩm của thân chủ họ.

Do đó vấn đề cấp bách VN phải giải quyết là trang bị cho mình những phương tiện để hoàn thành trách nhiệm ấy : thành lập cơ chế hành chính và pháp lý, đào tạo đội ngũ chuyên môn, giáo dục công chúng, ngăn ngừa vi phạm và thi hành các biện pháp xử lý.

Theo ông Vũ Mạnh Chu, Cục trưởng Cục bản quyền tác giả văn học - nghệ thuật, VN đã có nhiều cố gắng trong chiều hướng ấy : phối hợp với WIPO tổ chức các hội thảo, hội nghị tập huấn, cử chuyên gia đi các nước thành viên Công ước để học hỏi kinh nghiệm, thành lập hai trung tâm bảo hộ quyền tác giả âm nhạc và quyền tác giả văn học VN. Trong năm 2005, Trung tâm bản quyền nhiếp ảnh VN sẽ ra đời.

Một vấn đề đáng quan tâm khác là phải có những tổ chức chính thống và chuyên nghiệp làm nhiệm vụ môi giới và tư vấn cho các nhà xuất bản sách và nhạc, các dịch giả, trong việc giao dịch ký kết bản quyền với các đối tác nước ngoài.

Nhưng tham gia Công ước Berne cũng mở ra nhiều cơ

hội cho VN. Lợi ích đầu tiên, ngoài khả năng còn xa vời là bảo vệ các tác phẩm VN ở nước khác, là trong sạch hoá môi trường văn hoá VN. Nếu VN thực hiện nghiêm chỉnh Công ước, các tệ nạn sao chép lậu chóng muộn cũng phải giảm đi cho đến khi trở thành ngoại lệ chứ không phải thói thường như hiện nay. VN sẽ phải tiến đến một "văn hoá bản quyền", qua đó trình độ dân trí và ý thức pháp luật được nâng cao lên, trong dân chúng và trong cả các giới hữu trách. Dĩ nhiên, ngay cả trong các nước tiên tiến, nơi khái niệm bản quyền đã bắt rễ và được củng cố từ mấy thế kỷ, vẫn còn có những trường hợp vi phạm. Song, đây là những hành vi cá biệt, bị coi là tội lỗi về cả đạo đức lẫn pháp lý, và tiêu chí chung cho tất cả mọi người là phải tôn trọng sản phẩm trí tuệ của người khác. Để đi từ một xã hội coi việc "lួc" sách, nhái nhạc và đạo văn như "chuyện thường ngày ở huyện" đến một văn hoá bản quyền, gần như phải có cả một cách mạng tư duy. Thực hiện được sự thay đổi sâu rộng ấy cũng góp phần xây dựng một xã hội VN lành mạnh và văn minh hơn.

Trước mắt, việc bảo hộ bản quyền cũng có lợi cho chính các tác giả VN, nạn nhân đầu tiên của tình trạng hỗn loạn hiện nay. Mặt khác, khi không trả nổi phí tác quyền rất cao cho các tác phẩm quốc tế, các nhà phát hành sách, nhạc, sẽ chú ý đến các tác giả trong nước nhiều hơn. Vừa được bảo vệ quyền lợi tốt hơn, vừa có thêm thị trường, các tác giả VN sẽ có thêm hứng khởi để sáng tác. Một trong những mục đích của sở hữu tri thức chính là khuyến khích năng lực sáng tạo.

Một tác động tích cực khác là thị trường sách dịch sẽ có chất lượng hơn. Khi phải trả phí bản quyền, các nhà xuất bản sẽ cân nhắc, chọn lọc hơn. Họ cũng sẽ tìm cách khai thác các tác phẩm đã quá thời gian bảo hộ, những "kinh điển" của văn học thế giới, có giá trị hơn gấp bội các loại sách vô bổ, chạy theo thị hiếu quần chúng hiện nay.

Nhưng quan trọng hơn cả là việc tham gia Công ước Berne đánh dấu một bước tiến mới của VN trong việc hội nhập thế giới và nâng cao hình ảnh của VN đối với bên ngoài. Sở hữu tri thức là một quan tâm hàng đầu đối với nhiều nước, một trong những khúc mắc lớn trong quá trình thương thuyết gia nhập vào WTO của Trung Quốc trước đây và VN hiện nay. Lĩnh vực này càng đóng vai trò thiết yếu khi sự phát triển kinh tế trên thế giới ngày càng dựa vào các hàng hoá và dịch vụ có nội dung tri thức cao. Tham gia Công ước là một tín hiệu tích cực, qua đó VN tỏ thiện chí hội nhập, tuân thủ luật chơi quốc tế, tham gia vào khung pháp lý đa phương và tiến thêm một bước trong việc xây dựng một đất nước pháp quyền. Mọi tiến bộ về các mặt này đều là những dấu hiệu khả quan đối với các nhà đầu tư quốc tế, các bạn hàng ngoại thương, và các đối tác trong mọi quan hệ hợp tác nói chung. Song, cam kết là một chuyện, chấp hành nghiêm chỉnh mới là thử thách. Thiện chí phải được chứng minh qua hành động. Làm được điều này sẽ góp phần không nhỏ vào việc củng cố uy tín và vị trí của VN trên thế giới.

Đỗ Tuyết Khanh
Tháng 1.2005

Đầu tháng giêng 2005, sau hơn một năm kiện tụng (từ ngày 31-12-2003), DOC (Department of Commerce -- Bộ Thương mại) của Mỹ đã ra phán quyết tối hậu về thuế quan áp đặt trên tôm nhập khẩu vào Mỹ từ Việt Nam, Trung Quốc, Brazil, Ecuador, Ấn Độ, Thái Lan. Có thể ghi lại những mốc chính của vụ này như sau :

(1) Phán quyết sơ bộ về thuế quan của DOC ngày 6-7 đối với tôm Việt Nam và Trung Quốc, và vào ngày 29-7 đối với tôm Brazil, Ecuador, Ấn Độ, và Thái Lan. Thuế "chống bán phá giá" này có suất từ 12,11 % đến 93,13 % đối với tôm Việt Nam và 0,04 -112,81 % đối với tôm Trung Quốc. Đối với Brazil thì là 0- 67,8 %, Ecuador thì 6,08-9,35 %, Ấn Độ là 3,56-27,49 %, và Thái Lan từ 5,56-10,25 %. Như vậy, trừ Brazil và Trung Quốc (trung bình), mức thuế đối với các nước kia đều thấp hơn Việt Nam.

(2) Sau khi đến thăm tra tại chỗ, ITC (International Trade Commission -- Ủy ban Thương mại Quốc tế) của Mỹ cho ra phán quyết ngày 30-11 đối với Trung Quốc và Việt Nam, và ngày 20-12 đối với bốn nước kia. Phán quyết này đem lại nhiều lạc quan bất ngờ cho Việt Nam. Theo đó, mức thuế đối với tôm Việt Nam giảm đáng kể so với quyết định sơ bộ của DOC đưa ra hồi tháng 7 (4,13-25,76 % thay vì 12,11-93,13 % trước đây). Về các nước khác thì chỉ có Thái Lan là bị nặng hơn phán quyết trước.

(3) Phán quyết cuối cùng của ITC ngày 6-1-2005, đối với cả sáu nước, không khác nhiều so với phán quyết tháng trước. DOC đã chính thức thực hiện phán quyết này vào ngày 26 tháng 1.

Thế là trước mắt, trên thị trường tôm ở Mỹ, Việt Nam sẽ đối đầu với sự cạnh tranh gay gắt hơn từ Ấn Độ và Thái Lan. Đáng lo ngại nữa cho Việt Nam là các doanh nghiệp chịu mức thuế cao của Thái Lan và Ấn Độ hiện có thị phần không đáng kể, trong khi doanh nghiệp đã có thị phần lớn của hai nước này lại được hưởng thuế suất tương đối thấp.

Nhìn lại toàn bộ vụ này, vài sự kiện đáng ghi nhớ. Một là, Mỹ chia những nước bị kiện làm hai nhóm. Một nhóm, gồm Việt Nam và Trung Quốc, thì Mỹ xếp vào loại kinh tế "phi thị trường", được phán quyết riêng (và trước) nhóm thứ hai gồm các quốc gia được coi là có kinh tế thị trường. Cách định thuế cho nước phi thị trường thường là "tùy hứng" hơn cho các nước thị trường (Mỹ chọn một nước thứ ba, cho Việt Nam là Bangladesh, để làm chuẩn). Mức thuế khác nhau cho mỗi nước có khi là do các yếu tố bất ngờ (chẳng hạn như cuối cùng Thái Lan và Ấn Độ được nhân nhượng phần nào vì họ là nạn nhân của trận tsunami vừa qua).

Hai là, suất thuế cho từng công ty ở mỗi nước cũng khác nhau, tùy theo phí tổn do công ty khai báo (các công ty không cung cấp đủ thông tin thường là bị thuế nặng nhất). Vì loại hình (tư doanh hoặc doanh nghiệp nhà nước) và tầm cỡ của các công ty này rất khác nhau, ở những miền khác nhau (chẳng hạn miền trung và miền nam nước ta), cho nên chênh lệch thuế quan sẽ có ảnh

Thư từ Mỹ
Tháng 3, 2005

Nhìn lại vụ tôm

Trần Hữu Dũng

hưởng đến chênh lệch phát triển khu vực ở mỗi nước, và đến cơ cấu công nghiệp và nông nghiệp của nước ấy. Nói cách khác, có thể xem thuế quan này như sự can thiệp gián tiếp của Mỹ vào nội bộ các nước khác.

Về “phía Mỹ” cũng không đơn giản. Trong giai đoạn chuẩn bị kiện thì hai hiệp hội người đánh tôm ở Mỹ đã tốn nhiều thì giờ tranh cãi trước khi đồng ý đứng chung đơn kiện. Theo tin báo chí thì một hiệp hội ở Louisiana đã tố cáo hiệp hội ở Texas là đã nhận tiền của chính phủ Mê-hi-cô để không kiện Mê-hi-cô (và quả là cuối cùng nước này không có trong danh sách các nước bị kiện). Hơn nữa, công nghiệp tôm ở tám tiểu bang liên hệ cũng khác nhau. Chẳng hạn, ở Texas thì tôm được nuôi nên trang chủ ở đây có những lo âu (như về luật lệ chống ô nhiễm môi trường) khác ở Louisiana là nơi tôm được đánh bắt ngoài biển cả. Ngư dân Louisiana lo nhiều hơn về phí tổn xăng dầu, bảo hiểm ghe tàu, vv. Một chi tiết cũng khá thú vị là số rất lớn người đánh bắt tôm ở Louisiana (có thể đến 80 %) là gốc Việt Nam (và nhiều người nắm chức vụ cao trong Hiệp Hội Tôm Miền Nam, một thành viên phe đứng kiện). Yếu tố chủng tộc này luôn luôn ngấm ngấm trong tranh chấp nội bộ các hiệp hội tôm. Một điều nữa là tuy số ngư dân gốc Việt là đông, nhưng doanh thu thì thấp, còn về Mỹ ... gốc Mỹ thì là các công ty lớn. Do đó, một biến chuyển đáng chú ý vừa xảy ra (tháng 2 này) là các ngư dân Mỹ đề nghị nhà nước tạm ngưng cấp thêm giấy phép đánh tôm, ý muốn loại trừ những người đánh tôm tùy thời (mùa tốt thì ra biển, mùa xấu thì đi làm nghề khác). Các ngư dân Mỹ gốc Việt thì phản đối đề nghị này, vì đa số ngư dân tùy thời ... chính là họ.

Cũng về phía Mỹ, không chỉ có những người đánh tôm đi kiện, song còn nhiều hiệp hội, tổ chức khác chống vụ kiện này. Thực vậy, chính những hiệp hội, tổ chức ở Mỹ đã hằng hái và hữu hiệu làm áp lực chống thuế quan hơn cả những nước bị kiện. Họ không những gồm những nhà nhập khẩu và phân phối hải sản, hiệp hội những nhà hàng (quán ăn), nhưng sau này còn có hiệp hội đậu nành Mỹ (American Soybean Association), và bất ngờ hơn nữa là các công ty sản xuất mỹ phẩm. Hiệp hội đậu nành rất có thế lực ở Mỹ (số thành viên của họ là gấp mười số thành viên hiệp hội tôm) nên tiếng nói của họ rất có ảnh hưởng. Họ nhảy vào vụ này sau khi Thái Lan và Trung Quốc hăm dọa sẽ cắt số lượng đậu nành nhập khẩu nếu hai nước ấy vì bị thuế mà phải giảm sản lượng tôm (bột đậu nành là một nguyên liệu nuôi tôm). (Sự thật là, ai cũng biết, Thái

Lan và Trung Quốc muốn trả đũa Mỹ.) Các công ty mỹ phẩm của Mỹ cũng phản đối thuế tôm vì một trong những nguyên liệu chế tạo mỹ phẩm là phó sản của tôm. Nếu giá tôm tăng thì phí tổn sản xuất mỹ phẩm cũng tăng.

Một yếu tố nữa cũng nên để ý là vai trò của tu chính án Byrd (Byrd amendment) của Mỹ trong vụ kiện. Theo luật này (mà tính hợp pháp quốc tế là rất đáng nghi ngờ) thì tiền thu từ thuế quan sẽ được chính phủ Mỹ chia lại cho các nhà sản xuất nội địa. Theo nhiều nhà phân tích, đó mới là động lực chính của vụ kiện tôm. (Một điều oái oăm nữa là các tiểu bang miền nam dùng tiền trợ cấp của chính phủ liên bang Mỹ cho nạn nhân thiên tai để tài trợ người đánh tôm trong tiểu bang họ “lobby” cho thuế quan!). Nói cách khác, các người đánh tôm Mỹ không muốn cấm hẳn nhập khẩu tôm (vì như thế thì còn đâu tiền thu thuế quan để chia nhau?), họ chỉ muốn tối đa hóa tổng thu nhập của họ từ hai nguồn: doanh thu do bán tôm và tiền chia thuế quan. Thực vậy, theo nhiều mô hình kinh tế (một bài của người viết sẽ đăng trên *Journal of International Economics*) thì suất thuế quan tối hảo cho mục đích này là thấp hơn suất thuế quan tối hảo cho phúc lợi nước Mỹ! Nói cách khác, nếu Mỹ muốn tận dụng sức mạnh thị trường của mình thì nên đánh thuế cao hơn suất thuế do hiệp hội tôm đề nghị (nhưng phải phân phối cho người tiêu dùng một phần tiền thu thuế quan).

Nhìn lại, thuế quan tôm do Mỹ áp đặt đã không ảnh hưởng quá nặng nề đến Việt Nam như nhiều người lo ngại khi vụ kiện bắt đầu. Đúng là nó đã làm giảm đáng kể đà tăng doanh thu xuất khẩu tôm của Việt Nam trong năm 2004, nó cũng gây thiệt hại nhiều cho một số hộ nuôi tôm ở Việt Nam. Song thị trường tôm gần đây có vẻ ổn định trở lại và, bởi lẽ trong thương mại quốc tế chính sự bất trắc là tai hại nhất, sự ổn định này là một điểm đáng mừng.

Trần Hữu Dũng
Dayton

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

18939 Magnolia Ave, Fountain Valley, CA 92708 USA

Tel (714) 965-4651 • Email: hopluu@saigonline.com

<http://www.hopluu.org/>

- ♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước
- ♦ nơi gặp gỡ những tâm lòng tha thiết với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu: M&Mme Lê Tất Luyện

15 place Souham, F-75013 PARIS

Tel: 33 (0)1 45 83 19 12

Về hai vấn đề văn hóa quan trọng trong phát triển bền vững ở Tây Nguyên

Nguyễn Ngọc

Như chúng ta đều biết, Tây Nguyên là một bộ phận chủ yếu của một vùng cao nguyên rộng lớn, còn bao gồm cả Đông Bắc Campuchia, Nam Hạ Lào và Cò Rạt của Thái Lan, hợp thành một khu vực địa lý-văn hóa-dân tộc rất quan trọng ở Đông Nam Á lục địa, trong đó riêng Tây Nguyên được coi là mái nhà, có vị trí không thể đối với cả vùng Nam Đông Dương. Trong lịch sử lâu dài, đây là một thứ ngã tư rộng rập của các dòng chảy con người, tạo nên một khu vực nhân văn rất phong phú, là nơi sinh tụ lâu đời của nhiều dân tộc thiểu số thuộc hai ngữ hệ Môn-Khmer và Malayo-Pôlinêdiêng, chủ nhân của những nền văn hóa độc đáo và đặc sắc. Đến thời kỳ cận đại và hiện đại, từ khi chủ nghĩa tư bản phương Tây đổ xô đi tìm thị trường ở Viễn Đông, thì khu vực này càng được đặc biệt chú ý vì vị trí đặc biệt đó của nó. Riêng đối với lịch sử hiện đại của nước ta, nhất là trong các cuộc chiến tranh giải phóng chống Pháp và chống Mỹ, Tây Nguyên đóng một vai trò có ý nghĩa quyết định. Như tất cả chúng ta hẳn không thể quên, không thể nào hình dung được cuộc chống Mỹ cứu nước, cũng không thể nào hình dung được công cuộc giải phóng Sài Gòn... mà không có vai trò vô cùng to lớn của vùng đất và con người Tây Nguyên.

Về mặt tự nhiên, khu vực núi non và sơn nguyên rộng lớn này cũng có vị trí và vai trò quyết định đối với toàn bộ hệ sinh thái Nam Đông Dương. Tất cả các hệ sông lớn nhỏ ở Nam Trung bộ và Đông Nam bộ đều bắt nguồn từ đây; nhiều con sông khác bắt nguồn từ Tây Nguyên cũng đổ về Mê Kông, tức có ảnh hưởng trực tiếp đến Campuchia, và xa hơn đến cả đồng bằng Tây Nam bộ.

Tây Nguyên có đến 2 triệu hecta đất bazan, tức chiếm đến 60% đất bazan cả nước, đặc biệt thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp. ở đây cũng có một hệ động thực vật vào loại phong phú nhất trong cả nước...

Sau khi đã vấn tất điếm qua tất cả những điều vừa nói trên, chúng ta hẳn sẽ rất ngạc nhiên khi thấy rằng, ít nhất là cho đến sau sự kiện tháng 2 năm 2001, Tây Nguyên là vùng có nhiều biến động to lớn và sâu sắc nhất về mọi mặt so với bất cứ nơi nào khác trong cả nước, mà những biến động đó lại diễn ra rất “lặng lẽ”, ít ai chú ý, hầu như không ai biết và nói đến.

Thật vậy, trong hơn một phần tư thế kỷ qua kể từ sau năm 1975, không có nơi nào khác lại phải trải qua những biến động lay chuyển dữ dội đến cả tự nhiên và xã hội như ở Tây Nguyên.

Có nơi nào khác như ở Tây Nguyên, trong vòng 26 năm qua, dân số đã tăng lên gấp bốn lần. Mặc dầu với một số cố gắng nhất định về y tế, những năm gần đây tỷ lệ tử vong ở đây có giảm đi, nhưng một tốc độ tăng dân số bột phát như vậy thì chỉ có thể là tăng cơ học. Số người tăng lên chủ yếu là người nơi khác đến, do chủ trương coi Tây Nguyên là “vùng giãn dân của cả nước”, lấy đây làm nơi giải quyết vấn đề áp lực dân số cho tất cả các vùng khác, thực hiện kế hoạch di dân ồ ạt có tổ chức của nhà nước (chủ yếu từ các tỉnh đồng bằng Bắc bộ vào và một phần từ duyên hải miền Trung lên), rồi sau đó là phong trào di dân tự do vô tổ chức cũng ồ ạt không kém, lần này gồm cả người từ vùng núi phía bắc kéo vào. Tỷ lệ tăng dân số ở Tây Nguyên vừa qua trung bình là 5,15%, có nơi như ở Đak Lak lên đến trên 7%.

Tăng dân số cơ học lớn và nhanh đến chóng mặt như vậy làm đảo lộn mạnh mẽ cơ cấu dân cư ở đây, và từ đó tất yếu dẫn đến những đảo lộn không thể tránh về mọi mặt khác. Các dân tộc bản địa, trước đây là dân tộc đa số ở Tây Nguyên, nay trở thành thiểu số với tỷ lệ lớn ở ngay trên vùng đất cổ truyền của mình. Nếu đầu thế kỷ XX người bản địa chiếm 95% dân số Tây Nguyên, thì đến năm 1975 tỷ lệ đó là 50%, và đến nay chỉ còn 20%.

Hậu quả của cuộc “đại di dân” ấy có thể nói là toàn diện.

Trước hết nó dẫn đến một tình hình nghịch lý: Tây Nguyên được tăng cường một lực lượng lao động lớn. Tài nguyên tiềm ẩn lâu đời được khai thác khá mạnh. Vùng cà phê lớn nhất nước (đến nay là khoảng nửa triệu hecta) được hình thành. Đây cũng là một vùng cây cao su chủ yếu trong cả nước. Về mặt lãnh thổ, đây là một vùng phát triển mạnh và nhanh. Nhưng mặt khác, việc tăng dân số cơ học dữ dội đã làm cho các dân tộc bản địa Tây Nguyên mất đất mất rừng vào tay những người nơi khác đến, và là mất ở những nơi thuận lợi, trù phú nhất. Chỉ có một bộ phận rất nhỏ người bản địa hòa được vào trào lưu chung, ít nhiều có được khá lên. Đại bộ phận còn lại ngày càng lùi vào rừng sâu, và ở đây họ buộc phải phá rừng để chặt vật sinh sống, vừa bị lên án là phá hoại môi trường vừa lâm vào nghèo đói triền miên. Tỷ lệ nghèo đói của đồng bào ở vùng sâu vùng xa ở Tây Nguyên (tức chủ yếu gồm người các dân tộc bản địa) là 45%.

Nghịch lý lớn : lãnh thổ thì phát triển, nhưng chủ nhân truyền thống của lãnh thổ thì không chỉ không phát triển mà còn tụt lùi và lâm vào khủng hoảng ngày càng trầm trọng và bế tắc. Đây chính là một trong những nguyên nhân sâu xa nhất của sự mất ổn định không thể tránh về xã hội và hẳn còn để lại hậu quả lâu dài không dễ giải quyết.

Sự đảo lộn đột ngột về cơ cấu dân cư cũng tất yếu dẫn đến sự đảo lộn về văn hóa xã hội. Văn hóa cổ truyền độc đáo và đặc sắc của các tộc người Tây Nguyên bị xáo trộn dữ dội, đang thật sự có nguy cơ không chỉ lai căng mà còn biến mất, và đưa đến những hậu quả cực kỳ nghiêm trọng.

Gần đây người ta đã nói ít nhiều về vấn đề này. ở đây chỉ xin nói đến một mặt quan trọng nhưng lại thường ít đề cập trong vấn đề văn hóa đó : văn hóa sản xuất, hoặc đúng hơn văn hóa ứng xử với tự nhiên để sinh tồn. Từ hàng nghìn đời nay, người Tây Nguyên đã xây dựng được một hệ các mối quan hệ hài hòa với tự nhiên quanh mình cho phép họ sinh tồn bền vững trong môi trường tự nhiên đặc thù của họ. Môi trường sinh từ nghìn đời của người Tây Nguyên là rừng. Đối

với người Tây Nguyên, rừng không chỉ là tài nguyên, thậm chí cũng không chỉ là “môi trường” theo nghĩa hẹp môi trường tự nhiên như ta vẫn thường nói. Đối với họ, đơn giản và cơ bản hơn nhiều, rừng là tất cả. Là toàn bộ cuộc sống của họ, là chính bản thân họ, con người ở đây là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời với rừng.

Khi ta hỏi một đôi vợ chồng người Mnông Gar họ lấy nhau năm nào, họ sẽ trả lời: “Năm chúng tôi ăn rừng Thần Gô”[1] - tức là cái năm làng họ làm rẫy ở khu rừng có tên như vậy.

Trong câu trả lời đó, có thể thấy được rất nhiều điều: 1- Người Tây Nguyên gọi làm rẫy, lấy cái ăn ra từ rừng là “ăn rừng”, cũng hoàn toàn giống như ta nói ta bú sữa mẹ, mẹ cho ta máu thịt, cho ta sự sống. Đối với họ rừng là Mẹ, xương thịt của họ được Mẹ làm nên, con người của họ là một phần khắng khít của Mẹ rừng. 2- Rừng không chỉ là không gian, rừng còn là thời gian. Rừng là một thứ không-thời gian bao trùm toàn bộ con người. Con người ở đây lấy không gian rừng để đo thời gian, để tính nhịp sống của mình. Đời sống con người nhịp nhàng với vòng tuần hoàn vĩnh cửu của tự nhiên, cụ thể là của rừng. 3- Không-thời gian rừng ấy là không-thời gian tương đối của từng làng. Làng là đơn vị sống cơ bản của con người trong không-thời gian đó. (Về điều này sẽ xin nói rõ hơn ở phần sau).

Người Tây Nguyên làm rẫy, và khác với những nhận định hời hợt - nhưng lại là căn cứ cho những chủ trương chính sách lớn - họ hoàn toàn không du canh du cư. Hãy xem những ngôi nhà rộng hùng vĩ của người Bana, Xơđăng, những ngôi nhà dài đầy ân tượng của người Êđê... Rõ ràng đây không phải là kiến trúc của những tộc người nay đây mai đó. Người Tây Nguyên cũng không du canh mà luân canh, phương pháp canh tác thích hợp trên đất dốc. Họ dùng lối hỏa canh sản xuất trên một khoảnh rẫy trong vài ba năm rồi chuyển sang khoảnh khác, để khoảnh đất trước hưu canh trong nhiều chục năm, thừa sức hồi phục thành rừng, trước khi quay trở lại đó. Đây là cách tốt nhất để vừa lấy được cái ăn ra từ rừng vừa nuôi rừng, trong điều kiện mật độ dân số không quá cao. Tức con người ở đây lấy ra cái ăn từ đất rừng, rồi lại trả đất lại cho rừng, hoàn nguyên rừng. Cuộc sống của con người Tây Nguyên là một cuộc sống tuân theo và khắng khít với nhịp điệu tuần hoàn của rừng. Như vậy, có thể nói rừng là trung tâm của nhân sinh quan, và vũ trụ quan của họ.

Ngay trong ứng xử đối với cái chết, người Tây Nguyên cũng có một thái độ đặc biệt liên quan đến quan niệm của họ về mối quan hệ của con người với rừng : người chết được chôn tạm trong một ngôi mộ tương đối sơ sài trong vài ba năm, rồi sau khi đã làm một nấm mồ thật đẹp cho cuộc tiền đưa vĩnh viễn cuối cùng, người ta làm lễ bỏ mả, và từ đó không còn chăm sóc gì đến ngôi mộ ấy nữa. Con người ấy, vốn từ rừng mà ra, là một phần hữu cơ của rừng, nay lại được trả lại cho rừng, hoàn nguyên về rừng. Như vậy, đối với người Tây Nguyên, rừng không chỉ là vật chất, rừng còn là tâm linh, là thiêng liêng, là cõi mịt mù từ đó con người đi ra và cũng là nơi hun hút con người mãi mãi trở về sau cuộc sống trần thế này...

Văn hóa Tây Nguyên là văn hóa rừng. Người Tây Nguyên không bao giờ phá rừng. Đối với họ, phá rừng cũng là tự sát. Còn nặng nề hơn cả tự sát theo nghĩa vật chất nữa.

Mất rừng là tha hóa, là không thể còn là con người. Nếu ngày nay, họ bị đẩy vào rừng sâu, không còn đủ đất để sống, buộc phải phá rừng để kiếm miếng ăn cuối cùng, thì đó là con đường diệt vong không thể tránh của họ.

Với một văn hóa rừng như vậy, con người Tây Nguyên từ ngàn đời nay, đã xây dựng được một mối quan hệ bền vững với tự nhiên quanh mình. Đây chính là chiều sâu cơ bản của văn hóa Tây Nguyên. Chúng tôi nghĩ rằng cần phải hiểu văn hóa Tây Nguyên theo nghĩa này, chứ không phải chỉ là những chuyện về “chảy máu công chiêng”, hay mai một một vài điệu hát điệu múa truyền thống... như người ta vẫn báo động. Những chuyện đó cũng là quan trọng, nhưng chỉ là hệ quả tất yếu của việc mất văn hóa rừng, của sự đảo lộn về văn hóa do tăng dân số cơ học dữ dội như ta đã thấy đưa đến sự tha hóa về “bản chất rừng” sâu sắc của văn hóa bản địa.

Có một điều những năm qua không được thấy rõ và không được nói đến một cách thích đáng, là những người nơi khác đến là những người không có văn hóa rừng. Đối với họ, rừng chỉ trần trụi là vật chất, là của cải, là tài nguyên, mà họ ra sức tận dụng, khai phá. Trong việc di dân lớn lên Tây Nguyên, hình như suốt những năm qua chúng ta hoàn toàn không có nhận thức và tính đến mặt cơ bản này của vấn đề. Khi một tỷ lệ trong cơ cấu dân cư bị đảo lộn dữ dội do di dân ồ ạt, quá nhiều và quá nhanh như vừa qua, thì sự đảo lộn sâu sắc nhất chính là đảo lộn về văn hóa. Và điều đó diễn ra trên một vùng đặc thù mà bản chất của văn hóa là văn hóa rừng, thì rừng bị tàn phá là điều tất yếu. Những hậu quả về môi trường là đương nhiên.

*

Một vấn đề lớn khác về văn hóa ở Tây Nguyên liên quan đến việc tính toán cơ chế quản lý kinh tế trong phát triển ở Tây Nguyên mấy chục năm qua.

Để khai thác vùng Tây Nguyên nhiều tiềm năng, vừa qua chúng ta đã thực hiện hai chủ trương lớn : 1-Di chuyển một lực lượng lao động lớn lên Tây Nguyên như đã nói ; 2- Chủ trương khai thác Tây Nguyên bằng hệ thống các nông lâm trường quốc doanh (thời kỳ trước năm 1993 là các Liên hiệp xí nghiệp nông lâm công nghiệp lớn, sau năm 1993 chuyển thành các nông, lâm trường thuộc trung ương hoặc thuộc tỉnh). Các tổ chức kinh tế này trong thực tế bao chiếm gần hết đất đai Tây Nguyên.

Ở Đak Lak, đến năm 1985, ba xí nghiệp Liên hiệp nông lâm công nghiệp quản lý 1.058.000 hecta tức một nửa địa bàn toàn tỉnh, cộng với 1.600.000 hecta cao su quốc doanh, tính chung quốc doanh quản lý 90% đất đai toàn tỉnh. Ở Gia Lai-Kontum con số đó là 60%. Tính chung, đến năm 1985, quốc doanh đã quản lý 70% diện tích toàn Tây Nguyên. Sau năm 1993, đã có sự chuyển đổi cơ chế quản lý, nhưng con số này cũng chỉ giảm đi được 26%.

Việc quốc doanh hóa phần lớn đất đai Tây Nguyên, cộng với việc lấy một bộ phận đất đai không nhỏ giao cho những người di dân đến, là xuất phát từ một sự thiếu hiểu biết cơ bản về tổ chức xã hội truyền thống của Tây Nguyên và quyền sở hữu đất và rừng trong xã hội đó.

Một trong những đặc điểm quan trọng nhất của tổ chức xã hội truyền thống ở Tây Nguyên vai trò của làng. Ở Tây Nguyên, đơn vị cơ bản và duy nhất của xã hội truyền thống là

Làng. Ở đây chưa có nhận thức về cá nhân, cũng không thấy có một đơn vị xã hội nào cao hơn làng. Ta thường nói người Tây Nguyên có tinh cộng đồng rất cao, điều đó là đúng, nhưng cần phải nói rõ thêm : cộng đồng đó chính là cộng đồng làng. Con người Tây Nguyên bị đồng nhất và tự đồng nhất mình với làng, con người hòa tan trong tế bào cơ bản của xã hội là làng. Người Tây Nguyên không thể sống tách khỏi làng, hình phạt nặng nề nhất, nỗi nhục nhã, đau khổ lớn nhất là bị đuổi ra khỏi làng. Làng không chỉ là một thực thể vật chất, mà còn là một thực thể tinh thần. Làng là một cộng đồng cư trú, một cộng đồng sở hữu và lợi ích, một cộng đồng sản xuất, một cộng đồng tâm linh và một cộng đồng văn hóa.

Cơ sở vật chất quan trọng nhất của cộng đồng làm nên nền tảng của xã hội Tây Nguyên đó là quyền sở hữu tập thể của cộng đồng làng đối với đất và rừng. Ở Tây Nguyên, rừng núi mệnh mông là vậy, nhưng không có nơi nào là vô chủ. Từng mẩu đất, từng khu rừng cụ thể đều có chủ cụ thể, các người chủ cụ thể đó là từng cộng đồng làng cụ thể. Mỗi làng đều có ranh giới cụ thể, từ con nước nào đến con nước nào, tảng đá nào đến sườn đồi nào, ngọn đèo nào đến chân dốc nào... Ranh giới đó đã được quy định từ ngàn đời, và được ghi nhận trong những quy định rõ ràng được mọi người công nhận và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Có điều cần hết sức chú ý là không gian ấy không chỉ gồm có đất thổ cư, mà còn bao gồm toàn bộ đất rừng sản xuất, nơi dân làng làm rẫy luân canh, và cả những khu rừng thiêng có quan hệ đến đời sống tâm linh của dân làng. Toàn bộ đất và rừng đó là không gian sinh tồn của làng, thiếu nó thì làng không còn là làng. Sở hữu tập thể về đất và rừng của cộng đồng làng được duy trì và quản lý bằng một hệ thống luật tục mà người gìn giữ, điều hành là một hội đồng già làng gồm những người am hiểu đất đai, rừng núi, phong tục tập quán, kinh nghiệm sản xuất, có đức độ và uy tín, được dân làng tín nhiệm cử ra. Đất và rừng trong không gian của làng được hội đồng già làng phân cho các hộ để canh tác, sinh sống và gìn giữ theo những quy định chặt chẽ đã được ghi trong các luật tục. Đất làng, ranh giới của nó và sự trong sạch của nó là thiêng liêng, không ai được xâm phạm, làm ô ւế. Đất làng bị xâm phạm và làm ô ւế là nỗi nhục to lớn nhất đối với cộng đồng làng, phải bị trừng trị nghiêm khắc.

Các cuộc xáo trộn về chính trị và chiến tranh trong suốt thế kỷ qua đã lay chuyển dữ dội xã hội Tây Nguyên, nhưng cho đến trước năm 1975, về cơ bản không phá vỡ được cơ chế xã hội đặc sắc này của Tây Nguyên, chứng tỏ sức sống bền bỉ của thực thể tế bào này ở đây. Trong chiến tranh làng có bị tác động mạnh, nhiều khi bị xé nát ra, nhưng rồi bao giờ cũng được khôi phục lại bằng một sức mạnh kỳ lạ ; còn hơn thế nữa, kết cấu chặt chẽ của cộng đồng làng chính là một trong những nhân tố sức mạnh quan trọng để con người ở đây đứng vững qua những thử thách khốc liệt ấy...

Một trong sai lầm quan trọng nhất của chúng ta ở Tây Nguyên từ sau năm 1975 là chúng ta hầu như hoàn toàn không biết đến đặc điểm cơ bản này của tổ chức xã hội Tây Nguyên, hoàn toàn không đếm xỉa đến nó trong chiến lược phát triển ở vùng đất và người này. Từ sau năm 1975, sở hữu tập thể truyền thống của cộng đồng làng đối với đất và rừng mặc nhiên bị xóa bỏ. Toàn bộ đất và rừng là thuộc sở hữu toàn dân. Đương nhiên không thể có một thứ sở hữu toàn dân trừu tượng. Quyền sở hữu trừu tượng đó được thể hiện bằng

các chủ sở hữu cụ thể, đó là những Liên hiệp xí nghiệp nông lâm công nghiệp trước năm 1993, rồi đến các nông trường, lâm trường quốc doanh sau năm 1993 như đã nói trên. Sự chiếm đoạt này lại được cộng thêm bằng việc một số đất và rừng không nhỏ được lấy để chuyển cho những người nơi khác di cư đến ở ạt. Kết quả là các làng bị mất đi gần hết đất và rừng vốn tự ngàn đời là sở hữu tập thể của cộng đồng làng, là nền tảng quan trọng và cơ bản nhất của thiết chế truyền thống của xã hội này. Trong thực tế, làng chỉ còn đất thổ cư và một ít đất sản xuất ngày càng bị thu hẹp. Mất đi nền tảng vật chất đó, làng bị phá vỡ. Và đó là sự biến động lớn nhất, sâu sắc nhất từ xưa đến nay đối với xã hội này, đi đôi với việc con người bản địa bị tách ra khỏi rừng. Toàn bộ các quan hệ xã hội và các quan hệ của con người với tự nhiên cũng do đó không thể không bị xáo động lớn và đảo lộn. Hậu quả của điều này là toàn diện.

Môi trường bị tàn phá nặng nề, vì làng Tây Nguyên từ ngàn xưa là làng rừng. Nay làng đã bị lấy mất rừng, không còn là người chủ thực sự của rừng nữa, nên không chỉ không còn trách nhiệm mà thậm chí không còn có quyền giữ rừng nữa. Trong thực tế ở nhiều nơi, làng, và cả các cơ quan chính quyền địa phương, được gọi là cơ quan “quản lý lãnh thổ”, phải đi ở nhờ trên đất của các nông lâm trường quốc doanh. Đất và rừng bây giờ là của Nhà nước, mà cụ thể là của các tổ chức kinh tế quốc doanh. Và như tất cả chúng ta đều biết, thời kỳ các Liên hiệp xí nghiệp nông lâm công nghiệp là thời kỳ rừng ở Tây Nguyên bị phá ghê gớm nhất. Tiếp sau đó rừng lại bị tàn phá dữ dội không kém bởi dân di cư tự do trước cơn mất bắt lức của các làng đã mất hết quyền.

Văn hóa truyền thống ngày càng bị mai một, lai căng, tha hóa, trước sức tấn công của các luồng văn hóa phức tạp tràn đến cùng với những người nơi khác đến và sự phát triển của kinh tế thị trường. Ấy là vì làng, đơn vị cơ bản, pháo đài của văn hóa truyền thống, đã bị phá vỡ. Xã hội bị mất đi sức đề kháng cơ bản về văn hóa. Cho nên những cố gắng gọi là giữ gìn, khôi phục văn hóa dân tộc ở đây của các cơ quan văn hóa vừa qua - như các thứ lễ hội, các loại nhà rông “quốc doanh” v.v...rất tốn kém và được tuyên truyền có lúc khá rầm rộ, thực chất chỉ có thể đem lại một thứ văn hóa dân tộc gượng gạo và giả tạo.

Ta đã biết con người Tây Nguyên bị đuổi ra khỏi làng đau khổ đến như thế nào. Vì ở xã hội này không có, chưa có mỗi cá nhân mà chỉ có con người hòa với cộng đồng làng làm một, cho nên trong trường hợp đó có thể nói con người không còn là người, đã bị tước đi mất tính người của mình. Nay làng bị phá vỡ thì con người không thể không lâm vào một tình trạng tương tự. Họ trở thành bơ vơ, lúng túng, lạc lõng ngay trên đất và rừng truyền thống của mình.

Trong một số năm gần đây, một số nơi ở Tây Nguyên đã tiến hành giao đất giao rừng. Nhưng trong việc thực hiện chủ trương này, mặc dầu đã có sự khuyến cáo của một số cơ quan khoa học, một lần nữa chúng ta lại quên mất những đặc điểm quan trọng về xã hội ở Tây Nguyên. Chúng ta quên mất rằng đơn vị tế bào của xã hội ở Tây Nguyên không phải là hộ mà là làng. Trong xã hội này, cá nhân chưa phát triển, ý thức về sở hữu cá nhân do đó cũng chưa thể phát triển. Người Tây Nguyên không có ý thức về sở hữu đất đai trong tay cá nhân. Chúng ta đã không hề tính đến điều đó, nên đã giao đất, cấp sổ đỏ cho từng hộ, hệt như ở vùng đồng bằng người Kinh.

Kết quả là đất vừa giao xong, những người nông dân dân tộc liền đem bán cho người Kinh với giá rất rẻ, thậm chí có khi còn biếu cho không sau một bữa rượu. Đã có tình trạng rất phổ biến nhiều người Kinh lợi dụng cơ hội này đổ xô lên mua đất của đồng bào dân tộc vừa được giao, nhiều người ở tận Thành phố Hồ Chí Minh cũng lên mua với số lượng lớn. Số cán bộ tận dụng cơ hội này để có đất làm giàu cũng không phải là không phổ biến. Kết quả : đất đai nhanh chóng chuyển gần hết sang tay người Kinh. Đồng bào dân tộc tại chỗ lâm vào tình trạng thiếu đất canh tác ngày càng nặng nề, một tình trạng chưa hề có trước kia ở Tây Nguyên.

Sau đây là vài con số cụ thể :

Đến tháng 11-1998, bình quân diện tích đất canh tác của người Bana ở làng Konrobang, xã Vinh Quang, Kontum chỉ còn 0,3 hecta/hộ ; ở làng Kon Monay Solam chỉ còn 0.25 hecta/hộ. Người dân ở hai làng này nay phải sống chủ yếu bằng đi làm thuê cho những chủ đất mới người Kinh. Tại buôn Pang của người Giarai ở xã Ia Glaih, do cây cao su quốc doanh vây quanh làng, 17 cặp vợ chồng muốn ra ở riêng nhưng không có đất tách hộ. Tại buôn Trung của người Êđê xã Ea Pô, huyện Chư Yút, tỉnh Đaklak, 12 trong 63 hộ không còn đất sản xuất, phải chuyên đi làm thuê kiếm sống, 25 hộ phải vào xã Ea Mao cách làng 20 km phá rừng làm rẫy. Tại buôn U của người Êđê thuộc thị trấn Ea Hlinh, tỉnh Đaklak, 17 trên 49 hộ không còn đất sản xuất, hàng năm phải du cư theo mùa vào rừng sâu xã Ea Pô phá rẫy bất hợp pháp [2]...

Như vậy, người Tây Nguyên trước đây vốn không du canh du cư như đã phân tích ở trên, nay lại thực tế bị đẩy vào tình trạng du canh du cư; và với diện tích rừng bị thu hẹp nghiêm trọng và dân số đông lên như hiện nay thì việc làm rẫy du canh của họ bây giờ thật sự góp phần vào việc tàn phá rừng.

Tình trạng trên cũng khiến cho việc tranh chấp đất đai giữa người dân tộc tại chỗ và người nơi khác đến, giữa dân và các tổ chức quốc doanh ngày càng phổ biến, và không ít khi gay gắt. Hệ quả về chính trị là khó tránh.

Và đương nhiên, một tình hình xã hội như vậy tất không thể nào ổn định.

*

Những phân tích trên đây chắc chắn chưa thể đầy đủ, nhưng cũng đã có thể cho thấy: trung tâm của sự phát triển bền vững ở Tây Nguyên chính là hai vấn đề văn hóa rất sâu sắc và cơ bản đối với vùng đất và người nơi này, vấn đề văn hóa Rừng và Làng. Hoặc cũng có thể nói chung hơn : vấn đề văn hóa Làng Rừng. Vừa qua, chủ yếu là do thiếu hiểu biết - và phải nói là thiếu hiểu biết nghiêm trọng - chúng ta đã phá vỡ mất nền tảng cơ bản nhất của xã hội ở đây, khiến cho sự phát triển trên vùng đất này lâm vào một nghịch lý trớ trêu : có phát triển đáng kể về lãnh thổ nhưng lại không phát triển được chủ nhân, ngược lại còn đẩy chủ nhân vào suy thoái và bết tắc. Một sự phát triển như vậy ắt không thể bền vững, và như trong thực tế đã chứng tỏ, còn có nguy cơ rối loạn.

Đương nhiên Tây Nguyên, cũng như bất cứ vùng đất và người nào khác, không thể đứng ngoài sự phát triển chung của đất nước. Việc khai thác nguồn tài nguyên giàu tiềm năng của Tây Nguyên, và việc bố trí lại dân cư trên địa bàn cả nước, trong đó có Tây Nguyên với mật độ và tốc độ vừa phải[3], là cần thiết. Những tác động của kinh tế thị trường

ngày nay đến vùng đất và người cổ xưa này cũng là điều không thể tránh... Tất cả những điều đó vừa tạo ra những cơ hội lớn cho sự phát triển của Tây Nguyên, đồng thời cũng đặt Tây Nguyên trước những thách thức lớn, mà nó chỉ có thể vượt qua, tận dụng được cơ hội, thắng được thách thức nếu nó có được một nội lực thật mạnh. Vấn đề là cách làm của chúng ta trong những năm qua chính là chúng ta đã vô hình trung phá vỡ mất nội lực này của Tây Nguyên, khiến nó không còn đủ sức ứng phó với những chuyển động mới của tình thế. Chúng ta đã tách con người Tây Nguyên ra khỏi môi trường sinh tử của họ là rừng, đồng thời lại phá vỡ pháo đài nội lực bền vững lâu đời của họ là làng. Kết quả là cả hai yếu tố cơ bản nhất của văn hóa Tây Nguyên bị phá hoại trầm trọng, nếu không nói là bị đánh nát. Và một dân tộc bị mất văn hóa thì hậu quả như thế nào, điều đó ai cũng có thể biết. Sự đánh mất đó lại diễn ra đúng lúc những thách thức lớn đang đến. Cho nên, nói theo cách nào đó, sự mất ổn định ở đây là điều không khó hiểu.

Con đường khôi phục ổn định cho phát triển ở Tây Nguyên hiện nay thật sự đã trở nên rất khó khăn, nhưng nếu không muốn ngày càng lún sâu vào khủng hoảng hơn nữa, thì vẫn không có cách nào khác hơn là khôi phục lại nội lực cho vùng đất và con người ở đây, bằng cách duy nhất là khôi phục lại cho kỳ được Làng. Và để khôi phục làng, thì việc nhất thiết phải làm trước tiên bằng mọi cách là phải trả lại nền tảng vật chất của nó, là đất và rừng. Chỉ có trên cơ sở đó, làng mới hồi sinh, các thiết chế truyền thống từng làm nên sức mạnh bền vững của làng mới hồi sinh, con người và sức mạnh to lớn của họ - đã từng được chứng tỏ qua bao nhiêu thách thức lâu dài trong lịch sử - mới hồi sinh.

Đương nhiên, nền văn hóa Tây Nguyên, từng làm nên sức mạnh bất diệt của đất và người ở đây trong suốt lịch sử trường kỳ, ngày nay cũng sẽ phải biến đổi. Và chẳng, như người ta vẫn nói, phương thức tồn tại của văn hóa không phải là tĩnh tại mà là biến đổi. Tuy nhiên một nguyên lý khác cũng quan trọng không kém, là sự biến đổi chỉ có thể lành mạnh một khi nó thật sự là biến đổi nội tại, do bên trong có một nội lực mạnh đủ sức "tiêu hóa" những ảnh hưởng đến từ bên ngoài. Không thể có sự biến đổi lành mạnh do làm thay, như chúng ta đã làm suốt mấy chục năm qua, chắc hẳn là với những ý đồ tốt.

Theo chỗ chúng tôi được biết, vừa qua một số nơi ở Tây Nguyên và vùng dân tộc miền núi các tỉnh ven Tây Nguyên đã có nhận ra điều này và đang có quyết tâm làm lại theo con đường duy nhất đúng : ra sức khôi phục lại sức mạnh của làng, bằng cách trước tiên thật sự trả lại đất và rừng truyền thống cho làng.

Một đồng chí lãnh đạo ở một địa phương đang quyết tâm làm thí điểm theo hướng này đã thăm thía nói : vấn đề ở vùng miền núi và dân tộc nói cho cùng chính là vấn đề văn hóa Làng. Có lẽ nên nói rõ chút nữa : vấn đề văn hóa Làng Rừng.

Nguyễn Ngọc

[1] Theo Georges Condominas

[2] Theo tài liệu của nhóm nghiên cứu Vũ Đình Lợi, Bùi Mạnh Đạo, Vũ Thị Hồng

[3] Kinh nghiệm chung ở nhiều nước trên thế giới cho thấy mức tăng dân số cơ học đến 4%/năm là mức báo động.

Huy Cận

trong tôi

Đăng Tiến

Tác giả *Lửa Thiêng*, Huy Cận vừa tắt nghỉ tại Hà Nội, lúc 21 giờ ngày 19 tháng 2-2005, thọ 86 tuổi.

Nhà thơ Bùi Giáng, 1926-1998, có kể lại cơ duyên đã đưa ông vào sự nghiệp văn chương : *vào năm 1943, trước đó một năm, hay chính vào năm đó, ở Việt Nam có tháng thiếu niên Việt gặp được một vãn lục bát in rơi rớt trên một tờ báo bạn đường : Tâm tình một nẻo quê chung / Người về cố quận muôn trùng ta đi. Hình như man mác trong không gian thường có những niềm tương ngộ [1].*

Bùi Giáng lúc đó không tiết lộ tác giả hai câu thơ. Nhưng nơi khác trong một bài dài ca ngợi thơ Huy Cận, ông đã dẫn chứng chính xác : *« Huy Cận là người đồng quận Nguyễn Du – Hà Tĩnh. Sông núi non nước kia đẹp dị thường ; và con người đất nước kia sống lặn dạn làm ăn cày cấy cũng cực nhọc dị thường. Giữa phong cảnh và con người từ đó liền liền có một cuộc đối thoại thiết tha không lời, về một nỗi đời bất khả tư nghì (...) Phong cảnh trong thơ Huy Cận là một loại phong cảnh đã khiến con người mở những cuộc « Lữ » huyền hoặc của Dịch Kinh...*

Xa nhau mười mấy tình dài,
Mơ màng suốt xứ đêm ngày nhớ nhung.
Tâm tình một nẻo quê chung,
Người về cố quận, muôn trùng ta đi

Nguyễn Du đã làm Liệp Hộ. Huy Cận đã đi muôn trùng. Mặc dù các ông có thể ngồi im lìm giữa một triều đình, các ông vẫn cứ thành tựu cuộc « Lữ » như thường, nơi một triều đình khác, riêng ở một góc trời miêu cương mạc ngoại

Trông vời trời biển mênh mang
Thanh gương yên ngựa lên đàng ruồi rong
Dừng cương nghỉ ngựa non cao
Dặm xa lữ thứ kẻ nào héo hon
Đi rồi khuất ngựa sau non
Nhỏ thưa tràng đặc tiếng còn tịch liêu

Tiếng nhỏ thưa tràng đặc đó bằng bạc tịch liêu trong Lửa Thiêng cũng như suốt Đoạn Trường Tân Thanh, là khởi sự từ một duyên do uyên nguyên thăm thẳm, mà bấy lâu ta không ngờ tới, nên thường ngạc nhiên tự hỏi vì lẽ gì thơ Huy Cận lại đạt tới hai chóp đỉnh huyền diệu nhất ở hai cõi chên vên, thơ phong cảnh của ông không ai kịp, thơ tình yêu của ông khiến mọi thiên hạ đều hàng » [2].

Bùi Giáng có khi viết theo cao hứng. Nhưng bài này ông viết có căn cứ và căn cứ, có tình có lý hẳn hoi. Ông thuộc thơ Nguyễn Du và Huy Cận ; và năm 1951 có ra

sống ở Hà Tĩnh – là tỉnh phía Bắc Việt Nam xa nhất được ông đặt chân tới.

Ông thừa biết Huy Cận là nhân vật cao cấp của một chế độ mà ông không ưa thích. Ông cũng biết Huy Cận đang ngồi giữa « triều đình » và im lìm như một Nguyễn Du xưa. Một Nguyễn Du khi lia đời 55 tuổi đã nói với con hai chữ « thôi được » ám ảnh Huy Cận :

« Thôi được ! lời chi quá xót xa » (1996).

Về Huy Cận, hay bất cứ một tác gia đương thời nào, trên đời này chỉ có Bùi Giáng mới dám viết lời phê phán nồng nhiệt như thế ; người khác dù nghĩ như thế cũng không ai dám hạ bút – kể cả Xuân Diệu, thiết thân với Huy Cận - « *Những niềm tương ngộ* » như lời Bùi Giáng, cõi đời này, nhất là trong xã hội Việt Nam ngày nay, không nhiều lắm đâu.

Về đoạn *Tâm tình một nẻo quê chung*, người đọc không tìm thấy văn bản trong các thi tập và tuyển tập Huy Cận. Có người ngỡ là Bùi Giáng phịa – mà ông cũng thường phịa. Nhưng Thanh Tuệ, nhà xuất bản An Tiêm, cho biết đúng là thơ Huy Cận, có trong một bản chép tay in tại Paris năm 1983. Tôi dò lại thì đúng, và tìm hiểu thêm về *vãn lục bát in rơi rớt trên một tờ báo bạn đường*. Đây là bài *Cảm Thông*, làm năm 1940 đăng trên tạp chí *Bạn Đường* ở Thanh Hóa, do nhóm Hướng Đạo của Hoàng Đạo Thúy, Tạ Quang Bửu chủ trương, đã đăng bài *Nguồn Gốc Truyện Kiều* của Đào Duy Anh, thơ Trần Mai Ninh, do Lê Hữu Kiều (Nam Mộc) đứng tên, nghĩa là một cơ quan vận động chính trị, nhất định không in bài « rơi rớt ». Tôi bèn hỏi Huy Cận : « *Người về cố quận muôn trùng ta đi* », thời ấy anh đã bí mật tham gia mặt trận Việt Minh, vậy « *muôn trùng ta đi* » có phải là đi làm cách mạng ? Anh trả lời không phải. Lúc ấy, anh đi chung một chuyến tàu với một cô bạn gái thân thiết và đồng hương ; đến ga Vinh thì cô xuống xe về Hà Tĩnh, còn Huy Cận đi tiếp « *Muôn trùng ta đi, là mình nói cho oai, chớ muôn trùng chi mô* » lời Huy Cận.

Tôi rất phục ; cái ý đi làm cách mạng là do tôi đề xuất, anh chỉ cần giả vờ quên, trả lời ảm ố là tôi sẽ hỏi dựng nên một kịch bản huyền sử cách mạng chung quanh bài *Cảm Thông*, ai biết đâu mà lần ? Những *Độc Hành Ca* của Trần Huyền Trân, *Tống Biệt Hành* của Thâm Tâm đều tìm ra nguồn gốc cách mạng, thì « *tâm tình một nẻo quê chung* » thành tích quá đi chứ ! Nhưng Huy Cận không nhận thành tích đó. Tuy nhiên lúc tôi hỏi sao anh không cho công bố bài thơ hay này, thì anh không trả lời, chỉ nói qua loa : *khi chọn in thơ, lấy bài nọ thì bỏ bài kia*. Nghĩa là anh không muốn nói. Kỳ thật đây là bài anh tâm đắc, đã chép tay để phổ biến hạn hẹp tại Paris năm 1983.

Tôi có nêu lên một bài khác:

Đã chày về đâu những suối xưa ?
Đâu con yêu mến đến không chờ ?
Tháng ngày vùn vụt phai màu áo
Của những nàng tiên mộng trẻ thơ

Bài *Buồn* này, không có trong các Tuyển Tập. Huy Cận cũng chỉ ậm ừ.

Cảm thông.

Trông quan mây trắng thao thao,
Non xanh bát nguyệt thướt sáo tâm lòng.
Thái bình sông núi cảm thông
Cho người ở tưởng miền trong cõi ngoài.
Xa nhau mỗi mấy tình dài,
Mở mang suốt xứ, đêm ngày nhớ nhung.
Tâm tình một nỗi quê hương.
Người về có quân, muôn từng ta đi.
Gặp rồi phứt chời phân ly,
Mặt người đẹp, ấy hồn quê đời tưởng.
Tiếng người ấy tiếng cơ hương,
Giọng người ấy giọng tình thắm tốt nhà.
Biết ly lo phải quan hà,
Sân ga tiếng nước cũng là tiếng ta.

★ 1940.

Xuân hành.

Lũng xuân trời đất vui chưa hết,
Sông Nhi dòng hàng nước chảy ào.
Mây trôi lạt lạt hồn đất đỏ,
Mạch trôi rỏi, bụi lờn sông cao.
Nghe đò lữ khách muôn thê' mới
Nghe đò thơ' mảnh lụa thàng sao.
Ta đi một mình trên đò nhỏ,
Ta góp chân nhang cúng bôn giờ,
Ta đi mau quá trăm chôn người.
Ta gặp hồn ta trong vôi thu.
Mùa xuân chôn chôn sỏi mênh mông,
Hoa gái trẻ xanh phớt quạt hồng.
Ta đi vì đâu ta chẳng biết,
Chí' biết trời xanh là ta say,
Trời xanh hái em hoa tím khiết,
Mùi bụi hương khổi một sợi ngày.
Bà quan bên đò đứng nếp áo nâu
Xôn xeo xuân ý em vì đâu?
Về đâu thúi nữ công vai mảnh
Qua khổi' đò đứng lại gánh thúi' sau?
Về đâu nhún bụi thúi' gian đã
In dấu mong manh trên cát dàu?
Về đâu hạt bụi vàng thao thao
Theo bánh xe quay vòng khát khao?
Về đâu nhất mông cũng nguyệt lanch,
Hai bánh xe quay vòng số' mênh?
Ngồi xe nhất nguyệt cũng Thiên nhiên
Lầm lảm li tưởng về vô định,
Chí' biết hôm nay lòng ta vui,
Mà tuổi tất thúi' còn đó thính.
Ấm dưỡng chưa hàng mốt,
Bên dưỡng lụa mốt lụa,
Mùa vàng đò chôn hết,
Biển vàng thúi' chôn hết,
Sông xu' nhau đi bắt nguyệt cổi...
1942.

Khoảng 1978, tôi có mạch anh trường hợp Bùi Giáng ngưỡng mộ thơ anh, bị bệnh tâm thần, đi lang bang và nói làm nhảm tại Sài Gòn; và yêu cầu anh lưu ý nhà chức trách địa phương đừng làm khó dễ. Anh hứa rằng sẽ quan tâm. Khi Bùi Giáng qua đời, Huy Cận có chính thức làm thơ phúng viếng. Việc nhỏ thôi, nhưng ở cái bát trận đồ văn học Việt Nam, nó có ý nghĩa. Cũng như bài anh viếng họa sĩ Nguyễn Gia Trí năm 1993 cũng là việc nhỏ, nhưng ý nghĩa.

Việc nhỏ khác: năm 1998, tình cờ Huy Cận và Phạm Duy cùng có mặt tại Paris. Nhạc sĩ muốn quan hệ, hỏi tôi số điện thoại, tôi tham khảo Huy Cận, và anh trả lời ngay: « Phạm Duy à? Phạm Duy thì mình phải gọi anh ấy trước, chớ sao để anh ấy gọi mình? » Sau đó vài giờ, Phạm Duy gọi lại tôi, giọng còn rơm róm, kể đã nói chuyện với nhau cả tiếng. Huy Cận cảm ơn Phạm Duy đã phổ nhạc bài thơ *Ngậm Ngùi* làm cho nhiều người biết. Sau đó nhạc sĩ sưu tập 16 giọng hát bài *Ngậm Ngùi* nhờ tôi chuyển về nhà thơ. Tôi biết là Huy Cận chân thành, vì bài *Ngậm Ngùi* kể lại một mối tình có thật, anh « ngậm ngùi » vì cô gái đẹp đi lấy chồng. Anh có nói lên điều ấy và chính thức nhắc đến nhạc phẩm Phạm Duy năm 1993 [3], thời mà không mấy ai trong nước nói đến tên Phạm Duy.

Năm 2000, một buổi chiều đi lang bang ở Paris với Huy Cận, tôi rủ anh gọi dây nói sang Mỹ thăm Phạm Duy chơi, từ phòng điện thoại công cộng. Tôi nhìn anh trong ca-bin: lúc đầu hùng hốt, khoa chân múa tay, về sau lấy khăn tay chặm lên mắt. Không biết hai ông nói chuyện gì, tôi không hỏi.

Những đề tài lớn về Huy Cận đã, và sẽ có nhiều người nói. Tôi kể lại vài kỷ niệm tuy nhỏ nhưng đã giúp tôi đánh giá anh dưới một góc độ riêng, và kết luận Huy Cận là con người tình nghĩa, chí tình và thật tình. Thậm chí có lúc thật thà như đếm.

Huy Cận tự kiêu và tự tin nên dễ quan hệ; khó chơi chẳng là những tay tự kiêu mà không tự tin, tài thấp phận cao. Khi phận không cao thì chê đời mắt trắng.

Thơ Huy Cận đạt tới nghệ thuật cao, phục vụ hai đề tài chính: vũ trụ và tình người, bàng bạc từ *Lửa Thiêng*. Về sau, hai chủ đề này sẽ đậm nét và cụ thể hơn. Ngày nay, không còn ai phân biệt hình thức và nội dung. Nhưng về mặt giải mã ta vẫn có thể nói: ở *Lửa Thiêng* nội dung phục vụ hình thức, sau *Lửa Thiêng*, ngôn ngữ phục vụ ý tưởng. Nhưng dĩ nhiên, đây là cách nói, vì trong thơ hình thức và nội dung là một.

Các bạn thơ hiện nay, phân biệt thơ Việt Nam đang thịnh hành, làm hai dòng. Dòng thơ cũ gọi là « dòng nghĩa » quan tâm đến ý nghĩa, tình ý chứa đựng trong lời thơ. Và dòng mới gọi là « dòng chữ » đặt trọng tâm vào vô ngữ âm và từ dạng. Thơ Huy Cận thuộc vào « dòng nghĩa » nhưng vẫn mới mẻ, nhờ ý thức nghệ thuật cởi mở và sáng suốt, thường xuyên tiếp cận với thơ nước ngoài.

Đặc tính trong thơ Huy Cận là chất trí tuệ, giọng lừng khùng triết lý tạo ra cảm giác ưu tư. Trước kia là trí thức,

dành cho một thiếu số độc giả chọn lọc ; bây giờ là trí tuệ, mở rộng cho đa số, gồm có các cháu thiếu nhi.

Trong *Lửa Thiêng*, thơ Huy Cận bao la, u hoài và trí tuệ, giàu tính nghệ thuật ; sau *Lửa Thiêng* thơ Huy Cận cụ thể, lạc quan mà vẫn trí tuệ, thêm chất giáo dục cho con em.

Chủ đề vũ trụ trước sau nhất quán ; trước kia là niềm rung cảm trước vô biên, sau này là tư duy về sự sống.

Chủ đề tình người trước sau như nhất, xưa kia là trữ tình, bây giờ thêm tính giáo dục trên nền tảng nhân đạo.

Do đó thi pháp Huy Cận có uyển chuyển theo từng giai đoạn, nhưng trước sau vẫn nhất khí.

* *
*

Huy Cận là tên thật, họ Cù. Sinh năm 1919, không rõ ngày. Tư liệu hiện nay ghi là 31 tháng 5 là dựa theo giấy khai sinh thiết lập khi anh vào trường huyện, đã 8 tuổi.

Sinh quán và chánh quán là làng Ân Phú, huyện Hương Sơn, nay thuộc về huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, một làng trung du, tả ngạn sông Ngân Sâu, dưới chân núi Mông Gà cách đường xe lửa Nam Bắc khoảng 5 km. Tư liệu chính thức thường ghi : anh xuất thân từ một gia đình nhà nho, nghèo và yêu nước. Thật ra gia đình anh làm ruộng, khá giả và yêu nước ngang ngang với đa số gia đình Việt Nam khác. So với thế hệ, thì Huy Cận có học vị cao, sau học trình trung học tại trường Quốc Học Huế, anh tốt nghiệp Cao đẳng Nông Lâm tại Hà Nội, 1942. Thời học sinh đã nổi tiếng, có thơ đăng báo Ngày Nay của Tự Lực Văn Đoàn (1938). Thời sinh viên, năm 1940, anh cho in tập thơ *Lửa Thiêng*, Đồi Nay xuất bản, Xuân Diệu đề tựa, Tô Ngọc Vân trình bày. Đây là đỉnh cao trong sự nghiệp văn học của nhà thơ Huy Cận.

* *
*

Từ 1942, còn là sinh viên, Huy Cận đã tham gia mặt trận Việt Minh và bí mật xây dựng Đảng Dân Chủ. Tháng 7 năm 1945, anh được triệu tập tham dự Quốc Dân Đại Hội, ở Tân Trào, Thái Nguyên và được bầu vào Ủy Ban Dân Tộc Giải Phóng Toàn Quốc, gồm có 15 người, do Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Đây là đỉnh cao trong sự nghiệp chính trị của chính khách Cù Huy Cận. Sau này anh sẽ đạt được nhiều danh vọng quang vinh khác, nhưng trong thâm tâm vẫn tự hào nhất về tập thơ *Lửa Thiêng* 1940, và hội nghị Tân Trào 1945, là nhà thơ, và chính khách trẻ tuổi nhất. Ủy ban Dân Tộc Giải Phóng sẽ mở rộng thành chính phủ Lâm Thời và Cù Huy Cận giữ chức Bộ Trưởng Canh Nông rồi cứ tiếp tục tham gia hội đồng chính phủ, thường thường với chức Thứ Trưởng rồi Bộ Trưởng Văn Hóa, từ 1984 đến 1987 – kiêm chủ tịch Ủy Ban Trung Ương Liên Hiệp các hội Văn Học Nghệ Thuật. Có người nói : Huy Cận đạt thành tích : giữ nhiệm chức chính phủ dài lâu nhất thế giới.

Về mặt bang giao quốc tế, Huy Cận là một nhân vật

chủ chốt của chính quyền Việt Nam trong việc trao đổi văn hóa với các nước Á Phi và Âu Châu, anh là ủy viên hội đồng chấp hành Unesco, Ủy viên hội đồng Cao Cấp Tiếng Pháp (Francophonie) ; trong những cương vị ấy, anh thường xuyên đi ra nước ngoài và tranh thủ được nhiều cảm tình và viện trợ văn hóa cho Việt Nam.

* *
*

*Gió thổi sân trường chiều chủ nhật ;
- Ôi thời thơ bé tuổi mười lăm*

Huế 1936. Trường Quốc Học Khải Định. Huy Cận học lớp Nhất Niên, bắt đầu viết cho các báo Tràng An, Sông Hương của nhóm Hoài Thanh, dưới bút hiệu Hán Quý. Năm ấy, Xuân Diệu từ Hà Nội chuyển trường vào học lớp Tam Niên (lớp cuối bậc Tú Tài). Hai nhà thơ quan hệ thân thiết đến độ có người ngờ là luyện ái đồng tính. Nhất là khi Xuân Diệu viết « *Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine...* » rồi bài thơ « *Với bàn tay ấy ở trong tay...* » để tặng Huy Cận. Sau này Huy Cận kết hôn với em gái Xuân Diệu, về sau ly dị. Cùng học Khải Định thời đó, còn có giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, ca sĩ Minh Trang ; thầy của họ là Nguyễn huy Bảo, đã qua đời cách đây vài năm tại Paris. Ông Bảo kể lại rằng, 1938, Huy Cận đã được giải thưởng toàn Đông Dương (concours général) về Luận Pháp văn [4].

Huy Cận bắt đầu nổi tiếng từ Tết Mậu Dần 1938, khi báo Xuân Ngày Nay đăng bài *Chiều Xưa (Buồn gieo theo gió veo hồ...)* trong một khung báo cùng với bài *Cảm Xúc (là thi sĩ nghĩa là ru với gió...)* của Xuân Diệu. Việc có thơ đăng báo, dù là báo Xuân của Tự Lực Văn Đoàn, không lấy gì làm ghê gớm, nhưng Huy Cận rất đặc ý, và nhắc mãi. Bài *Chiều Xưa* làm năm 18 tuổi, là « đỉnh cao muôn trượng » trong nghệ thuật lục bát của Huy Cận, cùng với mấy bài cùng thời : *Đẹp Xưa, Buồn Đêm Mua, Ngâm Ngủ...* Sau này thơ bảy chữ, tám chữ của anh vẫn còn nhiều bài hay. Riêng về nguồn lục bát trong thơ Huy Cận thì hoàn toàn nghèo đi. Đây là một chủ đề về thi pháp cần được nghiên cứu cặn kẽ, vì có tính cách lý thuyết.

Chiều Xưa gồm 5 cặp lục bát cách quãng :

... Đồn xa quần quai bóng cờ,
Phất phơ buồn tự thời xưa thổi về.

Ngàn năm sực tỉnh, lê thê
Trên thành son nhạt. – *Chiều tê cúi đầu*

Tôi nêu đôi điều ít người lưu tâm : « đồn xa » đây là đồn của Pháp đóng trên đèo Linh Cảm quê anh, nơi thực dân đã đốt xác Phan Đình Phùng, lấy tro nhồi vào thuốc súng và bắn ra biển. Phan Đình Phùng khởi nghĩa vùng quê Huy Cận, dân làng Ân Phú nhiều người là nghĩa quân. Vì vậy mới có hình ảnh « *quần quai bóng cờ* ». Và mới hiểu thấu đáo nỗi « *buồn tự thời xưa thổi về* » mà về sau Tố Hữu sẽ vay mượn để làm câu :

*Đồn xa héo hắt cờ bay
Hiu hiu phất lại buồn vây vây lòng*

(Tiếng hát đi Đày, 1942)

Nhưng hiểu là *mang mang thiên cổ sâu*, một cách chung chung cũng không sai.

Hai câu tiếp theo là câu vắt, enjambement, về cú pháp, câu trước tràn xuống câu sau, rồi dừng lại giữa câu bằng một cái chấm, tiếp theo là cái gạch, bắt đầu một mệnh đề khác. Dấu chấm là ký hiệu cú pháp (văn phạm) dấu gạch là ký hiệu bút pháp (hay thi pháp), hai yếu tố đó đồng quy và nghệ thuật thơ Huy Cận, tinh vi, uyên bác. Kỹ thuật này, các nhà thơ Pháp vẫn sử dụng. Có lần tôi trích dẫn câu này, nhưng nhà in bỏ quên chấm-gạch, nhà văn họa sĩ Võ Đình đã viết thư nhắc nhở. Tôi có đưa thư cho Huy Cận xem, anh rất tâm đắc. Nhưng trong các văn bản lưu hành hiện nay, chỉ có gạch mà không có chấm. Trong tuyển tập mới nhất, *Huy Cận - Đời và Thơ* [5], câu thơ không chấm gạch gì ráo.

1939, Huy Cận đỗ Tú Tài, ra Hà Nội học Nông Lâm. Đạo chơi trên đê sông Hồng, miệt Chèm, Vẽ, nhìn cảnh « *bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài* » anh đã cảm hứng làm bài thơ *Tràng Giang* được truyền tụng qua nhiều chế độ và thế hệ. Anh cho biết « *Bài thơ cũng không chỉ do sông Hồng gợi cảm mà còn mang cảm xúc chung về những dòng sông khác của quê hương*[6] ». Anh đã làm lại bài thơ nhiều lần, dưới nhiều thể: lục bát, đường luật « *để có một Tràng Giang hoàn chỉnh, tôi đã sửa đi sửa lại 13 bản thảo* »[7]. Nhiều người biết bài này, nhưng có khi nhớ không đúng hai câu :

*Nắng xuống, trời lên, sâu chót vót
Sông dài, trời rộng, - bến cô liêu*

Giữa câu sau, có cái phẩy, rồi tiếp theo một gạch ngang.

Ấn bản *Đời Nay*, 1940, cũng thiếu gạch ngang. Tôi dựa theo bản chép tay của Huy Cận, in tại Paris, 1983. Bản *Đời Nay, Tràng Giang* mang lời đề tặng Trần Khánh Giu, bản *Đời và Thơ*, Hà Nội, 1999, bài *Tràng Giang* được xếp đầu tiên, vẫn còn ghi lời tặng Khái Hưng, bút hiệu của nhà văn lừng danh tên thật là Trần Du, hay Khánh Giu, bị Việt Minh thủ tiêu năm 1947.

Huy Cận là người chung thủy. Những khi « *nắng mưa là bệnh của trời* » cho phép, tâm hồn anh có lúc ngời lên những ánh thủy chung kỳ lạ.

Một năm sau *Tràng Giang* là *Lửa Thiêng*, in xong tháng 11 năm 1940. Xuân Diệu đã xuất bản *Thơ Thơ* trước đó hai năm rồi tái bản, thời điểm này là giai đoạn lý tưởng của phong trào Thơ Mới. Nó đạt tới sự đồng thuận giữa nghệ thuật người viết đã chín muồi và sức tiếp thu của người đọc cũng nồng hậu, cho nên *Lửa Thiêng* đã được tiếp đón nhiệt tình.

Khó nói được rằng Huy Cận tài ba hơn các nhà thơ khác, nhưng anh đã bước vào lịch sử thơ ca vào những ngày Tiên tháng Phật.

Khó nói được là *Lửa Thiêng* hay hơn các thi phẩm khác nhưng nó đã tổng hợp được nhiều đặc sắc của phong trào Thơ Mới và đồng thời loại trừ được các vụng về thô thấp

trước đó. Là một giá trị tổng hợp, *Lửa Thiêng* còn nâng cấp nền Thơ Mới vì bản chất trí tuệ và ý thức nghệ thuật của Huy Cận, như anh tự nhận định : « *giọng điệu triết lý về cuộc đời, về con người, về vũ trụ của tôi* » [8].

Theo thư tịch, thi phẩm thứ hai của Huy Cận là *Vũ Trụ Ca*, các thư mục đều có ghi 1942. Và tác phẩm cũng lừng danh, dù... chưa bao giờ được xuất bản ! Nằm trong dự tính của tác giả, nó bao gồm một số bài đăng rải rác trên các báo Thanh Nghị, Điện Tín,... nổi tiếng là bài *Xuân Hành*, rồi đến *Áo Xuân*, làm 1942, hơi thơ, nhịp thơ trầm hùng, khỏe mạnh, có âm hưởng những hoạt động chính trị.

Sau 1945, suốt thời kỳ chống Pháp, Huy Cận ít làm thơ, chỉ có *Giữa Lòng Thế Kỷ*, làm tháng 8-1946 – trước ngày Toàn Quốc Kháng chiến – là đọc được. Mãi đến 1958 – 18 năm sau *Lửa Thiêng* – mới có tập *Trời Mỗi Ngày Lại Sáng*, sau đợt đi thực tế lao động tại Hồng Gai – sau phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Nổi tiếng là *Đoàn Thuyền Đánh Cá*. Sau đó thì Huy Cận sáng tác và xuất bản dồn dập, khoảng 25 tập thơ. Đề tài đa dạng, phần nhiều do thời sự đòi hỏi : thơ chiến đấu, lao động, sản xuất, mà chính bản thân anh về sau, cũng có khi không tâm đắc.

Khi Huy Cận đề cập đến thiên nhiên, trời biển, vũ trụ, làng xóm, quê hương, kỷ niệm ấu thời, khi anh lừng khừng triết lý trong một thi pháp già dặn thì vẫn chinh phục người đọc công bình – nghĩa là không có thành kiến với người làm thơ quyền chức và tùy thời. Hai tập *Hạt Lại Gieo* (1984), *Chim Làm Ra Gió* (1989) có nhiều bài đáng ghi nhớ.

Huy Cận là người sáng suốt : những bài thơ tầm thường thì anh biết là tầm thường và rất khổ tâm khi các nhà phê bình mang ra ca ngợi. Có lần anh nói với tôi : « *thơ dở như thế mà họ khen, làm người đọc thắc mắc : những câu không được khen thì còn dở đến chừng nào* ».

Huy Cận tổng luận về mình : « *Dòng thơ tôi luôn luôn nhất quán, đó là thơ của cuộc đời, của con người, lúc buồn nhất cũng không lạc vào thơ Loạn, thơ Điên. Trong thơ tôi, cảm xúc vũ trụ rất đậm nét, nhưng hòa quyện với cảm xúc về cuộc đời (...)*

Con người là thành viên của xã hội loài người, nhưng cũng là thành viên của vũ trụ, của thiên nhiên. Bởi vậy trong mỗi con người còn có, nên có, phải có những cảm xúc vũ trụ » [9].

Đây là chân lý đơn giản và hiển nhiên, nhưng không phải ai cũng nghĩ ra ; và khi đã nghĩ ra thì không phải ai cũng có quyền phát biểu.

Người có quyền, có khi lại không nghĩ ra điều gì, và khi chợt nghĩ ra thì không dám sử dụng cái quyền phát biểu của mình.

Huy Cận là một tài năng lớn, đã có những đóng góp quan trọng cho phong trào Thơ Mới. Sau này, phần đóng góp của anh, về mặt nghệ thuật, dù từ tốn hơn vẫn đáng quý, dù nó khó được nhận ra trong đồng vàng thau lẫn lộn. Và khó nhận ra hơn nữa, vì những thành kiến. Con

người sống trên thành kiến. Nước nào cũng vậy. Riêng Việt Nam, lịch sử đã lạm phát rồi củng cố thành kiến. Với nhau, nói chuyện gì cũng khó ; nói về người nào đó, càng khó.

* *
*

Sinh thời, Huy Cận mong sống tròn thế kỷ :

Gắng theo hết thế kỷ hai mươi

Nay thế kỷ mới đã lên 5, có thể nói vui, theo điệu hài hước của anh lúc sinh thời, là anh đã « vượt biên ». Huy Cận đã hoàn tất những nhiệm vụ lớn, mà anh đã tự gánh lấy, hay đời đã trao cho, như anh đã từng cầu mong :

*Rồi một ngày kia già cõi này
Xin cho gieo hết hạt trong tay*

Và giờ đây anh đang phiêu diêu về Miền Lặng Lẽ. Có bờ xanh, có bãi vàng, nữa chứ !

*Bãi biển cuối hè dân vắng lặng
Vô tâm biển vẫn đẹp tung bồng
Mai đây ta vắng, đời không vắng
Vũ trụ diêm nhiên đẹp đứng đưng*

Một chiếc linh hồn nhỏ, một không gian hồn hậu rất thom tho, diêm nhiên tan vào vũ trụ đẹp đứng đưng.

Đẹp. - Và đứng đưng.

Đặng Tiến

Orléans, 25/2/2005

[1] Bùi Giáng, *Lời Cổ Quận*, Sài Gòn, 1972, tr. 20. Tuệ Sĩ trích lại trong tạp chí Văn, tr.18, ngày 15/3/1973, Sài Gòn

[2] Bùi Giáng, *Đi vào Cõi Thơ*, nxb Ca dao, Sài Gòn, 1969, nxb An Tiêm, 1998, Paris, tr.20-21 ; in lại trong *Huy Cận- Đời và Thơ*, tr.159-160, nxb Văn Học, 1999, Hà Nội

[3] Huy Cận, *Nhà văn nói về tác phẩm*, Hà Minh Đức chủ biên, 1993, tái bản 1998, tr.190, nxb Văn Học, Hà Nội.

[4] Nguyễn Huy Bảo, đặc san Tiếng Sông Hương, tr. 45-49, Dallas, 1996 trích lại trên báo Dòng Việt, số 5, tr. 11, California, 1998.

[5] Huy Cận, *Đời và Thơ*, tr. 683, nxb Văn Học, Hà Nội, 1999.

[6] Huy Cận, *Nhà văn nói về tác phẩm*, Hà Minh Đức biên soạn, tr. 48, nxb Văn Học, Hà Nội, 1998.

[7] Huy Cận, nt, tr. 189,.

[8] Huy Cận, *Nhà văn nói về... sdd*, tr. 198

[9] Huy Cận, nt, tr. 198

Hai cái đối Ất Dậu

PHẠM TOÀN

ĐẦU NĂM, ĐỌC BÁO XUÂN, thấy bàn đến một Ất Dậu rồi 60 năm sau lại một Ất Dậu, mong rằng những bạn đọc cả tin vào mệnh giới đừng trông đợi ở đây một bài viết dính dáng đến Tử Vi và tướng số. Không là Giáo sư Tử Vi, cũng không là Nghệ sĩ Tử Vi, tác giả không sử dụng những ngôn bài này. Tác giả xin được nói những suy nghĩ về hai lần đối Ất Dậu.

ẤT DẬU 1945, MỘT NẠN ĐỐI làm người chết ngón ngang trên một nước Việt Nam có một dân tộc Việt Nam đang đối quyền lực.

Miền Nam thừa thóc phải đem đi đốt lò phát điện, không cứu được đồng bào mình phía Bắc đang chết dần. Cũng là vì đối quyền lực! Dân vùng đối hè nhau xông vào phá kho thóc tự cứu mình, đó đã là quyền lực trước ngày Khởi nghĩa cùng nhau cướp lấy quyền lực cũ tạo ra quyền lực mới.

Con đối quyền lực không chỉ diễn ra ở lớp người trực tiếp đối thóc gạo. Những chú học trò mãi mê đến trường nhặt nhanh những tinh hoa văn hoá loài người thông qua lớp học của người Pháp vẫn thấy mình sao mà hèn yếu. Nạn đối tạo ra trong họ một trạng thái tâm lý không diễn giải nổi tức thời, khó hiểu biết bao là nguồn cơn của nỗi ám ức.

Lá lành đùm lá rách, người còn có bát ăn đi làm việc thiện, những cái chết đau lòng trở thành những lời hịch đánh Pháp đuổi Nhật, mọi chuyện giản dị vô cùng.

Lại nữa, cái đối quyền lực ngay từ đầu cũng là cái đối Dân chủ. Khi bắt tay vào cứu trợ nạn đối Ất Dậu xưa, người của các tầng lớp gọi nhau bằng *anh, chị, em* và quên đi lối xưng hô xa xôi cách bậc cũ. Đoàn Hướng đạo sinh áo nâu khăn quàng xanh của tôi có đoàn trưởng là thầy Cao Đắc Tiểu, ông đốc (hiệu trưởng) một trường Tiểu học, chúng tôi cũng được gọi ông bằng “ anh ”, ông gọi lại chúng tôi bằng “ các em ”.

ẤT DẬU 2005, CÁI ĐỐI 45 đã lặn xa. Bây giờ tặng thủ trưởng chai rượu Johnnie Walker có hình anh chàng *tay bị tay gãy khấp nơi tung hoành* thì người đi đêm nói rất khéo “ Biếu anh chai rượu Thái Bình... ” Nhạc sĩ T.H. rủ tôi đi uống bia hơi. Anh gọi đồ nhắm : 5 nghìn rau lang om tỏi, 3 nghìn rau bí xào, 1 nghìn lạc rang. Anh dạy : “ Không nói rõ mua bao nhiêu, có khi phải mua cả một đĩa tú hụ cả chục nghìn ”. Rau lang om đắt hơn rau bí, vì rau lang bây

giờ là sành điệu hơn cả.

Không có cái đối, vậy mà tôi có lần bị mắng chỉ vì một câu hỏi về cái đối. Mùa hè năm 2001, sau một lớp tập huấn, nhà văn N.X.K. cùng tôi đi Cát Bà nghỉ. Chúng tôi đi tàu cùng đoàn cán bộ Giáo dục tỉnh Nam. Tôi hỏi anh Tuấn, trưởng phòng Giáo dục một huyện: “ Bây giờ nông dân quê anh còn đối ăn không ? ” Không ngờ câu hỏi nhẹ nhàng ấy lại khiến nhà giáo kia nổ một trận lôi đình. Anh nhìn thẳng vào mặt tôi: “ Thông minh thế, mà sao hỏi những điều ngu thế ! ” Tôi phải chờ cho anh nguôi cơn giận. “ Mình xin lỗi ông nếu mình có chỗ nào sai. Thực lòng mình muốn biết vậy ”. Anh cũng xin lỗi lại. Rồi anh lấy giấy bút ra làm con tính đầu vào đầu ra thu nhập của một gia đình nông dân. Rồi anh kết luận mà lại vẫn như mắng tôi: “ Vậy thầy tưởng bồng dung mà có chủ trương dân chủ ở cơ sở à ? ”

Khác với Ất Dậu 1945 của gậy gộc và súng kíp và mã tấu, người dân Ất Dậu 2005 rỗng rần đem đơn đi nộp các cửa vì vô số chuyện. Ất Dậu 2005 vẫn là cái đối quyền lực, nhưng ở một dạng khác rồi. Dạng đòi công bằng xã hội để xóa cái đối xã hội còn chưa công bằng. Có những lá đơn của cá nhân vài chục năm gom lại dây cộp mà thê thảm như những đêm thờ dài. Có những lá đơn viết thẳng lên áo đứng chập trước cổng nhà phố Mai Xuân Thuồng nom văn minh ra đáng. Gì thì gì, cũng chứng tỏ con số 95 phần trăm mù chữ sáu chục năm xưa đã đổi thay trời vực.

NGƯỜI BIẾT CHỮ DẠY NGƯỜI CHƯA BIẾT, đường lối đó trong vòng một năm đầu Cách mạng đã giúp cả triệu người dân biết chữ. Và ngày nay, dù vẫn đang đòi hỏi chất lượng Giáo dục phải cao hơn, nhưng thành tích cả nước biết chữ quả là đáng nể.

Nhưng vào năm Ất Dậu 1945, thoả mãn cơn đói biết chữ còn là cả một cao trào cách mạng văn hoá đổi thay suy nghĩ và hình thành một lối sống khác trước. Đi học, cụ bà ngồi học cạnh cụ ông con trai ngồi bên con gái, không còn nữa *nam nữ thụ thụ bất thân* học một tặn bên Tàu. Đi học, con dâu ngồi học cạnh mẹ chồng, em dâu cùng đánh vần với chị chồng bỗng chốc không còn nữa cái luật đời từ xưa *giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng*. Đi học, giáo viên là các thầy giáo kỳ cựu bên cạnh những thanh niên và cả những thiếu niên tình nguyện. Nghề sư phạm không còn là công cụ sinh nhai của riêng giáo giới. Học và dạy học thành công cụ sinh lợi cho toàn dân. Chưa hết, vào giờ học cả thầy lẫn trò cả nam phụ lão ấu cùng vỗ nhịp *hát đoàn kết* một bài cái đã. Hết khoá học, ăn chung một bữa *com đoàn kết* trước khi được công nhận “xóa mù”. Chưa hết, lớp học mở ở trường, mở nhờ ở các nhà giàu đúng là *sẻ cửa sẻ nhà*, còn mở ở cả chốn đình chùa miếu mạo, nơi *đình chung* không còn là chỗ tranh nhau đầu gà sỏ lợn. Không còn thời giờ để mà hương khói đồng cốt. Không còn thời giờ cho những cuộc tụ bạ cò bạc. Và đặc biệt là Ất Dậu 1945 thấy biến tiết nọc nạn nghiện hút. Những ai còn ký ức về Ất Dậu sáu chục năm xưa ắt phải nhớ đến những cuộc đốt bàn đèn, đốt quân bài tổ tôm, hệt như bây giờ đốt văn hoá phẩm đồi trụy. Chỉ khác một chút, Ất Dậu 1945 người dân tự đem những thứ đồi trụy đi đốt.

BÂY GIỜ ẤT DẬU 2005, không chỉ biết chữ Việt còn biết cả tiếng Anh. Ngày xưa trong ngày giỗ, bây giờ trọng ngày sinh nhật, trọng cuộc đời trần thế hạnh phúc trần trụi. Ngày xưa chỉ biết chúm mũi làm ăn làm nhiều mà ăn chẳng bao nhiêu, bây giờ đi du lịch Thái Lan chẳng còn là điều xa lạ với rất nhiều người. Ngày xưa những người *tân tiến* nào viết báo nào viết sách chế giễu các ông Lý Toét, Xả Xệ, Bang Bạnh mà chẳng ăn thua, bây giờ con gió quyền lực của văn minh đã khiến cho *nhà quê* đang dần mất hút.

Quyền lực có cả rồi lại thích bổ sung nếp văn hoá mới theo chữ Anh *participatory* – *có sự tham gia* – dĩ nhiên là của mọi người vào mọi việc. Quyết định làm con đường nhỏ trong làng, cũng như quyết định làm nhiều kilômét đường quốc gia loại A, người dân đều phải được tham gia. Một bộ luật sắp ra đời, người dân đều có quyền bàn bạc.

Tham gia... Chỉ với một chút khác nhau. Có dự án đấy, cần phải ra quyết định đấy, nhưng nếu *thông tin* bị im đi thì biết khi nào tham gia cùng nhau ra quyết định ? Có luật đấy, nhưng cuộc đời ở cơ sở như cái phễu, bao nhiêu luật cũng trút vào một cái lỗ còn con, một anh phòng thuế, một chú địa chính, một bác kiểm lâm, một chàng lái xe, một cô nàng đồng đánh cầm con dấu ở phường, và chưa khi nào cái thành ngữ *thủ kho to hơn thủ trường* lại có giá trị thực đến thế.

Nhiều khi có chữ, lại có nhiều chữ quá, dẫn đến chỗ sùng bái chữ, cũng lại là cái nạn đói của Ất Dậu 2005. Những quy luật của tha hoá học nhiều mà vẫn chưa ngấm. *Luật 1* khi tôn giáo hoá thì dẫn đến tha hoá. Ngày xưa, đọc sách cách mạng có thể bị tù vì sách đó dẫn tới hành động cách mạng, bây giờ tụng niệm thuộc lòng sách “kinh điển” thì thi đỗ. *Luật 2* thể chế hoá có thể dẫn đến tha hoá. Ngày xưa chưa hình thành các tổ chức, hoặc mới có ít tổ chức, có việc cứ xúm nhau vào mà làm, tin nhau thì hè vào mà cùng làm. Bây giờ Ất Dậu 2005 có thể ý lại, lao động nghĩa vụ có thể nộp tiền thế chân, đi bầu còn có thể nhờ bỏ phiếu hộ nữa là !

DUY NHẤT TRƯỚC SAU nguyên si cả hai lần Ất Dậu cách nhau sáu mươi năm đó là cái đối tiếng cười. Trước sau như một đều lấy tiếng cười làm liều thuốc bổ. Không biết có dân tộc nào coi mọi hiểm nguy nhẹ tựa lông hồng như người mình?

Dĩ nhiên, vào lúc cao điểm của năm đói Ất Dậu 1945 con người biết nín cười trong giây lát. Nhưng ít bữa qua đi đã có nụ cười buồn Văn Cao nhìn *Chiếc xe xác qua phường dạ lạc*.

Biết cười và biết nín nhe là cái nét ăn qua loa chóng đói của người Việt mình. Công bố tất tẩn tạt chuyện Tiếu lâm để nghe tiếng cười đậm đà bản sắc và luôn tiện thống kê dân nguyện, có thể đó cũng là điều gợi ý không đến nỗi tồi?

Phạm Toàn

Biệt thự Thu Trang, giữa tháng 12-2004

Ngôi trường vùng cao ở lưng chừng đồi, đơn sơ một ngôi nhà gianh vách đất, một nửa là lớp học, một nửa là chỗ ở của hai cô giáo Thu và Kiềm. Lớp học thường xuyên xê dịch có từ 7 đến 20 học sinh của năm dân tộc là Mông, Thái, Nhắng, Dao và Lô Lô.

Hai cô giáo Thu và Kiềm đều quê ở Tiền Hải Thái Bình, bố mẹ là dân chài vùng biển. Hai cô học hết cấp 2 phổ thông trung học thì đi học một lớp sư phạm nâng cao hai năm. Tốt nghiệp ra trường, Đoàn thanh niên có phong trào “thấp lửa ánh sáng vùng cao”, họ ghi tên tham gia và mười ngày sau họ có mặt ở ngôi trường này.

Ai lên Sa Pa, nếu đến nơi xa nhất thì phải đến bản Suối Thầu. Từ chợ Sa Pa đến đây tròn 70 cây số. Người Mông, người Dao giỏi đi bộ thì mỗi ngày đi được 20 cây. Thu và Kiềm vẫn thường xuyên đi lại trên tuyến đường này. Ngôi trường của họ ở nơi heo lánh nhất của vùng đất du lịch không thể nói là không phù hoa đó. Ôi Sa Pa, Sa Pa... Mảnh đất tình yêu ! Mảnh đất giữ người !

Tết năm ngoái, tôi có dịp lên Sa Pa theo lời mời của gia đình một người bạn. Anh Lai, Vụ trưởng một Vụ, chuẩn bị đi làm đại sứ một nước ở châu Âu, quyết định không ăn Tết ở Thủ đô mà đưa cả nhà đi du lịch. Họ sẽ ăn Tết ở Sa Pa. Tôi được mời đi theo “thấp tùng”. Mấy năm gần đây, hội “tay to” ở Hà Nội có “mốt” không ăn Tết ở nhà mà đóng cửa đi dã ngoại để đời không khí, cũng tránh cả việc người ta đến lễ lạt nhờ vả nhiều kẻ... Tiền nhiều chẳng làm gì. Chất lượng cuộc sống trên hết. Sống về vang, chết nhẹ nhàng... Những triết lý như thế gần đây tôi được nghe nhiều ở các quan chức và giới doanh nhân thành đạt. Cũng là một “mốt”...

Chị Hỷ, vợ anh Lai (xuất thân thợ dệt) tính rất chu đáo đã mua vé tàu hoá, thuê nhà, chuẩn bị thức ăn chu đáo cho 10 ngày nghỉ Tết, mọi người chẳng ai phải mó tay vào.

- Không thiếu thứ gì ! – Chị Hỷ vui vẻ bảo tôi – Chú sẽ được ăn Tết như ở nhà mình.

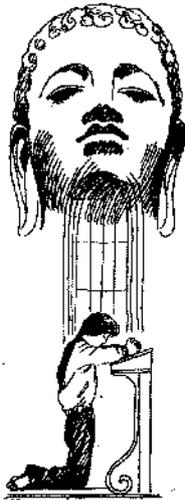
Gia đình anh Lai có năm người : hai vợ chồng anh, cháu Quang đang du học ở Mỹ (đại học Duke) về nghỉ Tết, cháu Vân đang học lớp 12 trường Chu Văn An Hà Nội và Yên, cô “ô-sin” người vùng đạo gốc Bùi Chu.

Quan Âm

chí lô

truyện ngắn

Nguyễn Huy Thiệp



Minh họa : Nguyễn Đình Đăng

- Chú là nhà văn danh tiếng nhưng nghèo – Anh Lai bảo tôi – Nghề của chú chẳng phải là nghề. Đó là nghiệp chương. Đọc, đi, viết là ba công đoạn mà tay nhà văn nào không làm được thì đừng nói gì đến có tác phẩm. Không đọc, không đi thì viết thế nào ? Nhưng không có tiền thì chịu. Chuyến đi Sa Pa này vợ chồng tôi “bao” hết, chỉ mong chú viết được cái gì hay hay đóng góp cho đời. Vợ chồng tôi chọn Sa Pa cũng là vì chú ! Ngày xưa, Khổng Tử du ngoạn Thái Sơn có nói được câu chí lý : “Người nhân từ yêu núi, người có chí yêu nước”. Nhà văn phải là người nhân từ, phải là người nhân nghĩa, nhân văn...

Tôi nghe. Tôi đi cũng là vì nể anh Lai. Nhân từ gì tôi không biết, ngày trẻ tôi đã ở miền núi Tây Bắc 10 năm, miền núi tôi chẳng lạ gì. Nhưng thôi, một chuyến đi du lịch, một cái Tết xa nhà cũng tốt cho tôi : ở nhà toàn khuôn mặt cũ, những đứa con tôi đã lớn, chúng không cần tôi nữa, tôi và danh tiếng hão của tôi đã là gánh nặng cho cả gia đình...

Chúng tôi lên Sa Pa vào 25 Tết. Chị Hỷ thuê một biệt thự riêng. Mọi người ai nấy đều như chim sổ lồng : anh Lai đi thăm vùng trồng hoa với bạn học cũ là phó chủ tịch thị xã, cháu Quang và cháu Vân đi Thác Bạc – Công Trời, cô “ô-sin” đi lễ

nhà thờ rồi đi chợ, chị Hỷ ở nhà “giữ gôn”. Còn tôi, số phận run rui, ma xui quỷ khiến thế nào mà tôi lại đến ngôi trường của hai cô giáo Thu và Kiềm.

Ở Sa Pa, có một cửa hàng bán đồ cổ nhỏ. Chủ ở đây nghe nói là một người Nhắng giàu có. Tôi rất thích vài thứ bày ở đây nhưng giá của nó khá đắt. Thấy tôi loay hoay mãi bên cửa hàng, một anh chàng lái xe ôm gạ tôi :

- Nếu ông thích mấy thứ này, tôi đưa ông vào bản Tả Van hay vào Bản Hồ, ở đây có thể có người còn có nhiều thứ hay.

Tôi lưỡng lự. Anh ta nói thêm :

- Càng đi xa càng nhiều thứ quý.

Tôi hỏi :

- Ở Sa Pa, nơi xa nhất là đâu ?

- Suối Thầu.

- Đi có khó không ?

- Cũng không khó lắm.

Tôi xem đồng hồ, thấy còn sớm bèn quyết định đi chơi xa một chuyến. Anh lái xe bảo tôi :

- Chắc ông sẽ không thất vọng vì chuyến đi này.

Tôi ngồi lên xe. Chiếc xe “Min-kho” đã chiến phong nhanh như gió. Rừng núi đại ngàn trùng điệp mở ra trước mắt. Tôi chưa bao giờ đi một cuộc xe kinh hoàng như thế. Một bên là vực sâu, một bên là núi cao. Thỉnh thoảng, một trận mưa địa hình đột ngột trút xuống. Gió lồng lộng thổi. Tôi đã có thâm niên ở miền núi nhiều năm nhưng quang cảnh hùng tráng thế này thì không phải miền núi nào cũng có. Những viên sỏi bắn vào hai bên lớp xe rào rào. Anh lái xe ôm, chắc đã quen đưa khách đi du lịch phiêu lưu thế này, chỉ chăm chú nhìn về phía trước, tôi nghĩ nếu tôi ngã xe có khi anh ta cũng chẳng biết gì.

Đường vào Suối Thầu đi xe máy cũng hơn 5 tiếng đồng hồ. Anh lái xe ôm bảo tôi :

- Theo tôi, tốt nhất là ông nên nghỉ lại đây đêm nay. Tôi có thể chỉ cho ông vài nơi nghỉ trọ. Bọn Tây du lịch cũng hay làm thế. Bọn “gai” (tour-guide : hướng dẫn viên du lịch) người Mông vẫn dẫn họ vào đây như cơm bữa. Giá nghỉ trọ ở đây cũng mềm, chỉ khoảng độ 10 đồng bạc là cùng.

Tôi nghe lời chỉ dẫn của người lái xe ôm. Anh ta dẫn tôi vào trong ngôi trường học mà tôi đã kể ở đầu câu chuyện. Hai cô giáo rụt rè ra đón về rất băn khoăn. Tôi tự giới thiệu về mình. Cô giáo thấp lùn, có

khuôn mặt vuông vức tên là Kiểm mắt sáng lên :

- Em đã từng nghe đến tên ông. Nếu ông đúng là nhà văn thì em cho trợ.

Cô giáo người gầy gò, trắng trẻo tên là Thu hỏi anh lái xe ôm :

- Anh về Sa Pa hay cũng nghĩ lại?

Anh này trả lời :

- Tôi về thôi. Mai lại vào. Ông nhà văn này muốn tìm đồ cổ, có gì nhờ hai cô giáo tìm giúp.

Họ chia tay nhau. Hai cô giáo dẫn tôi vào lớp học, ở đây đang có một cô bé người Mông ngồi tập viết chữ. Hai cô giáo loay hoay kê những chiếc ghế băng sát lại, sau đó họ mang đệm và chăn bông vào. Ngay lập tức, tôi đã có một chiếc giường ngủ hào hạng. Tôi lấy điện thoại di động gọi về Sa Pa, anh Lai và chị Hỷ trách tôi nhưng hai cháu Quang và Vân thì thích, hứa có thể sẽ vào Suối Thầu với tôi.

Đêm hôm đó, bên bếp lửa, tôi được nghe hai cô giáo Thu và Kiểm kể về cuộc đời của họ.

- Thế hai cô ở đây được mấy năm rồi ?

- Được 6 năm.

- Thế Tết này các cô có về quê ăn Tết hay không ?

Cô Kiểm thờ dài :

- Cái Thu thì 27 Tết mới về. Còn em... Tết này chưa chắc em về được.

- Thế có năm nào các cô ăn Tết ở đây hay không ?

Cô Thu bảo :

- Tết năm nào em cũng về quê ăn Tết. Em đang định bỏ việc, ở đây chán lắm. Còn cái Kiểm, sáu năm rồi, năm nào nó cũng ở lại. Năm nào nó cũng bảo: “Tết này chưa chắc em về được”.

Cô Kiểm quay mặt về phía bóng tối, giấu ánh mắt buồn buồn. Tôi không tiện hỏi, bên quay sang nói chuyện về phong cảnh với khí hậu Sa Pa. Tôi cũng hỏi về các món đồ cổ lưu lạc ở trong các gia đình người dân tộc ở vùng cao này. Thế kỷ XVIII, Hoàng Công Chất khởi nghĩa ở đồng bằng, bị triều đình đánh đuổi lưu lạc lên đây, có nhiều gia đình thổ hào đi theo. Đây cũng là vùng buôn bán hàng lậu từ Vân Nam Trung Quốc sang. Vì thế, rất có thể có nhiều đồ cổ lưu lạc ở đâu đấy rất quý giá.

Sáng hôm sau, cô giáo Thu chuẩn bị về quê. Lớp học đã nghỉ, chỉ có vài ba đứa

học sinh thỉnh thoảng đến xin bài về học trong dịp nghỉ Tết. Cô giáo Kiểm dặn dò chúng. Ngày xưa, khi còn đi dạy học ở vùng núi Tây Bắc, tôi đã hiểu tâm trạng của các thầy cô giáo miền xuôi lên dạy học ở miền núi vào những ngày này. Lòng dạ rối bời cứ như lửa đốt, sắm sửa quà Tết, gói ghém đồ đạc, mong chờ kỳ lương cuối cùng trong năm, bóng dáng của người thân cứ hiện rõ dần... Ôi tuổi trẻ phiêu lưu và ngốc nghếch ! Người chẳng sợ gì gian khó, chẳng sợ gì cô đơn, dòng máu chảy trong huyết quản của người mới mạnh làm sao, những chân trời nào và ánh mắt nào vẫy gọi ? Giọng cười nào, tiếng hát nào, giấc mơ nào của người cũng đều nồng nàn về đẹp thuần khiết hiến tặng cho cuộc đời, cho con người... mà người thì bạc như vôi, còn đời thì ngắn... Nhưng chẳng sao, chẳng sao cả, những lớp người kế tục nhau như những đợt sóng bên ngoài trùng khơi...

Cô giáo Kiểm cho một học sinh dẫn tôi đi vào trong bản. Phần lớn các nhà ở đây đều nghèo, nhiều người Mông, người Nháng nghiện thuốc phiện. Tôi rẽ vào một ngôi nhà trên núi, thấy một người đàn ông người Mông trạc 50 tuổi đang vật vã vì đói thuốc. Chị vợ đang ngồi già *mèn mèn*. Thấy tôi vào, họ cũng mặc kệ. Tôi lân la hỏi chuyện người vợ. Tôi nhìn thấy trong chạn bát có một pho tượng Phật nhỏ bằng đồng đen thui. Pho tượng rất lạ, đó là hình hai mặt Quan Thế Âm Bồ Tát ngồi trên toà sen đặt trên đồng tiền và trên đỉnh vàng, có mấy chữ Hán, tôi chỉ đọc được bốn chữ : “*Quan Âm chi lộ*”. Tượng Quan Thế Âm tôi đã thấy nhiều, nhưng tượng được đặt trên một đồng tiền và vàng thì chưa từng thấy. Tôi đoán đây là tượng của một thương gia nào đó, có thể được đúc riêng nhân kỷ niệm mừng sinh nhật hoặc mừng tân gia cho ai đó. Pho tượng trông rất có thần, đường nét tinh tế, không cổ lắm nhưng rõ ràng không phải tượng mới. Trong ruột bức tượng, có lẽ người ta có yểm bùa và cho vào đó những viên sỏi kỳ lạ, lắc lên nghe lạo xạo.

Tôi hỏi người đàn bà, tỏ ý muốn mua pho tượng. Người chồng trừng mắt :

- Không bán đâu. Nó là gia bảo đấy !

Tôi không gặng hỏi, tôi biết người Mông tính rất dứt khoát. Tôi rất ái ngại vì thấy tình cảnh của gia đình này thật bi đát. Tôi lấy ra một món tiền nhỏ tặng chị vợ. Chị ta không nhận, nhìn về phía người chồng rồi nói :

- Không lấy tiền đâu ! Nếu có tiền nó

lại đi mua thuốc phiện.

Người chồng đứng lên, giật phất lấy số tiền trên tay tôi, quát vợ :

- Nó cho mình thì mình lấy chứ !

Chị vợ bối rối, không biết làm sao cả. Chị ta nói với chồng :

- Hết gạo rồi ! Cũng không có thịt mà ăn Tết nữa !

Người chồng không nói năng gì, khoác chiếc áo bông cũ đi ra. Chị vợ bảo tôi, về bực mình thực sự :

- Ông hại nó rồi. Nó sẽ đi đến mai mới về !

Tôi nhớ mãi ánh mắt chị. Tôi đã nhìn thấy nhiều ánh mắt của những người phụ nữ đau khổ, rất nhiều ánh mắt tê dại vô hồn, vô ảnh, ta soi vào mà chẳng thấy gì, nó không đủ sức lưu lại hình ảnh của bất cứ ai, bất cứ vật gì. Không biết những người chồng, người con, những người thân của họ đã làm những gì để làm cho nó khô kiệt, đã làm mất hết đi về tinh anh trong ánh mắt kia ? Cuộc đời con người nào nhiều nhận gì, ai trong số chúng ta đã được yêu thương, đã được vượt ve bởi những ánh mắt chân tình tự nhiên không hề vương bận sân si vụ lợi ?

Tôi quay trở về trường học, lòng thoáng buồn. Anh lái xe hôm qua đã quay trở lại, chuẩn bị chờ cô giáo Thu ra Sa Pa để mua vé tàu hỏa về quê ăn Tết. Cô giáo Kiểm và cô bé học trò người Mông ra tiễn họ.

Anh lái xe hỏi tôi :

- Ông có về không ?

Tôi bảo :

- Tôi muốn ở lại. Nếu được, ngày mai anh vào đón tôi.

Anh lái xe cười :

- Tôi biết ngay mà... Sa Pa là mảnh đất tình yêu, mảnh đất giữ người...

Buổi chiều, cô giáo Kiểm và cô học trò người Mông (sau này tôi biết tên nó là Giàng Seo Mây) loay hoay dọn dẹp, quét dọn xung quanh ngôi trường đón Tết. Cô giáo Kiểm mang cờ ra, treo lên cái cột ở giữa sân trường. Chập tối, lúc chúng tôi chuẩn bị ăn cơm thì có khách đến. Tôi đoán đây là chồng hoặc người nhà cô Kiểm. Người đàn ông này tên Công, trạc 50 tuổi, dáng điệu phong trần, như ở nơi rất xa xôi đến. Cô Kiểm mừng rỡ, đun nước nóng cho ông ta ngâm chân, săn sóc ông ta từng ly từng tí.

Trong bữa cơm ông ta bảo cô giáo Kiểm :

- Anh chỉ ở đây với em đến mùng 1 Tết. Sáng mùng 2 Tết anh phải đi rồi.

Cô Kiểm bảo :

- Tuỳ anh. Anh ở bao lâu cũng được.

- Nếu anh không lên, em có về quê ăn Tết hay không ?

- Em không biết. Tết này chưa chắc em về được

Ăn cơm xong, người đàn ông rủ tôi ra ngoài ngồi hút thuốc. Ông ta hỏi :

- Có phải ông là nhà văn viết cái gì đó về hoa thủy tiên phải không ?

Tôi bảo :

- Phải !

Ông ta bảo :

- Tôi có nghe loáng thoáng về ông. Ông là nhà văn nổi tiếng, đã đi ra nước ngoài nhiều lần.

Tôi bảo :

- Phải !

Ông ta nói :

- Tôi cũng đã đi ra nước ngoài nhiều lần. Càng đi, càng thấy thương nước Việt Nam mình. Đất nước mình thật đẹp, dân mình thật tốt, chỉ phải cái nghèo.

Tôi hỏi ông ta về quan hệ của ông ta với cô giáo Kiểm. Ông ta thờ dài :

- Đây là người mà tôi yêu dấu vô cùng. Tôi có vợ rồi, nhà ở Lạng Sơn. Tôi biết Kiểm 3 năm nay rồi. Năm nào tôi cũng về đây ăn Tết. Kiểm đối với tôi đúng là “ hồng nhan tri kỷ ”. Tôi được một người như thế yêu thương thì chết cũng chẳng oán hận gì.

Tôi hỏi :

- Ông biết cô ấy trong trường hợp nào ?

Ông ta bảo :

- Cũng giống như ông. Tôi đi du lịch, đúng hơn là tôi đi tìm cái chết. Hồi ấy tôi làm ăn thất bại, gia đình tan nát, tôi rất chán đời. Tôi lên Sa Pa, định trèo lên đỉnh Phan-Xi-Păng tự vẫn. Nhảy vào xuống núi một cái là xong. Tôi gặp Kiểm, Kiểm mang tình yêu đến cho tôi. Kiểm đúng là Quan Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn “ save from misfortune and danger ”. Tôi biết ơn cô ấy. Tết nào cô ấy cũng đợi tôi.

Tôi bảo :

- Ông có vẻ như một người hạnh phúc.

Ông ta bảo :

- Cảm ơn ông. Cũng còn tùy thuộc cách nhìn. Từ khi biết Kiểm, tôi sống tốt hơn lên. Tôi yêu mến tất cả mọi người, tôi làm nhiều việc có ích cho đời. Là nhà văn, ông nên viết về tình yêu của người phụ nữ. Họ yêu thương đàn ông chúng ta, làm cho thế giới này tốt đẹp lên nhiều.

Tôi hỏi về công việc của ông ta. Ông ta nói :

- Tôi là thương nhân. Tôi buôn bán ở Hồng Kông, ở Mỹ. Có lần tôi sang cả Thụy Điển. Kiểm như một vị Bồ tát chỉ đường. Tôi buôn bán không phải vì tiền mà vì điều thiện, vì quan hệ với con người.

Tôi chăm chú nhìn Công, thấy ông ta là người thành thực. Tôi rất ngạc nhiên, ngắm nghĩ mãi về hình ảnh cô Đun-xi-nê bé nhỏ, dạy học ở một nơi khi ho cò gáy, lại là nguồn cảm hứng cho gã Đôn Kihôtê giang hồ quốc tế, khiến ông ta làm được những việc động trời. Thế gian này thật diệu kỳ ! Trong muôn thứ diệu kỳ thì tình yêu chính là điều diệu kỳ nhất.

Tôi ở Suối Thầu đến hết ngày hôm sau. Tôi được biết Giàng Seo Mây, cô học trò người Mông chính là con gái của hai vợ chồng người Mông mà tôi đã gặp. Mây ở với cô giáo Kiểm, cô bé giỏi tiếng Anh, nổi tiếng là một “ gai nhí ” ở khu du lịch Sa Pa.

Anh lái xe ôm vào Suối Thầu đón tôi. Ngồi biệt thự mà chị Hỷ thuê riêng đã được trang hoàng lộng lẫy. Tối hôm đó, chị Hỷ làm tiệc tất niên. Sâm-banh được mở ra, ai nấy đều vui vẻ.

Rượu ngà ngà say, anh Lai hỏi tôi :

- Chú là nhà văn, chú có biết câu “ nhà văn là tai mắt của nhân dân ” không ? Chú viết văn, điều gì hướng đạo ngòi bút của chú ?

Cháu Quang học ở đại học Duke, bang Carolina ở Mỹ, ở đây có khoa viết văn, đào tạo các nhà văn tương lai. Rất nhiều người ở các nước khác đến đây học. Khi sang Mỹ, tôi đã từng có bài thuyết giảng ở đây. Hôm đó, tôi đã nói về sự vô minh của con người và thế giới, lòng khát khao của cá nhân tôi với cuộc sống mà Thượng đế ban cho. Hôm đó cháu Quang cũng dự. Đến hôm nay, khi nghe anh Lai hỏi, tôi bỗng nhớ lại những điều tôi nói hôm ấy thật xa xỉ và phù phiếm, thậm chí dối trá. Tôi nói với anh Lai rằng quả thực không phải lúc nào tôi cũng trả lời được những câu hỏi do công việc và cuộc sống đặt ra.

Anh Lai nói :

- Tôi nhớ trong Kinh thánh, Chúa đã

từng mắng các văn sĩ rằng họ chỉ nhắm miếng ngon, khát khao thụ hưởng. Trong các hội đoàn, họ ngồi ghế hạng nhất... Chúa không mắng những người làm nghề nghiệp khác. Nghề của chú không phải là nghề, nó làm rối tinh trật tự.

Tôi thấy khó trả lời, miếng cơm ăn đắng ngắt. Anh Lai là nhà chính trị, anh không biết rằng tôi cũng đã từng làm nhiều nghề kiếm sống. Định mệnh của tôi không phải do tôi quyết định. Tuy nhiên, tôi không tranh cãi với anh. Hôm nay tôi là khách mời. Đầu óc tôi vẫn còn đang vẩn vơ hình ảnh những người sống rất giản dị ở bản Suối Thầu, họ không bao giờ đặt ra câu hỏi tại sao thế này, tại sao thế kia ? Cô giáo Kiểm, một cô gái bé nhỏ sinh ra ở biển, sống 6 năm trời với các em bé người Mông, người Nhắng, đồng lương dạy học chẳng đáng là bao; ngồi giữ ngọn lửa tình yêu cho một tay giang hồ dọc ngang trời đất. Rồi hai vợ chồng người Mông nghiện hút, họ chẳng bao giờ đi xa khỏi bản của mình...

Cháu Quang và cháu Vân cho xem những bức ảnh chụp ở bãi đá cổ Hàu Thào. Trên các hòn đá có các hình khắc kỳ dị. Ai đã viết lên đây ? Liệu thời tiền sử có một tay văn sĩ rồ dại nào đi làm chuyện ấy hay không ?

Ăn xong, tôi về phòng, thấy cháu Yên, cô gái “ ô-sin ” đang ngồi ăn cơm thặm dưới gầm cầu thang. Tôi hỏi :

- Sao cháu không ăn cơm cùng với mọi người ?

Yên nói :

- Cháu quen rồi !

Chị Hỷ đi ra bảo tôi :

- Lệ ở nhà này là thế. Tôi vốn có “ tay ” nuôi “ ô-sin ”. Dân chủ thì dân chủ. Nhưng trật tự cần hơn dân chủ. Anh yên tâm đi, một mình nó một mâm, cũng đầy đủ sơn hào hải vị.

Sáng hôm sau tôi ra chợ Sa Pa. Anh lái xe ôm hôm trước gặp tôi. Tôi vào chợ, mua một bao gạo 50 ki lô và một đùi thịt lợn, nhờ anh ta chở vào Suối Thầu tặng gia đình của Giàng Seo Mây. Anh lái xe cười :

- Thế này thì nhà này năm nay ăn Tết to rồi !

Tôi thấy vui vui. Chừng mấy năm nay, tôi không còn nhiều lòng ham hố “ kiếm chác ” cho mình, nhiều khi cho được người khác cái gì thích hơn được nhận. Tôi không giàu có nhưng cũng chẳng nghèo.

Tôi không có nhiều người thân, nhiều bạn bè. Tôi đã trót rào quanh tôi hàng rào danh tiếng, đây cũng không phải do ý thức của tôi chủ định, rất nhiều các thói đời xô đẩy khiến tôi lâm vào tình cảnh trở trêu như thế. Nhiều khi, tôi rất cô đơn ngay giữa nhà mình. Những bạn bè cũ cũng ngại gặp tôi, tôi cố gắng phá đi mặc cảm tự ti vì không thành đạt ở trong lòng họ mà không phá được. Nhiều lần, tôi nhớ lại những ngày gian khổ thuở tôi còn đi dạy học ở trên miền núi Tây Bắc xa xôi, tôi chỉ là một thầy giáo tiểu học vô danh, tôi như viên sỏi vô danh ở trong lòng suối vô danh nhưng chẳng bao giờ tôi thấy cô đơn, trong lòng tôi lúc nào cũng như có một con chim chiến chiến lú lú lo ca hát những lời vô nghĩa bất tận. Đêm chẳng bao giờ là dài, ngày chẳng bao giờ là ngắn. Những ngôi sao xa xôi trên bầu trời giục giã vẫy gọi tôi. Tôi sống, tôi sống như cô giáo Kiềm, như Giảng Seo Mây, như người đàn bà Mông kia ở bản Suối Thầu, tôi chẳng bao giờ đặt ra câu hỏi tại sao thế này, tại sao thế kia... Lúc ấy, tôi chưa có ý thức đi tìm ý nghĩa cuộc sống cho mình.

Ngày 30 Tết, Sa Pa vắng tanh vắng ngắt. Tiết trời cuối năm lạnh giá, nhiệt độ xuống tới 5 độ. Xung quanh nhà thờ, không còn những người bán đồ lưu niệm. Đội quân lái xe ôm cũng đã về nhà. Tôi vào trong nhà thờ, thấy có một mình cháu Yên, cô gái “ô-sin” của nhà anh Lai đang quỳ gối, cầu kinh trước bàn thờ Chúa. Tôi quay ra, không muốn làm phiền cô bé ngoan đạo. Lá của những cây bàng rụng rơi lá tả ở trên mặt đường. Một vài ba khách du lịch nước ngoài lác đác đi bộ dọc trên hè phố. Sa Pa thật đẹp, vẻ đẹp dịu dàng. Phía xa xa, Phan-Xi-Păng, ngọn núi cao nhất được ví như nóc nhà của người Việt Nam thấp thoáng ở trong mây trắng.

Tôi đi lững thững về nhà. Trước cổng biệt thự, tôi ngạc nhiên nhìn thấy người đàn ông người Mông nghiện hút ở bản Suối Thầu mà tôi đã gặp đang ngồi ở đó. Chị Hỷ chạy ra bảo tôi :

- Người này chờ chú suốt cả buổi chiều. Tôi đuổi nhưng lão ấy không đi. Không biết là có chuyện gì.

Người đàn ông người Mông ngồi ủ rũ nhắm mắt lại như người ngủ gật. Trông thấy tôi, ông ta đứng dậy, mắt sáng hẳn lên. Ông ta hỏi tôi :

- Mày gửi cho tao gạo và thịt à ?

Tôi gật đầu. Ông ta bảo tôi :

- Vợ tao rất thích. Nó cảm ơn mày !

Thấy chuyện lạ, anh Lai và hai cháu Quang, cháu Vân cũng chạy ra xem. Người đàn ông người Mông lấy ra trong túi một bọc vải nhỏ gửi vào tay tôi. Ông ta nói :

- Cái này của mày !

Nói xong ông ta quay đi, chẳng chào ai cả. Tôi nhìn theo người đàn ông người Mông bước đi loạng choạng, áy náy vì không hiểu làm sao ông ta lại có thể đi được về nhà.

Chị Hỷ đỡ lấy bọc vải ở trong tay tôi mở ra. Chúng tôi sững sờ vì đây chính là pho tượng “*Quan Âm chi lộ*”. Tôi không thể tin ở mắt mình, càng không ngờ lại có phúc có pho tượng ấy. Mọi người trong nhà anh Lai xuyết xoa, ai cũng sờ nắn, xem xét, không muốn rời tay.

Buổi tối, dưới ánh đèn pho tượng trông thật rạng rỡ. Xem xét kỹ, ai cũng thấy rõ rằng đây là một pho tượng quý. Ở dưới đỉnh vàng, có hình Thái thượng lão quân đắp nổi và chữ “*Bình an lộ*”. Ý nghĩa của pho tượng là hãy đi trên con đường bình an, lắng nghe âm thanh trong lòng, đây là con đường mà Quan Thế Âm Bồ tát chỉ lối đưa đường. Anh Lai và chị Hỷ áy náy chùng chùng đây là pho tượng đồng có thể có từ thời nhà Thanh Trung Quốc. Tôi không nghĩ thế bởi xem xét kiểu chữ khắc trên đó thì có thể nó có muộn hơn. Sau phong trào Ngũ tứ và Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc, người ta cải cách chữ Hán. Lúc này tinh thần dân tộc của người Trung Quốc lên cao, nhiều thương gia xuất hiện cố gắng vươn ra thế giới. Rất có thể đây là pho tượng của một thương gia thành đạt thời ấy. Song, đây cũng có thể là pho tượng của một người Việt Nam nào đó làm ra. Tôi đã từng đến xem các lò đúc đồng ở Huế, ở Hà Nam, ở Hà Nội và rất thán phục nhiều tác phẩm điêu khắc kỳ khu của họ. Muốn biết rõ lai lịch của nó phải chờ khi về Hà Nội hỏi các chuyên gia. Tôi không phải là người chơi đồ cổ, những thứ thế này tôi chẳng biết gì.

Đêm 30 Tết, chúng tôi ngồi đón giao thừa. Pho tượng đặt giữa bàn ăn thấp nền. Một bầu không khí thiêng liêng và bình an làm cho ai nấy đều xúc động, muốn xích lại gần nhau hơn.

Anh Lai chúc mừng tôi. Anh nói :

- Năm mới, “*quý vật gặp quý nhân*”. Chắc là con đường phía trước của chú sẽ bình an may mắn.

Tôi cười như mèo. Tôi không còn trẻ.

Tôi không hy vọng gì nhiều ở phía trước. Với tôi từ lâu “*cuộc chơi đã kết thúc rồi*”. Tôi ngẫu nhiên có pho tượng này, thực sự thâm tâm tôi cũng chẳng cầu. Phúc họa thường vẫn đi kèm như hình với bóng. Ý nghĩa phù du của cuộc sống cho đến một lúc nào đó ai cũng hiểu ra. Thường thường, hiểu ra thì đã muộn rồi. Trời xanh kia vẫn trở trêu, được mất ở đời có gì quan trọng ?

Tôi nói điều ấy với anh Lai, chị Hỷ. Ai cũng cười tôi, cho tôi là người “*bi quan chủ nghĩa*”. Ừ thôi cũng được, chúng ta hãy sống, chấp nhận nhau, yêu thương, làm sao mỗi ngày ta sống sẽ là một ngày hoan lạc, ở đây chỉ có nụ cười thân thiết và những lời nói chân tình với nhau.

Chị Hỷ lấy tiền ra mừng tuổi mọi người. Chị nói với tôi :

- Nếu chú bán pho tượng thì tôi mua đây !

Tôi cười. Tôi thấy khó xử. Nếu anh chị thích thì tôi tặng lại, “*quý vật gặp quý nhân*”, cũng là một lẽ... Anh Lai trầm ngâm, lắc đầu :

- Định mệnh của chú... Chắc là nghiệp chướng gì đây ! Chúng tôi không làm thế được !

Mọi người uống rượu sâm-banh, chúc tụng nhau rồi đi ngủ. Pho tượng vẫn đặt trên bàn.

Ngày mùng 1 Tết, cả nhà anh Lai với tôi đi dạo phố phường, chúc Tết bất cứ ai gặp trên đường. Nhìn thấy gia đình anh Lai riu rít, tôi bỗng giật mình :

- Ngày Tết là ngày đoàn tụ gia đình. Tại sao tôi lại ở đây ?

Lòng tôi cồn cào như có lửa đốt.

- Tết này chưa chắc em về được...

Câu nói bằng quơ của cô giáo Kiềm văng vẳng bên tai. Tôi bật cười, nhớ lại mấy câu thơ cũ của một nhà thơ mà tôi yêu mến :

Giang hồ sót lại mình tôi

Quê người đấng khời quê người cay men...

Tết này chưa chắc em về được

Em gửi về đây một tấm lòng

Ai bảo mắc duyên vào bút mực

Sòng đời mang lấy số long đong

Người ta đi kiếm giàu sang cả

Mình chỉ mơ toàn chuyện viễn vông

Khốn nạn, tương yêu thì khó chứ

Không yêu thì thực dễ như không!...(1)

Đời người cầm bút xưa nay mấy người thanh thân ? Khúc đoạn trường, mấy ai

hiểu rõ nỗi lòng của mỗi một người ?

Chiều hôm ấy, sau bữa cơm, ai nấy đều giật mình vì phát hiện ra pho tượng “*Quan Âm chi lộ*” bỗng nhiên biến mất. Tất cả nháo nhác đi tìm. Anh Lai rất bức, đập vỡ cả lọ hoa. Không khí ngày Tết trở nên âm đạm. Thật vô lý quá, ngôi biệt thự này có tường bao quanh, không ai ra vào. Đồ đạc trong nhà không mất thứ gì. Tại sao bức tượng không cánh mà bay ?

Anh Lai gọi từng người một vào phòng cật vấn. Anh tỏ ra rất bức. Cháu Quang, cháu Vân bị xúc phạm, phát khóc, bỏ đi, tôi cũng không về. Tất cả nghi ngờ đổ vào cháu Yên, cô bé “ô-sin” tội nghiệp. Cô bé gọi tên Chúa, thề thốt đủ điều. Chị Hỷ lục soát các túi đồ đạc, áo quần của nó. Tôi cố can gián nhưng không làm sao ngăn được sự giận dữ của hai vợ chồng anh Lai. Sáng mùng 2 Tết, chị Hỷ tống cổ cháu Yên, mua vé tàu hoả bắt nó trở về Hà Nội. Những ngày nghỉ Tết còn lại trở nên khó chịu vô cùng. Ngày mùng 4 Tết, anh Lai họp mọi người trong nhà, quyết định trở về Hà Nội sớm hơn dự định. Chị Hỷ thu xếp đồ đạc, sai cháu Quang đi thuê xe ô tô chở chúng tôi về Hà Nội ngay ngày hôm ấy.

Anh Lai gọi tôi vào phòng, đóng cửa lại, bảo tôi :

- Gia đình tôi thật có lỗi với chú. Sự việc xảy ra thật không hay. Pho tượng quý bị mất, tôi rất ân hận. Gia đình tôi tự thấy phải có trách nhiệm bồi thường cho chú...

Anh Lai lấy tiền ra, bảo tôi :

- Đây là 1 nghìn đô-la. Số tiền này không phải là số tiền đánh giá giá trị pho tượng. Nó có thể hơn thế, cũng có thể nó không bằng thế... Chú hiểu cho tôi, đây chỉ là một số tiền mọn nhỏ nhoi, giải quyết một sự kiện mọn không ra gì. Thực khôn nạn, tôi không biết chứng minh danh dự của gia đình tôi bằng cách thế nào với chú. Khi phải dùng hạ sách này, chính tôi, tôi cũng rất nhục. Chú hiểu cho tôi, từ xưa đến nay tôi vốn là người dứt khoát, rạch ròi, chính trực.

Tôi bảo anh Lai rằng anh không nên làm thế, rằng pho tượng này chỉ là quà tặng mà thôi, rằng tôi có được cơ duyên làm bạn với gia đình anh thì không nên chỉ vì một chuyện nhỏ con mà làm phương hại tình cảm với nhau, rằng...

Anh Lai cố ép nhưng tôi không nhận. Chúng tôi cãi nhau. Cuối cùng tôi nói, thực ra cũng vì quá bức bối với thái độ kiên quyết cố chấp của anh :

- Thế anh có bao giờ nghĩ rằng chính tôi giấu đi pho tượng này không ? Có thể vì mục đích này hay mục đích khác ?

Anh Lai cười nhạt, ngồi xuống ghế, lắc đầu :

- Thực ra, cũng có lúc tôi đã nghĩ thế. Xin lỗi chú, tôi cũng đã bí mật lục soát đồ đạc của chú. Do nghề nghiệp, tôi đã phải tiếp xúc, làm việc với đủ hạng người, xem xét cả khía cạnh cao thượng lẫn lưu manh trong con người họ, không trừ ai hết, kể cả người thân. Không phải tôi không tin con người, không phải tôi không nhân văn, chú đừng đánh giá tôi thấp, rằng tôi là kẻ lạnh lùng. Có những công việc không nên để cho cảm tính dự vào. Thú thực với chú, không một hạng người nào mà qua được mắt của tôi, tôi không đảm bảo 100 % nhưng tới 90 % thì tôi chắc chắn, rằng tôi hiểu được họ và tôi kiểm soát được họ, trừ một loại người... Chú có biết không, chính là nhà văn, chính là những người như chú...

Tôi lặng người đi, bỗng nhiên thấy trong lòng mình đắng ngắt. Anh Lai đi đi lại lại trong phòng. Anh nói với tôi :

- Tôi không hiểu nổi một người viết văn như chú. Chú là ai ? Tại sao chú lại viết ra những thứ làm cho mọi người dẫn vật lòng mình ? Chú có quyền gì ? Ai trao cho chú cái quyền năng ấy ? Tư cách của chú tôi gạt sang bên. Tôi không hiểu sao mọi người vì nể một người như chú ? Ở chú có phẩm chất gì ? Cao thượng ư ? Không phải ! Nghiêm cẩn ư ? Cũng không phải nốt... Tôi chỉ nhận ra ở chú dục vọng hão huyền và khả năng đánh thức cái dục vọng hão huyền, ghê gớm ấy ở mỗi một người ? Điều ấy là tốt ư ? Không phải ! Xấu ư ? Không phải ! Từ bản chất, tôi vừa cảm ghét vừa sợ hãi, cảm phục những người như chú. Chú có hiểu không ?

Tôi ngạc nhiên nhìn anh Lai. Hoá ra chuyển đi của tôi và gia đình anh chỉ là cái cớ để anh tìm hiểu về tôi. Tôi bật cười, hoàn toàn bất ngờ vì sự trở trêu trong hoàn cảnh đó của mình.

Tôi dứt khoát không nhận số tiền anh Lai đưa cho. Tôi có những nguyên tắc lương tâm của tôi. Tôi nói với anh rằng thực ra số tiền này phải thuộc về người đàn ông người Mông nghiệp ngập mà tôi ngẫu nhiên gặp gỡ, chính tôi cũng chẳng biết tên tuổi ông ta là gì. Nếu có số tiền ấy, ông ta cũng chỉ dùng để hút thuốc phiện mà thôi, nó cũng chẳng giúp cho ông ta cải thiện thêm gì số phận tội tệ của mình. Câu chuyện về bức tượng “*Quan Âm chi lộ*”

tốt nhất là nên chấm dứt ở đây. Tôi hy vọng tình cảm của tôi với gia đình anh không phải chỉ vì một chuyện nhỏ nhoi thế này mà sứt mẻ.

Chúng tôi về Hà Nội. Thời gian trôi đi. Tôi cũng nghĩ rằng câu chuyện không vui trong dịp Tết năm ấy rồi cũng rơi vào quên lãng, chẳng còn ai nhớ. Sáu tháng sau, tôi được biết anh Lai đã đi nhận công tác mới, cháu Quang cũng sang bên Mỹ làm việc, cháu Vân thì đi học đại học ở Anh. Một hôm, chị Hỷ đến nhà tôi chơi. Tôi rất ngạc nhiên thấy chị mang đến bức tượng “*Quan Âm chi lộ*”. Chị nói :

- Tôi đã tra hỏi con bé “ô-sin”. Tôi đã không nhầm. Nó là thủ phạm của vụ trộm này. Chú có biết không, hạng người như nó thì có dạy dỗ thế nào vẫn thế... Tôi đã đuổi việc nó rồi !

Tôi mời chị Hỷ ở lại ăn cơm nhưng chị từ chối nói là rất bận. Tôi ngồi một mình, buồn bã nâng bức tượng lên tay xem xét. Hình ảnh cô gái bé nhỏ âm thầm quỳ trước bàn thờ Chúa cầu nguyện hôm nào trong ngôi nhà thờ ở Sa Pa hiện ra ở trước mắt tôi. Tội nghiệp cho nó. Tôi không tin nó là thủ phạm. Ở bên ngoài, những chiếc lá của cây bàng rụng rơi lá tả trên nền sân đá.

Chị Hỷ ra về. Tôi cẩn thận đặt bức tượng Phật lên trên bàn thờ. Trên khuôn mặt Quan Thế Âm Bồ tát hình như có một giọt nước mắt trong veo lăn xuống khóc cho số phận trở trêu của mỗi con người.

Chắc chắn là tôi sẽ còn quay trở lại Sa Pa. Phải trở lại chứ ! Vì sao ư ? Vì Sa Pa là mảnh đất tình yêu, mảnh đất giữ người !

Trên đất nước mình, đâu đâu chẳng là mảnh đất tình yêu, mảnh đất giữ người ? Hãy làm cho mảnh đất này ngày càng phi nhiêu, tươi đẹp. Tôi nghĩ thế, chân thành nghĩ thế.

Vậy còn bạn, bạn nghĩ thế không ?

Kìa Xuân đang về. Lại một cái Tết đi qua. Hãy lắng nghe âm thanh trong lòng. Phải sống ! Phải sống cho ra giá trị cuộc sống con người, dù cho thế nào đi nữa...

Nguyễn Huy Thiệp

Hà Nội 12/2004

(Tạp chí NGÀY NAY,
số Xuân Ất Dậu)

(1) thơ Nguyễn Bình

PHAN TAM KHÉ

Xem phim MÙA LEN TRÂU

của Nguyễn Võ Nghiêm Minh



Trên cánh đồng lầy lội, một bé gái đang loay hoay lôi một vật gì từ trong đám ruộng bùn ra. Bé cất tiếng gọi : “ Ngoại ơi, lôi đây xem nè ”. Một tiếng vọng già nua vang lên như kể lể cho con cháu nghe về quá khứ đời mình.

Bỗng màn hình trở nên sinh động : một cậu thiếu niên bị bõm ra sức kéo cặp trâu về nhà. Nhà là một túp lều chơ vơ bồng bênh trên sông nước mênh mông. Một cặp vợ chồng già ra đón. Qua cuộc đối thoại ngắn gọn của 3 người, khán giả nắm bắt ngay được cốt lõi toàn chuyện phim : Nước lũ bao trùm toàn vùng, trâu là tài sản duy nhất của nông dân bị nạn thiếu cô đe dọa. Người ta phải lừa trâu lên vùng cao để kiếm cái ăn cho trâu, và vì thế mà các nhóm “ len trâu ” được tổ chức. Thế nhưng không phải ai cũng “ len trâu ” được vì những nhóm này là các bè đảng tụ tập những tay anh chị trong vùng, họ là những người đâm đá và giết chóc nhau không thương tiếc. Để nhập bọn, phải đóng cho họ một số tiền rất lớn. Kim, tên của thiếu niên được cha giao phó cho nhiệm vụ, dắt hai trâu và xin nhập bọn, và Kim hứa sẽ trả nợ vào vụ mùa đến.

Kim ra đi, và gian truân bắt đầu. Chuyển đi làm Kim lớn hẳn ra và đã làm mất bản tính ngây thơ mộc mạc, thuở ban đầu của chàng.

Ngày trở về lại càng ảo não hơn. Kim chẳng giúp gì cho gia đình, vì cậu chỉ trở về với mỗi một con trâu, và con kia thì chỉ còn là một bộ da vắt vẻo trên lưng của chú trâu đồng hành. Chủ nợ lại rá riết. Cuối cùng cha Kim phải bán nốt con trâu còn lại. Niềm an ủi thân thương của hai cha con đã mất, và chẳng còn gì giữ chân họ lại ở miền đất nghiệt ngã này.

Kim bỏ nhà ra đi, và cùng một người bạn thân lập ra nhóm “ len trâu ” riêng. Nhưng định mệnh cũng chẳng tha cho Kim. Kim phải lòng vợ bạn. Và lương tâm vẫn còn đó, nhân khi nghe cha bị ốm nặng, Kim bỏ người yêu và nhóm “ len trâu ” ra đi. Sau khi chôn cha dưới lòng nước sâu, Kim quay về quê hương để lại an phận với cuộc đời chân lấm tay bùn muốn thuở.

Trên màn hình lại hiện ra đứa bé đang hi hục lôi vật gì trong bùn đen ra. Tiếng cụ già vọng : “ Con đang cầm

trong tay hài cốt của ông Cố con ”. Chả bao nhiêu thế hệ rồi nhi ? Khán giả thâm tính. Cuốn phim kết thúc ở đây. Cảnh vật vẫn mang màu bùn đen u tối, âm đạm như số phận của người dân miền Cà Mau từ thế hệ này sang thế hệ khác luân lưu thay đổi theo nhịp của 2 mùa.

Nguyễn Võ Nghiêm Minh sinh năm 1956 tại miền Nam Việt Nam. Sau khi đỗ tú tài anh được học bổng qua Pháp học tại Poitiers. Ở đây anh đậu bằng kỹ sư và tiếp tục sang học đại học Los Angeles (UCLA) và đậu bằng tiến sĩ vật lý ứng dụng.

Năm 1995 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong đời anh. Anh bỏ tất cả để quay qua học về điện ảnh. Kịch bản *Mùa len trâu* dựa trên một truyện ngắn của Sơn Nam, nhưng cấu tiết và mọi tình tiết trong phim đều do anh tạo ra.

Có thể nói, vai chính của cuốn phim là : sóng nước. Toàn bộ phim bị lũ lụt bao trùm. Và đây là dụng ý của Đạo diễn. Theo anh thì nước không phải là hậu cảnh cho cuốn phim mà là một biểu hiện sự có mặt thường trực của thiên nhiên để giải kết mọi mâu thuẫn luân lưu của cuộc đời những người dân miền đất Cà Mau. Cũng theo anh : thường thì nước biểu hiện cho sự thâm lọc ô uế, thể hiện cho cuộc sống, nhưng nước ở đây lại là một sự kết hợp của chết chóc, rùn mục và cùng một lúc, cá và lúa gạo đã nuôi đời sống của dân miền này cũng từ nước mà ra. Nước làm nát vữa mọi vật để phù bồi cho sự sống : ở đây nước là một thể hỗn hợp biến thái của sự sống và sự chết.

Sự thay đổi mùa mưa nắng đã thôi thúc cuộc sống và đạo diễn đã nắm vững yếu tố này làm chủ đề cho cuốn phim. Tiếc rằng sự tương phản về màu sắc giữa hai mùa không được rõ rệt lắm mà, phim thiếu hẳn màu xanh tươi mát mà khán giả chờ đợi sau những phút căng thẳng não trạng khi cùng đạo diễn đi qua suốt một mùa mưa. Nhưng chắc gì đây không phải là dụng ý của đạo diễn : màu xanh lam, màu lam nhạt, màu

MÙA LEN TRÂU chiếu tại Pháp

Hãng phim : NOVAK PRODUCTION, Hãng phim GIẢI PHÓNG và TADRART film

Đạo diễn, viết kịch bản : Nguyễn Võ Nghiêm Minh

Diễn viên : Lê Thế Lữ, Nguyễn Thị Kiều Trinh, Nguyễn Hữu Thành, Kra Zan Sram, Nguyễn Anh Hoa, Nguyễn Thị Thắm, Võ Hoàng Nhân.

Âm nhạc : Tôn Thất Tiết

Người quay phim : Yves CAPE

Giải thưởng : *Tuổi trẻ* của liên hoan điện ảnh phim LOCARNO 2004, *Kì lân Vàng* của Liên hoan điện ảnh AMIENS 2004, *Giải nhất* về đạo diễn liên hoan điện ảnh CHICAGO 2004, Giải thưởng ban giám khảo, đại hội điện ảnh MANAUS 2004.

Bắt đầu từ ngày **23.3.2005**, *Mùa len trâu* sẽ được chiếu tại 15 rạp chiếu bóng ở Pháp (Paris và các tỉnh). Bạn đọc có thể vào các trạm URL sau đây trên mạng để biết rõ :

www.gardiendebuffles.com

www.allocine.com

đen nhũn của bùn lầy cứ bâng bạc đến vô cùng như nói lên được cuộc đời đen tối của người nông Đất Mũi ?

Có một vài lần, trong phim xuất hiện vài chiếc xuồng máy mang cờ Tam Tài như để xác định mốc thời gian. Các xuồng máy xuất hiện một cách vụng về gượng ép và rời rạc. Đáng tiếc. Vì sao nghệ thuật lại cần đến mốc thời gian nhỉ ?

Câu chuyện phim đã đánh một vòng 360 ° để đoạn cuối được “ Nổi vòng tay lớn ” với đoạn đầu. Ở đây cũng là dụng ý của đạo diễn : cuộc đời cứ thay đổi vòng vòng, bất biến và bất tận.

Người quay phim, Yves CAPE, cho biết trước lúc nhận làm phim ông không biết một chút gì về Việt Nam. Qua kịch bản ông cũng không được biết thêm gì ngoài việc ông sẽ quay một cuốn phim đầy khó khăn, loại “ cao bồi trên nước ”. Trước khi đi, ông đã xem qua hai bộ phim của Trần Anh Hùng : *Mùi đu đủ xanh* và *Mùa hè chiều thẳng đứng* để có một ý niệm khái quát về thẩm mỹ của miền đất lạ. Ông cho biết tiếp : Khi đến nơi, ông thấy ở đây, mọi người, mọi vật, mọi cảnh đều mang một vẻ đẹp tự nhiên và ông không cần phải cố gắng để tô hồng điểm lục. Ông chỉ có việc là cứ ghi lại những điều trông thấy đúng như sự thật của người ngắm nhìn tại chỗ.

Và có lẽ vì như thế nên ông đã cố gắng cho chúng ta những hình ảnh tuyệt đẹp. Những hình ảnh hoành tráng chen nhau, rộn ràng đến nỗi làm choá mắt, và người xem bị phân tâm khó theo dõi được dòng chảy của bộ phim ...

Qua ống kính của ông Yves CAPE, đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh đã cho khán giả khám phá một vùng đất lạ, khám phá những phong tục tập quán mà hình như cho đến bây giờ chưa một ai đưa lên màn ảnh như : chôn người dưới đáy nước, treo xác người trên cây chờ nước rút.

Mãi đến gần 50 tuổi đạo diễn đã bỏ tất cả để quay ra nghề làm phim. Với lòng can đảm, tự tin hi hữu, cùng một tài năng như thế, Nguyễn Võ Nghiêm Minh chắc sẽ còn đi rất xa trên con đường điện ảnh.

Phan Tam Khê

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đỗ

Imprimé par Point Concept, Vitry sur Seine

Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)

Vụ kiện dioxin bắt đầu

Ngày 31.1.2004, Hội nạn nhân chất độc da cam Việt Nam và 3 nạn nhân đầu tiên đại diện cho các nạn nhân chất độc da cam Việt Nam là Phan Thị Phi Phi, Nguyễn Văn Quý và Dương Quỳnh Hoa, đã gửi đơn kiện các công ty hóa chất Mỹ sản xuất, cung cấp chất độc này cho quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam. Tòa án Liên bang Mỹ ở Brooklyn (New York) đã tiếp nhận đơn kiện và ngày 8.3.2004, đã quyết định thời gian 6 tháng cho luật sư hai bên chuẩn bị kiến nghị trình tòa và cho luật sư bên nguyên hoàn thiện đơn kiện.

Sau nhiều lần gia hạn cho các thủ tục pháp lý liên quan đến quá trình xét xử, vụ kiện đã bắt đầu phiên tranh tụng đầu tiên vào ngày 28.2.2005.

Dự kiến, mỗi bên có khoảng 20 luật sư tham gia tranh tụng. Theo thủ tục pháp lý, hai bên cũng đã cung cấp cho nhau hàng nghìn trang tài liệu để làm sáng tỏ các lập luận của mình. Đại diện cho các nạn nhân Việt Nam trong vụ kiện này là công ty luật Goodman & Moor, cùng 40 luật sư khác do luật sư Constantine Kokkoris và Jonathan Moore dẫn đầu. Trong phiên tòa xét xử, ngoài luật sư đại diện cho các công ty hóa chất Mỹ, có cả sự xuất hiện của các đại diện cho Chính phủ Mỹ, luật sư Michael Goldgerger và đại diện các cựu chiến binh Mỹ, luật sư Mark Cuker.

Ngày mở đầu vụ kiện, tờ *New York Times* đã tiết lộ rằng bộ Tư pháp Mỹ hồi tháng Giêng đã gửi tài liệu yêu cầu thẩm phán tòa án Brooklyn bác bỏ vụ kiện. Các luật sư của bộ Tư pháp cho rằng vụ kiện đe dọa một cách nguy hiểm quyền tiến hành chiến tranh của tổng thống, và mở cửa các tòa án của hệ thống luật pháp Mỹ cho những kẻ thù cũ để họ tố cáo rằng đã bị các lực lượng vũ trang Mỹ làm hại. Luật sư bên đơn, ông Constantine P. Kokkoris đã bác bỏ lập luận này và nhấn mạnh rằng chính phủ Mỹ không là bên bị trong vụ kiện. Ông nhắc lại, đây là vụ kiện các công ty sản xuất ra chất Da cam.

Thẩm phán Jack B. Weinstein, chủ tọa phiên tranh tụng, từ năm ngoái đã từng nhận xét rằng vụ kiện sẽ vương nhiều rắc rối về pháp lý, nhưng ông cho rằng vụ kiện đặt ra những vấn đề quan trọng và “ *phải được tiến hành một cách nghiêm túc* ”, hàm ý rằng vụ việc có thể phải được đưa lên Tòa án Tối cao Mỹ.

Ông cũng đặt vấn đề, liệu các tiền lệ liên quan đến việc xét xử các nhà sản xuất chất Zyklon B (một chất độc được sử dụng trong các trại tập trung của phát xít Đức) có thể áp dụng cho vụ kiện chống các công ty sản xuất chất độc da cam hay không. Sau Thế chiến II, hai nhà sản xuất Zyklon B đã bị truy tố tội ác chiến tranh và bị xử tử.

Mặc dù các công ty sản xuất chất độc da cam chưa từng thừa nhận loại hoá chất này gây bệnh cho người, nhưng năm 1984, sau nhiều năm đấu đá trước tòa, họ đã đồng ý bồi thường 180 triệu USD cho các cựu binh Mỹ từng tiếp xúc với thuốc Da cam, và bị ung thư, đẻ con dị dạng hay bị những vấn đề sức khoẻ khác.

Quá trình tranh tụng để đi đến kết luận cuối cùng có thể kéo dài từ 2 đến 6 tháng.

(theo **VnExpress** và **New York Times** 28.2.2005)